

# Luận Đại Trí Độ

## Tập III

### Cuốn 51 - 55

(Mahàprajñàparamitàsatra)

**Tác giả:** Nàgàrjuna (Long Thọ)  
**Dịch Phạn ra Hán:** Cưư Ma La Thập  
**Việt Dịch:** HT.Thiện Siêu

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam  
Ấn hành 1997

---o0o---

*Nguồn*

<http://www.quangduc.com>

# Luận Đại Trí Độ

## Tập III

### Cuốn 51 - 55

(Mahàprajñàparamitàsàtra)

**Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)**

**Dịch Phạn ra Hán: Cư Ma La Thập**

**Việt Dịch HT.Thiện Siêu**

Cuốn 51 .....	3
GIẢI THÍCH: PHẨM THẮNG XUẤT THỨ 22 .....	3
GIẢI THÍCH: PHẨM HÀM THỤ THỨ 23.....	10
Cuốn 52 .....	27
GIẢI THÍCH: PHẨM HỘI TÔNG THỨ 24 .....	27
GIẢI THÍCH: PHẨM MƯỜI VÔ THỨ 25.....	29
Cuốn 53 .....	48
GIẢI THÍCH: PHẨM VÔ SANH TAM QUÁN THỨ 26 .....	48
Cuốn 54 .....	70
GIẢI THÍCH: PHẨM THIÊN VƯƠNG THỨ 27 .....	70
Cuốn 55 .....	91
GIẢI THÍCH PHẨM NHƯ HUYỄN THỨ 28 .....	91

## Cuốn 51

### GIẢI THÍCH: PHẨM THẮNG XUẤT THỨ 22

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Siêu Xuất thứ 20)

**KINH:** Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa là vượt trên hết thảy thế gian trời, người, A tu la.

Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa ấy cùng với hư không bình đẳng, như hư không thụ nạp vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Đại thừa cũng như vậy, thụ nạp vô lượng vô biên vô số chúng sinh.

Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa ấy không thấy có chỗ đến, không thấy có chỗ đi, không thấy có chỗ ở. Đại thừa ấy đời trước không thể có được, đời sau không thể có được, đời giữa không thể có được, ba đời đồng là Đại thừa.

Bạch đức Thế Tôn! Vì vậy, thừa ấy gọi là Đại thừa.

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Bồ tát ma ha tát Đại thừa ấy là sáu Ba la mật: Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật; ấy gọi là Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là hết thảy môn Đà la ni, hết thảy môn Tam muội, đó là Tam muội Thủ Lăng Nghiêm cho đến Tam muội hư không, xa lìa vương mắc không nhiễm, ấy gọi là Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Đại thừa của Bồ tát ma ha tát là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; ấy gọi là Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Đại thừa của Bồ tát ma ha tát là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; ấy gọi là Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Như lời Tu bồ đề nói: Đại thừa ấy vượt trên hết thảy thế gian trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu có Dục sẽ thật có tướng không hư vọng, không lẽ khác, không điên đảo, thường có, không biến hoại, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian trời, người, A tu la. Tu bồ đề! Vì cõi Dục hư vọng, do ức tướng phân biệt, hòa hợp mà có tên

gọi, hết thầy đều tướng vô thường, không có pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thầy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Cõi sắc, cõi vô sắc nếu sẽ thật có tướng không hư vọng, không lẽ khác, không điên đảo, có thường, không biến hoại, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thầy thế gian, trời, người, A tu la. Tu bồ đề! Song vì cõi Sắc, cõi Vô sắc hư vọng, do sức tướng phân biệt, hòa hợp mà có tên gọi, hết thầy đều là tướng vô thường phá hoại, không có pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thầy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu sắc sẽ thật có tướng không hư vọng, không lẽ khác, không điên đảo, có thường, không biến hoại, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thầy thế gian, trời, người, A tu la. Tu bồ đề! Song vì sắc hư vọng, do ức tướng phân biệt, hòa hợp mà có tên gọi, hết thầy đều tướng vô thường, phá hoại, không có pháp, vì vậy nên Đại thừa ấy vượt trên hết thầy thế gian, trời, người, A tu la; thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Tu bồ đề! Nếu mắt cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, nếu sẽ thật có tướng không hư vọng, không lẽ khác, không điên đảo, có thường, không biến hoại, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy, không thể vượt trên hết thầy thế gian, trời, người, A tu la. Tu bồ đề! Song vì mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh vì hư vọng, ức tướng phân biệt hòa hợp mà có tên gọi, hết thầy đều tướng vô thường phá hoại, không có pháp, vì vậy nên Đại thừa ấy vượt trên hết thầy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu pháp tánh là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thầy thế gian, trời, người, A tu la. Tu bồ đề! Song vì pháp tánh không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa ấy vượt lên trên hết thầy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu như như, thật tế, tánh bất khả tư nghì là có pháp, chẳng phải không có pháp thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thầy thế gian, trời, người, A tu la. Tu bồ đề! Song vì như như, thật tế, tánh bất khả tư nghì là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thầy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu Bồ Đề! Nếu Thí ba la mật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì Thí ba la mật không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Nếu Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì Giới ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa ấy vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu Bồ Đề! Nếu nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu Bồ Đề! Nếu bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung là có pháp, chẳng phải không có pháp thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu Bồ Đề! Nếu pháp Tánh nhân là có pháp. chẳng phải không có pháp thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì pháp Tánh nhân là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu Bồ Đề! Nếu pháp Bát nhân, pháp Tu đà hoàn, pháp Tư đà hàm, pháp A na hàm, pháp A la hán, pháp Bích chi Phật, pháp Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì pháp Bát nhân cho đến pháp Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu Bồ Đề! Nếu Tánh nhân là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì Tánh nhân là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu Bát nhân, Tu đà hoàn cho đến Phật, là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì Bát nhân cho đến Phật, là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu hết thảy thế gian, trời, người, A tu la là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì hết thảy thế gian, trời, người, A tu la, là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu Bồ tát ma ha tát từ sơ phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, các tâm ở giữa khoảng trung gian đó, nếu sẽ là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì Bồ tát từ sơ phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, các tâm ở khoảng trung gian ấy là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu Bồ tát ma ha tát như Kim cang tuệ là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Bồ tát ma ha tát ấy không thể biết hết thảy kiết sử và tập khí là không có pháp, chẳng phải pháp, được trí nhất thiết chủng. Tu bồ đề! Song vì Bồ tát ma ha tát như Kim cang tuệ là không có pháp, chẳng phải pháp. Thế nên Bồ tát biết hết thảy kiết sử và tập khí là không có pháp, chẳng phải pháp, được trí nhất thiết chủng, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu ba mươi hai tướng của chư Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời oai đức chư Phật không thể chiếu sáng, vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Tu bồ đề! Song vì ba mươi hai tướng của chư Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên oai đức chư Phật chiếu sáng, vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu ánh sáng chư Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời ánh sáng chư Phật không thể chiếu khắp hằng hà sa thế giới. Tu bồ đề! Song vì ánh sáng chư Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên chư Phật lấy ánh sáng chiếu khắp hằng hà sa thế giới.

Tu bồ đề! Nếu sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời chư Phật không thể lấy sáu mươi

thứ âm thanh trang nghiêm khắp đến mười phương vô lượng vô số thế giới. Tu bồ đề! Song vì sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên chư Phật có thể lấy sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm khắp đến mười phương vô lượng vô số thế giới.

Tu bồ đề! Nếu Pháp luân của chư Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thì chư Phật không thể chuyển Pháp luân, các Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc phạm và các chúng khác của thế gian không thể đúng như pháp chuyển được. Tu bồ đề! Song vì Pháp luân của chư Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên chư Phật chuyển Pháp luân, các sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc phạm và các chúng khác của thế gian không thể đúng như pháp chuyển được.

Tu bồ đề! Chư Phật vì chúng sinh chuyển Pháp luân, chúng sinh ấy nếu thấy có pháp, chẳng phải không có pháp, thì không thể khiến chúng sinh ấy nơi Vô dư Niết bàn mà nhập Niết bàn. Tu bồ đề! Song vì chư Phật vì chúng sinh Chuyển pháp luân, chúng sinh ấy là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên có thể khiến chúng sinh nơi Vô dư Niết bàn, đã diệt, nay diệt, sẽ diệt (sẽ diệt độ, Niết bàn –ND).

**LUẬN.** Luận giả nói: Tu bồ đề trên kia lấy năm việc hỏi Đại thừa, Phật đã đáp rồi. Tu bồ đề hoan hỷ tán thán rằng: Bạch Thế Tôn! Đại thừa ấy có oai lực lớn, phá hoại người, trời, thế gian đã có thể vượt hơn trong đó; thí như ba người đi qua đường dữ, một người giữa đêm trốn thoát riêng một mình, một người dùng tiền lo mà khỏi, một người như đại vương với đại quân, tướng, binh chúng, phá dẹp giặc thù, cất quân cứu tế toàn thể, không sợ hoạn nạn. Ba thừa cũng như vậy, như A la hán không thể biết hết thầy tướng chung tướng riêng, cũng không thể phá ma vương, lại không thể hàng phục ngoại đạo; chỉ chán già, bệnh, chết, thẳng đến Niết bàn. Như Bích chi Phật thâm nhập các pháp thật tướng hơn Thanh văn, có một ít từ tâm, dùng lực từ tâm hóa độ chúng sinh, phá được phiền não mà không phá được ma và ngoại đạo. Như Bồ tát từ lúc mới phát tâm đã khởi tâm đại từ bi đối với hết thầy chúng sinh, tuy chưa thành Phật, mà ở khoảng trung gian ấy làm lợi ích vô lượng chúng sinh, quyết định biết thật tướng các pháp, đầy đủ sáu Ba la mật nên phá các ma vương và ngoại đạo, dứt phiền não tập khí, đầy đủ trí nhất thiết chủng, tướng chung tướng riêng đều biết đều rõ, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ba hạng người tuy đều ra khỏi sinh tử, nhưng đường tu phương tiện khác nhau. Thế nên

Tu bồ đề tán thán Đại thừa, dẹp phá hết thủy thế gian, vượt trên trời, người, A tu la; ví như hư không hàm thụ hết thủy quốc độ mà hư không vẫn như cũ không chặt. Đại thừa cũng như vậy, hàm thụ ba đời chư Phật và các đệ tử mà Đại thừa cũng không đầy. Lại, như hư không vì tướng thường nên không có tướng vào, không có tướng ra, không có tướng trụ lại. Đại thừa ấy cũng như vậy, không có chỗ vào ở vị lai, không có chỗ ra ở quá khứ, không có chỗ trụ lại ở hiện tại, phá ba thời nên ba đời bình đẳng, gọi là Đại thừa.

**Hỏi:** Phật nên khen Tu bồ đề về lời tán thán lành thay, cứ sao lại nói Đại thừa?

**Đáp:** Phật muốn thuận theo lời tán thán của Tu bồ đề nên khen. Vì trên nói Đại thừa sâu xa, nay lược nói tướng Đại thừa, vậy sau nói rộng. Đại thừa được Tu bồ đề tán thán là sáu Ba la mật, các môn Đà la ni, môn Tam muội, mười tám không, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung. Đại thừa như Tu bồ đề nói phá hoại hết thủy thế gian, vượt lên trên trời, người. A tu la, việc ấy thật như vậy, vì cứ sao? Vì ba cõi hư dối, như huyền như mộng, vô minh hư vọng, do nhân duyên mà có, nhân quả không có thật nhất định, hết thủy vô thường, phá hoại tiêu diệt, đều là tướng không. Vì Đại thừa trái với ba cõi, nên có thể tột diệt mà vượt lên trên, nếu ba cõi có thật nhất định, thường không hư vọng, thời Đại thừa không thể tột diệt mà vượt lên trên, vì cứ sao? Vì thế lực ngang nhau. Năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, các thọ do sáu xúc sinh cũng như vậy.

Nếu pháp tánh là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa không thể phá thế gian để được vượt lên trên, vì pháp tánh chẳng phải có, nên Đại thừa có thể vượt lên trên thế gian được.

**Hỏi:** Pháp hữu vì do nhân duyên hòa hợp hư vọng nên nói không có, còn như như, pháp tánh, thật tế, tánh bất khả tư nghì, là pháp vô vi thật, gọi là thật tế, vì sao nói không có?

**Đáp:** Vì vô vi không nên nói không có.

Lại nữa, Phật nói là pháp hữu vi, pháp vô vi không thể có được; thật tướng pháp hữu vi tức là pháp vô vi.



Lại nữa, quán sát pháp hữu vi ấy hư dối còn như như, pháp tánh, thật tế là thật. Vì người ta đối với pháp tánh chấp lấy tướng khởi lên tranh cãi cho nên nói không có pháp tánh; hoặc nói có, hoặc nói không, đều có nhân duyên nên không lỗi. Như như, thật tế, tánh bất khả tư nghì cũng như vậy.

Thí ba la mật thế gian vì chấp trước nên có, Thí ba la mật xuất thế gian vì không chấp trước nên không. Vì phá xan tham nên nói có Thí ba la mật, vì phá tà kiến nên nói Thí ba la mật không có; vì độ người sơ học nên nói có, nếu ở trong tâm Thánh nhân thời nói không. Như Thí ba la mật cho đến nếu chúng sinh thật có, chẳng phải là không có pháp, thời không nên cưỡng ép làm cho tiêu diệt, vào Vô dư Niết bàn.

**Hỏi:** Từ khi có được ba mươi hai tướng về sau, sao không nói Đại thừa vượt lên trên?

**Đáp:** Cần nên nói, vì sợ văn dài nên không nói.

Lại nữa, từ khi được ba mươi hai tướng cho đến khi vì chúng sinh chuyển Pháp luân, cũng là Đại thừa, chỉ tên gọi khác nhau mà thôi.

Lại nữa, trên đây tổng quát nói tướng Đại thừa vượt lên trên, chẳng biết thế nào là vượt lên trên. Nay phân biệt nói rằng Phật có ba mươi hai tướng trang nghiêm thân, nên vượt trên hết thầy chúng sinh, Phật có ánh sáng hơn hết thầy ánh sáng mặt trời mặt trăng, chư Thiên; âm thanh của Phật hơn hết thầy âm thanh, hơn âm thanh hay của thế gian, hơn phạm âm của chư Thiên. Pháp luân của Phật hơn Bảo luân của Chuyển luân Thánh vương và hết thầy pháp luân của ngoại đạo, không chướng không ngại. Các Pháp luân khác lợi ích nhỏ nhoi, nông cạn, hoặc một đời, hai đời, cùng tốt ngàn vạn đời, còn Pháp luân của Phật có thể khiến vĩnh viễn vào Vô dư Niết bàn, không còn trở lại sinh tử.

Lại nữa, nếu chúng sinh thật có, Phật không nên khiến chúng sinh vào Niết bàn, nhỏ sạch gốc nó, đây quá hơn giết một mạng, có lỗi lớn như vậy. Vì chúng sinh tâm điên đảo thấy có ngã, nên Phật phá tâm điên đảo ấy nói có Niết bàn, không có chúng sinh thật có thể diệt, cho nên không lỗi. Có các công đức như vậy nên Đại thừa vượt trên hết thầy thế gian.

**Hỏi:** Hết thầy thế gian là mười phương sáu nẻo chúng sinh, cơ sao chỉ nói vượt trên trời, người, A tu la?

**Đáp:** Trong sáu đạo, ba là thiện đạo, ba là ác đạo. Đại thừa còn phá được ba thiện đạo mà vượt lên trên, hướng gì là ác đạo!

**Hỏi:** Trong kinh Long vương nói rằng được đạo Bồ tát, sao nói đó là ác đạo?

**Đáp:** Chúng sinh có vô lượng vô biên, rỗng được đạo rất ít. Lại nữa, có người nói Đại Bồ tát biến hóa thân để giáo hóa nên làm thân rỗng chúa.

---o0o---

## GIẢI THÍCH: PHẨM HÀM THỤ THỨ 23

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Vô Sở Hữu thứ 21)

**KINH:** Phật bảo Tu bồ đề: Ông nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng? Như vậy, như vậy! Tu bồ đề! Đại thừa cùng với hư không bình đẳng. Tu bồ đề! Như hư không, không có phương đông, không có phương nam, phương tây, phương bắc, bốn góc, trên dưới. Tu bồ đề! Đại thừa cũng như vậy, không có phương đông, không có phương nam, phương tây, phương bắc, bốn góc, trên dưới.

Tu bồ đề! Như hư không chẳng phải dài chẳng phải ngắn, chẳng phải vuông chẳng phải tròn. Tu bồ đề! Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải dài chẳng phải ngắn, chẳng phải vuông chẳng phải tròn.

Tu bồ đề! Như hư không, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải đen. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải đen. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Như hư không chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Như hư không chẳng thêm chẳng bớt, Đại thừa cũng như vậy, chẳng thêm chẳng bớt.

Tu bồ đề! Như hư không, không nhớ không sạch; Đại thừa cũng như vậy, không nhớ không sạch.

Tu bồ đề! Như hư không, không sinh không diệt, không trụ, không biến khác. Đại thừa cũng như vậy, không sinh không diệt, không trụ không biến khác.

Tu bồ đề! Như hư không chẳng phải thiện chẳng phải bất thiện, chẳng phải ký chẳng phải vô ký. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải thiện chẳng phải bất thiện, chẳng phải ký chẳng phải vô ký. Vì vậy, nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Như hư không không thấy, không nghe, không hiểu, không biết. Đại thừa cũng như vậy, không thấy, không nghe, không hiểu, không biết.

Như hư không không thể hiểu, không thể biết, không thể thấy, không thể dứt, không thể chứng, không thể tu. Đại thừa cũng như vậy, không thể hiểu, không thể biết, không thể thấy, không thể dứt, không thể chứng, không thể tu. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Như hư không chẳng phải tướng nhiễm, chẳng phải tướng lìa nhiễm. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải tướng nhiễm, chẳng phải tướng lìa nhiễm.

Như hư không chẳng trói buộc ở theo cõi Dục, chẳng trói buộc theo cõi Sắc, chẳng trói buộc theo cõi Vô sắc. Đại thừa cũng như vậy, chẳng trói buộc theo cõi Dục, chẳng trói buộc theo cõi Sắc, chẳng trói buộc theo cõi Vô sắc.

Như hư không không có tâm mới phát, cũng không có tâm thứ hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám chín, mười. Đại thừa cũng như vậy, không có tâm mới phát, cho đến tâm thứ mười.

Như hư không, không có địa vị Càn tuệ, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa; Đại thừa cũng như vậy, không có địa vị Càn tuệ, cho đến không có địa vị Dĩ biện.

Như hư không, không có quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán. Đại thừa cũng như vậy, không có quả Tu đà hoàn, cho đến không có quả A la hán.

Như hư không, không có địa vị Thanh văn, không có địa vị Bích chi Phật, không có địa vị Phật. Đại thừa cũng như vậy, không địa vị Thanh văn cho đến địa vị Phật. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Như hư không, chẳng phải có sắc, chẳng phải không có sắc, chẳng phải có thể thấy, chẳng phải không thể thấy, chẳng phải có đối ngại, chẳng phải không đối ngại, chẳng phải hợp chẳng phải tán. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải có sắc, chẳng phải không có sắc, chẳng phải có thể thấy, chẳng phải không thể thấy, chẳng phải có đối ngại, chẳng phải không có đối ngại, chẳng phải hợp, chẳng phải tán. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Như hư không chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Như hư không, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải làm, chẳng phải không làm. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải làm, chẳng phải không làm. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Như hư không chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Như hư không, chẳng phải tối, chẳng phải sáng. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải tối chẳng phải sáng. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Như hư không, chẳng phải khả đắc, chẳng phải bất khả đắc. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải khả đắc, chẳng phải bất khả đắc. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Như hư không, chẳng phải có thể nói, chẳng phải không thể nói. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải có thể nói, chẳng phải không thể nói. Vì vậy, nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Do nhân duyên ấy, nên nói Đại thừa, cùng với hư không bình đẳng.

**LUẬN:** Luận giả nói: Tu bồ đề tán thán Đại thừa như hư không, Phật liền thuật rộng thành việc ấy: Như hư không, không có mười phương, Đại thừa cũng không có mười phương, cũng không có dài ngắn, vuông tròn, xanh, vàng đỏ, trắng. Đại thừa cũng như vậy.

**Hỏi:** Hư không có thể như vậy, là pháp vô vi, không có sắc, không phương hướng, còn Đại thừa là pháp hữu vi, là sắc pháp, đó là bố thí, trì giới v.v... làm sao nói cùng với hư không bình đẳng?

**Đáp:** Sáu Ba la mật có hai thứ là thế gian và xuất thế gian. Thế gian là hữu vi, sắc pháp, chẳng đồng với hư không. Xuất thế gian cùng với như như, pháp tánh, thật tế, hòa hợp với trí tuệ nên giống như hư không. Từ sau khi chứng được Vô sinh pháp nhẫn, không có phân biệt như hư không.

Lại nữa, như Phật dùng trí vô ngại, quán thật tướng như hư không người khác thời không được như vậy, vì trí tuệ không được thanh tịnh rất ráo.

Lại nữa, Phật trước sau nói các pháp rất ráo không, như tướng Vô dư Niết bàn, như hư không, không nên nghi ngờ. Các pháp khác cũng như vậy, cho đến như hư không chẳng phải nói, chẳng phải chẳng nói cũng như vậy.

**Hỏi:** Như hư không, nói là không có gì là đủ, cứ sao nói không có các tướng?

**Đáp:** Bồ tát mới phát tâm, tâm đắm trước các pháp nhân duyên trong ngoài, vì vậy nên Phật nói như hư không, không có các tướng, Đại thừa cũng như vậy.

**KINH:** Tu bồ đề! Như lời ông nói: Như hư không hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, Đại thừa cũng hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Như vậy, như vậy! Tu bồ đề! Chúng sinh không có nên biết hư không không có; hư không không có nên biết Đại thừa cũng không có. Vì nhân duyên ấy nên Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì cứ sao? Vì chúng sinh, hư không, Đại thừa, các pháp ấy đều không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Đại thừa không có nên biết vô số không có; vô số không có nên biết vô lượng không có; vô lượng không có nên biết vô biên không có; vô biên không có nên biết hết thảy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì chúng sinh, hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, hết thảy pháp ấy đều không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ngã không có, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không có, nên biết như như, pháp tánh, thật tế không có; như như, pháp tánh, thật tế không có, nên biết cho đến vô lượng vô biên vô số không có, vô lượng vô biên vô số không có, nên biết hết thảy pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì chúng sinh cho đến kẻ biết, kẻ thấy; thật tế, cho đến vô lượng vô biên vô số, hết thảy pháp ấy đều không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ngã không có cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết tánh bất khả tư nghì không có; tánh bất khả tư nghì không có, nên biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số không có; vô số không có, nên biết vô lượng không có; vô lượng không có, nên biết vô biên không có; vô biên không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Nên biết Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Tu bồ đề! Vì ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy v.v... hết thảy pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ngã không có cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết mắt không có; tai, mũi, lưỡi, thân, ý không có; mắt cho đến ý không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số không có; vô số không có, nên biết vô lượng không có; vô lượng không có, nên biết vô biên không có; vô biên không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Tu bồ đề! Ngã cho đến hết thảy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ngã không có cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết Thí ba la mật không có; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật không có; Bát nhã ba la mật không có, nên biết hư không không có; hư không không có; nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô lượng vô biên vô số không có; vô lượng

vô biên vô số không có, nên biết hết thấy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì ngã, chúng sinh, cho đến hết thấy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ngã không có cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết “nội không” không có cho đến “vô pháp hữu pháp không” không có; vô pháp hữu pháp không không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số vô lượng vô biên không có; vô số vô lượng vô biên không có, nên biết hết thấy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì ngã, chúng sinh, cho đến hết thấy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ngã, chúng sinh cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết bốn niệm xứ không có; bốn niệm xứ không có, cho đến mười tám pháp không chung không có; mười tám pháp không chung không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số vô lượng vô biên không có; vô số vô lượng vô biên không có, nên biết hết thấy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Đại thừa ấy hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì ngã, chúng sinh, cho đến hết thấy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ngã, chúng sinh không có, cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết Tánh địa không có, cho đến Dĩ tác địa không có; Dĩ tác địa không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số vô lượng vô biên không có; vô số vô lượng vô biên không có, nên biết hết thấy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì ngã, chúng sinh, cho đến hết thấy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ngã, chúng sinh, cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết Tu đà hoàn không có; Tu đà hoàn không có, nên biết Tư đà hàm không có; Tư đà hàm không có, nên biết A na hàm không có; A na hàm không có, nên biết A la hán không có; A la hán không có, nên biết cho đến hết thấy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Đại thừa hàm

thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Tu bồ đề! vì ngã cho đến hết thấy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết Thanh văn thừa không có; Thanh văn thừa không có, nên biết Bích chi Phật thừa không có; Bích chi Phật thừa không có, nên biết Phật thừa không có; Phật thừa không có, nên biết người Thanh văn không có; người Thanh văn không có, nên biết Tu đà hoàn không có; Tu đà hoàn không có cho đến Phật không có; Phật không có, nên biết Trí nhất thiết chủng không có; Trí nhất thiết chủng không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết cho đến hết thấy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì ngã cho đến hết thấy các pháp đều không thể có được, ví như, Tu bồ đề! Tánh Niết bàn hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, Đại thừa cũng hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Vì nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Như hư không hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, Đại thừa cũng như vậy, hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh.

**LUẬN. Hỏi:** Sao không nói hư không rộng lớn vô biên nên hàm thụ hết thấy vật, mà lại nói hư không không có nên có thể hàm thụ hết thấy chúng sinh, mọi vật, Đại thừa cũng không có?

**Đáp:** Hiện thấy hư không không có, hết thấy vạn vật đều ở trong đó, vì không có nên có thể hàm thụ.

**Hỏi:** Tâm tâm số pháp cũng không hình chất, sao không hàm thụ hết thấy vạn vật?

**Đáp:** Tâm tâm số pháp có tướng giác tri, chẳng phải tướng hàm thụ. Lại không có chỗ ở, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc gần hoặc xa, chỉ do tướng phân biệt nên biết có tâm. Pháp hình sắc có chỗ ở, nhân chỗ có sắc nên biết có hư không, do sắc không dung thọ các vật nên biết hư không dung thọ các vật. Sắc với hư không trái nhau, sắc nếu không dung thọ, thì biết hư không dung thọ; như do vô minh nên biết có minh, do khổ nên biết có vui, nhân sắc không có nên nói có hư không, chứ không có tướng riêng.

Lại nữa, tâm tâm số pháp còn có nghĩa không dung thọ, như tâm tà kiến không dung thọ chánh kiến, tâm chánh kiến không dung thọ tà kiến. Hư không thì không như vậy, hết thấy đều dung thọ.



Lại tâm tâm số pháp có tướng sinh diệt, là pháp có thể dứt, còn hư không thời không vậy. Tâm tâm số pháp và hư không đều đồng vô sắc, vô hình, chứ không được nói hoàn toàn không khác. Vì vậy, nên trong các pháp, chỉ nói hư không có thể dung thọ hết thảy.

**Hỏi:** Trước tôi hỏi ý không phải vậy! Ý tôi hỏi cứ sao không nói hư không vì vô lượng vô biên có thể dung thọ hết thảy vật, mà lại nói vì không có nên dung thọ hết thảy vật?

**Đáp:** Tôi nói hư không không có tự tướng là đối đãi với sắc tướng mà nói hư không; nếu không có tự tướng thời không có hư không, làm sao nói nó vô lượng vô biên!

**Hỏi:** Ông nói tướng dung thọ, tức là hư không, cứ sao nói không có?

**Đáp:** Tướng dung thọ tức là không có sắc tướng, chỗ sắc không đến được, gọi là hư không, vì vậy nên không có hư không. Nếu thật có hư không, thời khi chưa có sắc phải không có hư không; nếu chưa có sắc đã có hư không, thời hư không vô tướng, vì sao? Vì chưa có sắc. Nhân sắc nên biết có hư không, có sắc nên liền biết có vô sắc. Nếu trước có sắc, sau có hư không, thời hư không là pháp tạo tác, pháp tạo tác thời không gọi là thường. Nếu có pháp vô tướng là không thể có được, vì vậy nên không có hư không.

**Hỏi:** Nếu thường có hư không, nhân sắc nên tướng hư không hiện rõ, vậy tướng hiện ra sau ấy ở hư không?

**Đáp:** Nếu hư không trước không có tướng, sau có tướng cũng không có chỗ ở. Nếu hư không trước có tướng, tướng không có sở tướng; nếu trước không có tướng, tướng cũng không có chỗ ở. Hoặc lìa tướng và vô tướng, vì tướng không có chỗ ở; nếu tướng không có chỗ ở, thời chỗ sở tướng cũng không có, chỗ sở tướng không có, nên tướng cũng không có. Lìa tướng và chỗ tướng ở, thì không còn có pháp. Vì vậy nên hư không không gọi là tướng, không gọi là sở tướng; không gọi là pháp, không gọi là phi pháp; không gọi là có, không gọi là không có. Dứt các ngôn ngữ thời vắng lặng như Vô dư Niết bàn. Các pháp khác cũng như vậy.

**Hỏi:** Nếu hết thảy pháp như vậy tức là hư không, cứ sao còn lấy hư không làm ví dụ?

**Đáp:** Nhân quả các pháp đều là hư dối. Nhân vô minh nên có đối gạt tâm chúng sinh, chúng sinh đắm trước nơi pháp đó mà không đắm trước nơi hư không. Sáu trần đối gạt tâm chúng sinh, hư không tuy cũng đối gạt mà không hư vậy, vì vậy nên lấy hư không làm ví dụ; lấy việc thô thiển phá việc vi tế. Như như không nhân nơi sắc nên chỉ có tên tác giả, không có pháp nhất định. Chúng sinh cũng như vậy, nhân năm uẩn hòa hợp nên chỉ có tên giả, cũng không có pháp nhất định. Đại thừa cũng như thế, vì chúng sinh không, nên không có Phật, không có Bồ tát, vì có chúng sinh nên có Phật có Bồ tát; nếu không có Phật, không có Bồ tát thời không có Đại thừa. Vì vậy nên Đại thừa hay dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sinh; nếu có pháp thời không thể dung thọ vô lượng chư Phật và đệ tử.

**Hỏi:** Nếu thật không có hư không, làm sao có thể dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sinh?

**Đáp:** Vì vậy nên Phật nói vì Đại thừa không có nên vô số không có; vô số không có nên vô lượng cũng không có; vô lượng không có nên vô biên cũng không có, vô biên không có nên hết thảy pháp cũng không có, vì vậy nên có thể dung thọ.

A tăng kỳ (Asamkya) là, Tăng kỳ, Trung Hoa dịch là Số, A dịch là Vô. Chúng sinh và các pháp mỗi mỗi không thể có được biên tế, nên gọi là vô số. Đếm mười phương hư không xa gần không thể có được biên giới của nó, nên gọi là vô số. Phân biệt đếm sáu Ba la mật, chủng chủng bố thí, chủng chủng trì giới v.v... không có số lượng, đếm bao nhiêu chúng sinh đã lên xe (Chánh pháp), sẽ lên xe, hiện lên xe, không thể kể hết; ấy gọi là vô số.

Lại nữa, có người nói bắt đầu đếm chỉ có một, chỉ có một, một một nên nói hai. Như vậy v.v... đều là một, không còn cách đếm khác; nếu đếm là một thời không có số (vô số).

Có người nói: Hết thảy pháp do hòa hợp nên có tên gọi như bánh xe, vành bánh xe, cái tay hoa xe, cái bầu giữa bánh xe hòa hợp nên gọi là xe, không có thật pháp nhất định. Một pháp không có nên nhiều pháp cũng không, vì trước một sau mới nhiều.

Lại nữa, dùng số đếm sự vật, sự vật không có nên số đếm cũng không có, nên gọi là vô số.

Vô lượng là như lấy đầu lượng vật, lấy trí tuệ lượng các pháp cũng như vậy. Các pháp không, nên vô số, vô số nên vô lượng vô biên, không có thật trí, làm sao biết được định tướng các pháp?

Vô lượng nên vô biên, lượng là tổng tướng, biên là biệt tướng; lượng là tướng đầu, biên là tướng cuối cùng.

Lại nữa, ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy không có nên thật tế cũng không có; thật tế không có nên vô số cũng không có; vô số không có, nên vô lượng cũng không có; vô lượng không có, nên vô biên cũng không có; vô biên không có, nên hết thảy pháp cũng không có. Vì vậy nên hết thảy pháp rốt ráo thanh tịnh. Đại thừa dung thọ được hết thảy chúng sinh và pháp, vì hai việc nhân nhau, nếu không có chúng sinh thời không có pháp, nếu không có pháp thời không có chúng sinh. Trước, tổng tướng nói hết thảy pháp không, sau mỗi mỗi riêng nói các pháp không. Thật tế là diệu pháp sau cùng, nó cũng không có hướng gì các pháp khác. Từ tánh bất khả tư lượng cho đến tánh Niết bàn, cũng như vậy.

**KINH:** Tu Bồ Đề! Như ông nói, Đại thừa ấy chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ ở. Như vậy, như vậy! Tu Bồ Đề! Đại thừa ấy chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ ở, vì sao? Tu Bồ Đề! Vì hết thảy các pháp tướng chẳng động, nên pháp ấy không chỗ đến, không chỗ đi, không chỗ ở, vì sao? Tu Bồ Đề! Vì sắc không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; thọ, tưởng, hành, thức không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào. Tu Bồ Đề! Sắc pháp không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; thọ, tưởng, hành, thức không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu Bồ Đề! Sắc như không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; thọ, tưởng, hành, thức như, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu Bồ Đề! Sắc tánh không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; thọ, tưởng, hành, thức, tánh, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu Bồ Đề! Sắc tướng, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; thọ, tưởng, hành, thức tướng, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bồ đề! Mắt, pháp mắt, mắt tánh như, mắt tướng, mắt không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp ý, như ý, tánh ý, tướng ý, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như vậy.

Tu bồ đề! Địa chủng, pháp địa chủng, như địa chủng, tánh địa chủng, tướng địa chủng, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; nước, lửa, gió, không, thức chủng, pháp thức chủng, như thức chủng, tánh thức chủng, tướng thức chủng, cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như như, pháp như như, như như, tánh như như, tướng như như, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bồ đề! Thật tế, pháp thật tế, như thật tế, tánh thật tế, tướng thật tế, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bồ đề! Bất khả tư nghì, pháp bất khả tư nghì, như bất khả tư nghì, tánh bất khả tư nghì, tướng bất khả tư nghì, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bồ đề! Thí ba la mật, pháp Thí ba la mật, như Thí ba la mật, tánh Thí ba la mật, tướng Thí ba la mật, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào. Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, pháp Bát nhã ba la mật, như Bát nhã ba la mật, tánh Bát nhã ba la mật, tướng Bát nhã ba la mật, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bồ đề! Bốn niệm xứ, pháp bốn niệm xứ, như bốn niệm xứ, tánh bốn niệm xứ, tướng bốn niệm xứ, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Tu bồ đề! Bồ tát, pháp Bồ tát, như Bồ tát, tánh Bồ tát, tướng Bồ tát, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Phật, pháp Phật, như Phật, tánh Phật, tướng Phật, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, pháp, như, tánh, tướng, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bồ đề! Hữu vi pháp, pháp hữu vi pháp, như hữu vi pháp, tánh hữu vi pháp, tướng hữu vi pháp, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bồ đề! Vô vi pháp, pháp vô vi pháp, như vô vi pháp, tánh vô vi pháp, tướng vô vi pháp, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Do nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Đại thừa không thấy chỗ đến, không thấy chỗ đi, không thấy chỗ ở.

**LUẬN.** Luận giả nói: Phật bảo Tu bồ đề: Cớ sao ông chỉ tán thán Đại thừa không đến, không đi, không ở? Hết thấy pháp cũng như vậy, không đến, không đi, không ở, vì thật tướng hết thấy pháp chẳng động

**Hỏi:** Các pháp hiện có đến, đi, có thể trông thấy, cớ sao nói tướng nó không động, không đến, không đi?

**Đáp:** Tướng đến, đi, trước đã phá, nay sẽ nói lại: Trong Phật pháp không có ngã, không có chúng sinh, cho đến không có kẻ biết, kẻ thấy, nên kẻ đến kẻ đi không có; kẻ đến kẻ đi không có, nên tướng đến tướng đi cũng phải không có.

Lại nữa, trong ba đời tìm tướng đi, không thể có được, vì cớ sao? Vì trong khi đã đi không đi, trong khi chưa đi cũng không đi, lìa đã đi và chưa đi, trong khi đi cũng không đi.

**Hỏi:** Chỗ có thân động chuyển gọi là đi; trong đã đi và chưa đi không thân động chuyển. Vì vậy nên khi đi, thân động chuyển, tức phải có đi?

**Đáp:** Không phải vậy! Lìa tướng đi, khi đi không thể có được; lìa khi đi, tướng đi không thể có được, làm sao nói khi đi có đi?

Lại nữa, nếu khi đi có tướng đi, lý đáng lìa tướng đi có khi đi, vì sao? Vì ông nói khi đi có đi?

Lại nữa, nếu khi đi có đi, thời nên có hai đi: Một là biết khi đi, hai là biết khi đi có đi.

**Hỏi:** Nếu như vậy thời có lỗi gì?

**Đáp:** Nếu như vậy có hai người đi, vì sao? Vì lìa người đi không có tướng đi, nếu lìa người đi khi tướng đi, thì lìa tướng đi không có người đi, thế nên người đi không đi, người không đi cũng không đi; lìa đi và không đi, cũng không có đi. Đến và ở cũng như vậy.

Vì vậy, Phật nói pháp của người phạm phu hư dối không thật, tuy mắt thịt trông thấy không khác loài súc sinh, đều là không thể tin. Thế nên nói các pháp không đến không đi. không ở cũng không động, sao vậy? Như thế gọi là sắc, pháp sắc, như sắc, tánh sắc, tướng sắc.

Sắc là việc của mắt thấy, chưa phân biệt tốt xấu, thật không thật, tướng mình tướng khác; pháp sắc là chỉ vô thường sinh diệt, bất tịnh v.v... Như sắc là sắc do hòa hợp có, như bọt nước không bền chắc, ly tán thời không có, hư ngụy không thật, chỉ dối gạt mắt người. Sắc hiện tại như vậy, sắc quá khứ, vị lai cũng như vậy, như hiện tại lửa nóng, so sánh biết lửa quá khứ vị lai cũng như vậy.

Lại nữa, như chư Phật quán sắc tướng rốt ráo thanh tịnh không, Bồ tát cũng nên quán như vậy: Pháp sắc, như sắc, vì sao không giống như chỗ thấy của phạm phu?

- Vì tánh nó tự như vậy.

- Tánh ấy thâm diệu làm sao biết được?

Do lực của tướng sắc nên biết được. Như lửa lấy khói làm tướng, thấy khói thời biết có lửa. Thấy tướng sắc nay vô thường, phá hoại, khổ não, thô sáp mà biết tánh nó là vậy. Năm pháp ấy không đi không đến không ở, như trước nói. Cho đến vô vi, pháp vô vi; như, tánh, tướng vô vi, không đến không đi không ở cũng như vậy.

**KINH:** Tu bồ đề! Như ông nói, Đại thừa tiền tế (đời trước) không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được, thừa ấy ba đời bình đẳng, vì vậy nên gọi là Đại thừa. Như vậy, như vậy! Tu bồ đề! Đại thừa ấy tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được, thừa ấy ba đời bình đẳng, vì vậy nên gọi là Đại thừa, vì sao? Tu bồ đề! Đời quá khứ, đời quá khứ không; đời vị lai, đời vị lai không; đời hiện tại, đời hiện tại không; ba đời bình đẳng, ba đời bình đẳng không; Đại thừa, Đại thừa không; Bồ tát, Bồ tát không; vì sao? Tu bồ đề!

Vì Không ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải bốn, chẳng phải năm, chẳng phải khác. Vì vậy nên nói ba đời bình đẳng.

Ấy là Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì trong thừa ấy tướng đẳng chẳng đẳng không thể có được; nhiễm chẳng nhiễm không thể có được; sân chẳng sân không thể có được; si chẳng si không thể có được; mạn chẳng mạn không thể có được, cho đến hết thấy pháp lành, pháp chẳng lành không thể có được. Trong thừa ấy thường không thể có được, vô thường không thể có được, vui không thể có được, khổ không thể có được, thật không thể có được, không không thể có được; ngã không thể có được, vô ngã không thể có được; cõi Dục không thể có được, cõi Sắc không thể có được, cõi Vô sắc không thể có được; độ cõi Dục không thể có được, độ cõi Sắc không thể có được, độ cõi Vô sắc không thể có được, vì sao? Vì Đại thừa ấy tự pháp không thể có được.

Tu bồ đề! Quá khứ sắc, quá khứ sắc không, vị lai, hiện tại sắc, vị lai, hiện tại sắc không; quá khứ thọ, tướng, hành, thức, quá khứ thọ, tướng, hành, thức không; vị lai, hiện tại thọ, tướng, hành, thức; vị lai, hiện tại thọ, tướng, hành, thức không.

Trong không, sắc quá khứ không thể có được, vì sao? Vì trong không, không cũng không thể có được, hướng gì trong không, lại có sắc quá khứ được? Trong không, sắc vị lai hiện tại không thể có được, vì sao? Vì trong không, không cũng không thể có được, hướng gì trong không có sắc vị lai hiện tại được.

Trong không, thọ, tướng, hành, thức quá khứ không thể có được, vì sao? Vì trong không, không cũng không thể có được, hướng gì trong không có thọ, tướng, hành, thức quá khứ được, trong không, thọ, tướng, hành, thức vị lai hiện tại không thể có được, vì sao? Vì trong không, không cũng không thể có được, hướng gì trong không có thọ, tướng, hành, thức vị lai, hiện tại được.

Tu bồ đề! Thí ba la mật quá khứ không thể có được, Thí ba la mật vị lai không thể có được, Thí ba la mật hiện tại không thể có được, trong ba đời bình đẳng Thí ba la mật cũng không thể có được, vì sao? Vì trong bình đẳng, đời quá khứ không thể có được, đời vị lai không thể có được, đời hiện tại không thể có được; trong bình đẳng, bình đẳng cũng không thể có được, hướng gì trong bình đẳng có đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại

được. Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Trong đời quá khứ bốn niệm xứ không thể có được, cho đến trong đời quá khứ mười tám pháp không chung không thể có được. Trong đời vị lai, hiện tại cũng như vậy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Trong ba đời bình đẳng bốn niệm xứ không thể có được, trong ba đời bình đẳng cho đến mười tám pháp không chung không thể có được, vì sao? Vì trong bình đẳng bốn niệm xứ đời quá khứ không thể có được, trong bình đẳng bốn niệm xứ đời vị lai không thể có được, trong bình đẳng bốn niệm xứ đời hiện tại không thể có được; trong bình đẳng, bình đẳng cũng không thể có được; huống gì trong bình đẳng có bốn niệm xứ đời quá khứ, bốn niệm xứ đời vị lai, hiện tại được. Trong bình đẳng, bình đẳng cũng không thể có được, huống gì trong bình đẳng có quá khứ cho đến mười tám pháp không chung được; đời vị lai, hiện tại cũng vậy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Người phạm phu đời quá khứ không thể có được, người phạm phu đời vị lai hiện tại không thể có được. Trong ba đời bình đẳng, người phạm phu cũng không thể có được, vì sao? Vì chúng sinh không thể có được, cho đến kẻ biết kẻ thấy không thể có được. Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ tát, Phật trong đời quá khứ không thể có được, Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ tát, Phật trong đời vị lai, hiện tại không thể có được. Trong ba đời bình đẳng, Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ tát, Phật không thể có được, vì sao? Vì chúng sinh không thể có được, cho đến kẻ biết kẻ thấy không thể có được.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong Bát nhã ba la mật học tướng ba đời bình đẳng, sẽ đầy đủ Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là Đại thừa của Bồ tát ma ha tát; nghĩa là tướng ba đời bình đẳng.

Bồ tát ma ha tát trú trong thừa ấy vượt trên hết thầy thế gian người, trời, A tu la, thành tựu Tát bà nhã.

Bấy giờ, Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì sao? Vì các Bồ tát quá khứ nơi thừa ấy học được Trí nhất thiết chủng, các Bồ tát vị lai cũng ở nơi thừa ấy học và dễ được Trí nhất thiết chủng. Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ tát trong mười phương vô lượng vô số thế giới hiện nay cũng ở nơi thừa ấy học



được Trí nhất thiết chủng. Vì vậy nên, bạch đức Thế Tôn! Thừa ấy thật là Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Phật bảo Tu bồ đề! Như vậy, như vậy! Chư Phật quá khứ vị lai, hiện tại nơi Đại thừa ấy học, đã được Trí nhất thiết chủng, sẽ được, nay được.

**LUẬN:** Luận giả nói: Tu bồ đề lược tán thán Đại thừa ày tiền tế, hậu tế, trung tế không thể có được, vì ba đời bình đẳng nên gọi là Đại thừa. Nay Phật diễn rộng lời tán thán của Tu bồ đề: Ba đời tại sao không thể có được? Đời quá khứ, đời quá khứ không, đời vị lai, đời vị lai không, đời hiện tại, đời hiện tại không, nên không thể có được. Ba đời bình đẳng, bình đẳng là không. Đại thừa, Đại thừa tự không; Bồ tát, Bồ tát tự không; ấy là ý nghĩa của tướng không trong ba đời. Tướng ba đời không, như trước đã nói. Trong đây Phật tự nói nhân duyên của không. Nghĩa là không, tướng không, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải bốn, chẳng phải năm v.v..., chẳng khác, chẳng hợp, chẳng tán, không có phân biệt. Thế nên ba đời bình đẳng tướng không, vì không có gì, bình đẳng ấy cũng không

Bồ tát hiểu được ba đời bình đẳng như vậy, không cho từ đời vô thủy lại đây làm một chán, không cho đời vị lai vô biên làm khó khăn, ấy là Bồ tát ba đời bình đẳng, gọi là Đại thừa. Trong Đại thừa ấy tướng bình đẳng không thể có được, tướng không bình đẳng cũng không thể có được. Được Tam muội về ba đời bình đẳng ấy, phá tướng bất bình đẳng. Vì đối đãi, bất bình đẳng nên có đẳng, bất bình đẳng rất ráo không có nên đẳng cũng không có. Muốn, chẳng muốn, cho đến ba cõi độ ba cõi, là pháp đối đãi cũng như vậy. Trong đây Phật tự nói: Các pháp ấy đều do nhân duyên hòa hợp nên không có tự tánh, tự tánh không có nên không.

Lại nữa, sắc quá khứ, tướng sắc quá khứ không; vị lai, hiện tại cũng như vậy. Như sắc, bốn uẩn khác cũng như vậy, vì sao? Vì trong không, tướng không thể có được, hướng gì trong không có tướng ba đời năm uẩn được. Bồ tát quán năm uẩn không, dứt tham dục, đi vào đạo, là Thí ba la mật v.v... cũng như năm uẩn, trong ba đời không thể có được, vì ba đời bình đẳng, bình đẳng tức là không. Trong bình đẳng ấy, Thí ba la mật không thể có được.

**Hỏi:** Cớ sao ba đời và trong ba đời bình đẳng, Thí ba la mật không thể có được?

**Đáp:** Trong các pháp bình đẳng không có ba đời, trong bình đẳng, tướng bình đẳng cũng không thể có được, huống gì có ba đời. Năm Ba la mật khác cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Lại nữa, trong ba đời tướng phàm phu không thể có được, Thanh văn cho đến Phật cũng không thể có được; vì chúng sinh không vậy. Bồ tát trú trong Bát nhã ba la mật học ba đời bình đẳng không như vậy, nhóm các công đức lành, liền đầy đủ Trí nhất thiết chủng. Phật nói Bồ tát trú được ba đời bình đẳng như vậy, thời vượt trên hết thầy thế gian trời, người và A tu la.

Khi ấy Tu bồ đề, tán thán rằng: Lành thay, lành thay! Đại thừa lợi ích các Bồ tát, vì sao? Vì các Bồ tát quá khứ học Đại thừa ấy, đưa Trí nhất thiết chủng; chưa được, nay được cũng như vậy.

Có người nói: Không có nhân duyên được thanh tịnh, cũng không có nhân duyên nhiễm cấu uế, lớn nhỏ, tốt xấu, trói mở đều do vô chủ đưa đến. Có người nói: Tốt xấu, trói mở, thời tiết đến thì tự được. Có người nói: Phước đức thành tựu nên được Phật đạo. Có người nói: Chỉ được thật trí tuệ thanh tịnh mới được Phật đạo.

Những người nói như vậy đều là phi nhân duyên, ít nhân duyên, Tu bồ đề không tán thán. Nay Phật bỏ phi nhân duyên, cũng bỏ nhân duyên, không đầy đủ; mà nói nhân duyên đầy đủ, đó là sáu Ba la mật, ba đời Bồ tát học thừa ấy đầy đủ, được thành đạo. Phật cũng được Tu bồ đề tán thán nói: Lành thay ! lành thay!

(Hết cuốn 51 theo bản Hán)

--o0o --

## Cuốn 52

### GIẢI THÍCH: PHẨM HỘI TÔNG THỨ 24

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Tùy Thuận thứ 22)

**KINH:** Bảy giờ Tuệ mạng Phú lâu na Di đa la ni tử bạch Phật rằng: Bạch đức Thế tôn! Phật trước sai Tu bồ đề thuyết Bát nhã ba la mật cho các Bồ tát ma ha tát, sao nay bèn nói Đại thừa?

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con nói Đại thừa sẽ không xa lìa Bát nhã ba la mật chăng?

Phật dạy: Tu bồ đề, không! Ông nói Đại thừa tùy thuận Bát nhã ba la mật, không lìa Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì hết thấy pháp lành, pháp trợ đạo, hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Bích chi Phật, hoặc pháp Bồ đề, hoặc pháp Phật, hết thấy pháp ấy đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp lành, pháp trợ đạo, pháp Thanh văn, pháp Bích chi Phật, pháp Bồ tát, pháp Phật đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Đó là Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, bảy giác phần, tám Thánh đạo, không, vô tướng, vô tác, giải thoát môn, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung, tướng không sai lầm, thường xả hành. Tu bồ đề! Cùng các pháp lành khác, pháp trợ đạo, hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Bích chi Phật, hoặc pháp Bồ tát, hoặc pháp Phật đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề! Hoặc Đại thừa, hoặc Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, hoặc sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhãn và sắc, nhãn thức, nhãn xúc, các thọ do nhãn và xúc làm duyên phát sinh, cho đến ý và pháp, ý thức, ý xúc, các thọ do ý và xúc làm duyên phát sinh; địa chủng cho đến thức chủng, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, không vô tướng, vô tác giải thoát môn và các pháp lành hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; hoặc Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế, hoặc cõi Dục, hoặc cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc; hoặc nội không cho đến vô pháp hữu pháp pháp không; các môn Tam

muội, các môn Đà la ni; Phật mười lực cho đến mười tám pháp không chung; hoặc Phật pháp, hoặc Phật pháp tánh, như như, thật tế, bất khả tư nghì tánh, Niết bàn; hết thấy các pháp ấy đều không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng đó là vô tướng.

Tu bồ đề! Do nhân duyên ấy, nên ông nói Đại thừa tùy thuận Bát nhã ba la mật, vì sao? Tu bồ đề! Vì Đại thừa không khác Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật không khác Đại thừa; Bát nhã ba la mật và Đại thừa không hai không khác. Thí ba la mật không khác Đại thừa, Đại thừa không khác Thí ba la mật; Thí ba la mật và Đại thừa không hai không khác, cho đến Thiên ba la mật cũng như vậy.

Tu bồ đề! Bốn niệm xứ không khác Đại thừa, Đại thừa không khác bốn niệm xứ; bốn niệm xứ và Đại thừa không hai không khác; cho đến mười tám pháp không chung không khác Đại thừa, Đại thừa không khác mười tám pháp không chung; mười tám pháp không chung và Đại thừa không hai không khác.

Tu bồ đề! Do nhân duyên ấy, nên ông nói Đại thừa tức là nói Bát nhã ba la mật.

**LUẬN:** Luận giả nói: Phú lâu na tuy tự mình không nghi, chỉ vì kẻ tân học độn căn không hiểu nghĩa một mà tên gọi khác, nên đặt câu hỏi. Tu bồ đề liền đem việc ấy bạch Phật: Phật pháp thậm thâm, điều con nói sẽ không có lỗi chằng? Phật đáp: Ông nói Đại thừa tùy thuận Bát nhã, không có sai trái. Nghĩa là lúc đầu đã luận rồi, nay Phật dạy cho nhân duyên tùy thuận; đó là hết thấy pháp lành thuộc ba thừa, đều tụ hợp vào trong Bát nhã ba la mật, vì có sao? Vì hết thấy pháp lành của ba thừa đều vì Niết bàn. Cửa vào Niết bàn có ba: Hết thấy pháp đều vào cửa không, cửa vô tướng, vô tác. Như trì giới hay sinh thiên định, thiên định hay sinh thật trí tuệ, vì không nhiễm trước thế gian.

Những gì là pháp trợ đạo của ba thừa nhiếp ở trong Bát nhã? Đó là sáu Ba la mật, ba mươi bảy phẩm, ba cửa giải thoát, Phật mười lực, bốn việc không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung, tướng không sai lầm, thường xả hành. Trong đó ba mươi bảy phẩm, ba cửa giải thoát, là pháp chung của ba thừa, sáu Ba la mật là pháp của Bồ tát, mười lực cho đến thường xả hành là pháp của Phật.

Có người nói: Sáu Ba la mật có đầy đủ, có không đầy đủ. Không đầy đủ là pháp chung cả hai thừa, đầy đủ là pháp riêng của Bồ tát.

Lại nữa, Đại thừa không, Bát nhã ba la mật cũng không, nghĩa không là một. Tu bồ đề tùy thuận không làm, như Bát nhã ba la mật không, năm Ba la mật cho đến như như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, Niết bàn, cũng như vậy.

Lại nữa, từ Bát nhã ba la mật cho đến Niết bàn, đều là không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối chỉ một tướng đó là vô tướng. Vì đồng tướng nên nói Đại thừa là Bát nhã Ba la mật, Đại thừa và Bát nhã không hai không khác vậy.

---o0o---

## GIẢI THÍCH: PHẨM MƯỜI VÔ THỨ 25

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Vô Biên Tế thứ 23)

**KINH:** Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát, tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được. Vì sắc vô biên nên biết Bồ tát ma ha tát cũng vô biên; vì thọ, tướng, hành, thức vô biên, nên biết Bồ tát ma ha tát cũng vô biên. Sắc là Bồ tát ma ha tát cũng không thể có được; thọ, tướng, hành, thức là Bồ tát ma ha tát là cũng không thể có được. Như vậy, bạch Thế Tôn! Nơi hết thấy chúng, hết thấy chỗ tìm Bồ tát không thể có được. Bạch Thế Tôn! Con sẽ dạy Bát nhã ba la mật cho những Bồ tát như thế nào? Bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát chỉ có danh tự, như nói danh tự ngã, ngã rất ráo chẳng sinh, giống như ngã; các pháp cũng như vậy, không có tự tánh.

Những sắc gì rất ráo không sinh; những thọ, tướng, hành, thức gì rất ráo không sinh? Bạch Thế Tôn! Rất ráo không sinh không gọi là sắc, rất ráo không sinh không gọi là thọ, tướng, hành, thức. Bạch Thế Tôn! Nếu pháp rất ráo không sinh, nên dạy đó là Bát nhã ba la mật ư? Là rất ráo không sinh cũng không có Bồ tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ tát nghe nói lời này mà tâm không chìm đắm ưu hối, không kinh, không hãi, không sợ, nên biết Bồ tát ma ha tát như vậy, có thể tu hành Bát nhã ba la mật.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Do nhân duyên gì nên nói Bồ tát ma ha tát tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên nói sắc vô biên, nên biết Bồ tát cũng vô biên? Thọ, tưởng, hành, thức vô biên, nên biết Bồ tát cũng vô biên?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên nói sắc là Bồ tát cũng không thể có được? Thọ, tưởng, hành, thức là Bồ tát cũng không thể có được?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên nói nơi hết thấy chủng, hết thấy chỗ tìm Bồ tát không thể có được, nên dạy Bát nhã ba la mật cho những Bồ tát như thế nào?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên nói Bồ tát chỉ có danh tự?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên như nói danh tự ngã, ngã rất ráo không sinh, như ngã, các pháp cũng như vậy, đều không có tự tánh?

Tu bồ đề! Những sắc gì rất ráo không sinh? Những thọ, tưởng, hành, thức gì rất ráo không sinh?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên nói rất ráo không sinh không gọi là sắc; rất ráo không sinh không gọi là thọ, tưởng, hành, thức?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên nói nếu pháp rất ráo không sinh, nên dạy Bát nhã ba la mật ấy chăng?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên nói lìa rất ráo không sinh thì cũng không có Bồ tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng chánh giác?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên nói, nếu Bồ tát nghe lời nói ấy mà tâm không chìm đắm, không ưu hối, không kinh, không hãi, không sợ, nếu tu hành được như vậy, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật?

Bấy giờ, Tu bồ đề trả lời Xá lợi phát rằng: Vì chúng sinh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được, vì chúng sinh không, nên Bồ tát tiền tế không thể có được; vì chúng sinh lìa, nên Bồ tát tiền tế không thể có được.

Xá lợi phát! Vì sắc không có nên tiền tế không thể có được; vì thọ, tưởng, hành, thức không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; vì sắc không nên Bồ tát tiền tế không thể có được; vì thọ, tưởng, hành, thức không nên

Bồ tát tiền tế không thể có được; vì sắc lià nên Bồ tát tiền tế không thể có được; vì thọ, tưởng, hành, thức lià nên Bồ tát tiền tế không thể có được.

Xá lợi phát! Vì sắc tánh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; vì thọ, tưởng, hành, thức tánh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được.

Xá lợi phát! Vì Thí ba la mật không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; vì Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được, vì sao? Xá lợi phát! Vì trong không, tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được. Không chẳng khác Bồ tát, Bồ tát chẳng khác tiền tế. Xá lợi phát! Không, Bồ tát, tiền tế, các pháp ấy không hai không khác. Do nhân duyên ấy nên Bồ tát tiền tế không thể có được.

Xá lợi phát! Vì Thí ba la mật không nên Thí ba la mật lià, vì Thí ba la mật tánh không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được; vì Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật không nên Bát nhã ba la mật lià, vì Bát nhã ba la mật tánh không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được, vì có sao? Xá lợi phát! Trong không tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được. Không chẳng khác Bồ tát, Bồ tát cũng chẳng khác tiền tế. Xá lợi phát! Không, Bồ tát, tiền tế không hai không khác. Do nhân duyên ấy, Xá lợi phát, nên Bồ tát tiền tế không thể có được.

Lại nữa, Xá lợi phát! Nội không không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được. Vì nội không không nên nội không lià, vì nội không tánh không có cho đến vô pháp hữu pháp không, vì không, vì lià, vì tánh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được. Các nghĩa khác như trên đã nói.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bốn niệm xứ không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; bốn niệm xứ vì không, vì lià, vì tánh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được; mười tám pháp không chung, vì không, vì lià, vì tánh không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được. Các nghĩa khác như trên đã nói. Do nhân duyên ấy, Xá lợi phát, nên Bồ tát tiền tế không thể có được.

Lại nữa, Xá lợi phát! Hết thấy môn Tam muội, hết thấy môn Đà la ni không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; môn Tam muội, môn Đà la ni vì không, vì lìa, vì tánh không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được. Các nghĩa khác như trên nói.

Lại nữa, Xá lợi phát! Pháp tánh không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được; pháp tánh vì không, vì lìa, vì tánh không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được, các nghĩa khác như trên đã nói.

Lại nữa, Xá lợi phát! Như như vì không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có; thật tế vì không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có; bất khả tư nghì tánh không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được. Các nghĩa khác như trên nói.

Lại nữa, Xá lợi phát! Vì Thanh văn không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; Thanh văn vì không, vì lìa, vì tánh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; Bích chi Phật vì không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; Phật vì không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì không có, cho đến vì tánh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được.

Lại nữa, Trí nhất thiết chủng vì không có cho đến vì tánh không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được, vì sao? Xá lợi phát! Vì không, tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được, nên Bồ tát tiền tế không thể có được. Xá lợi phát! Không chẳng khác Bồ tát, cũng chẳng khác tiền tế; không, Bồ tát, tiền tế, các pháp ấy không hai không khác. Do nhân duyên ấy, Xá lợi phát, nên Bồ tát tiền tế không thể có được; hậu tế, trung tế cũng như vậy.

**LUẬN.** Hỏi: Trước đã nói Bồ tát, danh tự Bồ tát không thể có được, thì vì ai để nói Bát nhã ba la mật? Sao nay còn nói lại?

**Đáp:** Không nên hỏi câu ấy. Vì Tu bồ đề tu không hạnh đệ nhất, thường ưa nói không, nếu có nói, thì cũng thường đem không môn để lợi ích chúng sinh.

Lại nữa, trên mới lược nói, trong đây lấy mười thứ để phân biệt rộng nghĩa Bồ tát không thể có được. Hành giả nếu quán các pháp không, tùy thuận, vô tướng, vô tác, vì tâm vô tác nên không muốn có tác vi, như vậy còn



không thể tự làm lợi ích cho mình, hướng gì làm lợi ích cho người! Nếu người ở vào tâm hữu ngã thời có thể phân biệt các pháp tướng lành và chẳng lành, nhóm các pháp lành, bỏ các pháp chẳng lành. Nay Phật dạy trong Bát nhã ba la mật không nên có tâm chấp ngã, không nên phân biệt các pháp, chỉ tu hành các thiện, việc ấy rất khó. Hành giả nghĩ rằng: Nếu không có ngã, thời ai tu điều thiện? Nghĩ rằng: Trước có ngã, nay vì Bát nhã ba la mật nên không có, nên sinh tâm lo buồn. Vì thế nên Tu bồ đề nói lại: Ngã từ xưa lại đây không có chứ chẳng phải trước có nay không. Hành giả biết như vậy xưa nay tự không có, nay không mất gì, cho nên không lo sợ; ví như cây lớn rễ sâu, không thể chặt một nhát mà đứt, phải dùng sức chặt nhiều búa mới đứt được. Bồ tát cũng như vậy, không thể nói một lần mà được, vì vậy nên phải phân biệt rộng.

Tu bồ đề khi hỏi Phật, nghĩ rằng: Nếu quyết định có Bồ tát thời ba đời đều có, nay trong đời trước không có Bồ tát, vì sao? Vì đời trước không có bắt đầu, đời vị lai cũng như vậy, vì chưa có nhân duyên. Trước sau đối đãi mới có trung gian, nếu không có trước sau thời không có trung gian. Nếu cho năm uẩn là Bồ tát, năm uẩn không biên giới, do trước do nhiều nhân duyên nói năm uẩn rất ráo không, nên vô lượng vô biên, vô lượng vô biên nên đồng là pháp vô vi. Nếu Bồ tát vô biên, việc ấy không đúng. Do nhân duyên ấy nên Bồ tát không thể có được, sẽ thuyết cho ai? Trong tất cả chỗ, tất cả chúng, tất cả thời tìm Bồ tát không thể có được, sẽ thuyết cho ai? Như ngã rất ráo không sinh, không, không có gì, năm uẩn cũng như vậy, rất ráo không sinh, không có gì; đã không có chúng sinh và pháp năm uẩn, làm sao có Bồ tát?

**Hỏi:** Chúng sinh và năm uẩn rất ráo không sinh, người hiểu được pháp ấy tức là Bồ tát sao?

**Đáp:** Rất ráo không sinh, không gọi là sắc, không gọi là thọ, tưởng, hành, thức; vì sao? Vì năm uẩn là tướng sinh, trong rất ráo không sinh không có tướng tự phân biệt ấy. Năm uẩn rất ráo không sinh thì không thể đem ra giáo hóa; xa lìa rất ráo không sinh, cũng không có Bồ tát hành đạo, vậy sẽ dạy ai? Bồ tát nghe như vậy, không sợ, không hãi, ấy là có thể tu hành Bồ tát đạo.

**Hỏi:** Ngã với Bồ tát là một vật, cứ sao lấy ngã ví dụ Bồ tát?

Đáp: Trong Bát nhã ba la mật, hết thầy pháp đều không, đối với kẻ sơ học không tiện vì họ nói không, nên trước tiên phải phân biệt tội phước, bỏ tội tu phước. Phước đức quả

báo vô thường, vô thường nên sinh khổ, thế nên bỏ phước, nhằm chán thế gian, cầu đạo vào Niết bàn.

Bấy giờ, nên suy nghĩ rằng: Nhân nơi ngã nên sinh các phiền não, ngã ấy ở trong sáu thức tìm không thể có được, chỉ do điên đảo nên chấp ngã, thế nên hiểu lý vô ngã dễ, dễ nên có thể lắng thọ giáo hóa. Nếu nói sắc không, thời khó hiểu, tuy tai nghe nói không, mắt thường thấy thật có, thế nên trước phá cái ngã đối với tội ác sau mới phá tất cả pháp. Tất cả những Phật tử đắc đạo tự biết tự chứng vô ngã, người chưa đắc đạo thì tin các pháp không, chẳng thể như tin vô ngã; thế nên lấy vô ngã để ví dụ.

Trong đây Tu bồ đề nói hết thầy pháp không, suy đến không có Bồ tát, nên dùng vô ngã để ví dụ, lấy nhỏ ví dụ lớn, như lấy đường phèn ví dụ cam lồ.

**Hỏi:** Xá lợi phất đã biết nghĩa không, vô ngã, có gì còn mỗi việc mỗi hỏi?

**Đáp:** Tu bồ đề là thuộc hàng Thanh văn, đức không bằng Bồ tát mà ở trước Phật nói Bát nhã thâm sâu, thời tâm hàng Bồ tát mới học hoặc sinh nghi. Trên kia Phật khen tuy ông nói về Đại thừa tùy thuận Bát nhã, vẫn cho là Phật muốn thuận theo Tu bồ đề. Xá lợi phất muốn dứt cái nghi ấy, nên hỏi.

Lại nữa, Phật muốn cùng Tu bồ đề nói Bát nhã cho đến rất ráo, nên Xá lợi phất mỗi việc mỗi hỏi khiến Tu bồ đề khéo phân biệt thâm nghĩa, khiến mọi người kính tin. Vì vậy nên hỏi trong quá khứ Bồ tát không thể có được, cho đến vẫn không sợ không hãi. Tu bồ đề đáp nghĩa: Ngã, chúng sinh, người chính là một vật, nhưng khi chưa đắc đạo gọi là phàm phu, khi mới vào đạo cho đến A la hán gọi là người Thanh văn. Khi quán pháp nhân duyên ngộ lý không, chưa sâu, ít thương xót chúng sinh, gọi là người Bích chi Phật. Khi sâu vào pháp không, hành sáu Ba la mật, đại từ đại bi, ấy gọi là người Bồ tát. Vì công đức khác nhau nên tên gọi cũng khác. Như ngã, chúng sinh, người là một việc, mà do mắt thấy việc nên gọi là người ấy, ý biết được nên gọi là người biết, thọ khổ vui nên gọi là người thọ. Ngã, chúng sinh, người trước đã nói do các nhân duyên không có nên Bồ tát cũng phải không có. Thế nên Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: Vì chúng sinh không có nên trong ba đời không có Bồ tát.

**Hỏi:** Do năm uẩn hòa hợp có Bồ tát, vậy Bồ tát lẽ phải không có, còn năm uẩn lẽ phải có?

**Đáp:** Vì phá việc ấy nên nói không có chúng sinh, không có ngã; không có ngã thời nên năm uẩn không thuộc về đâu; không thuộc về đâu nên không, vì không nên không có Bồ tát.

**Hỏi:** Nếu năm uẩn không, không tức là Bồ tát?

**Đáp:** Năm uẩn không cũng chẳng phải Bồ tát. Không, không có gì nên không có phân biệt. Năm uẩn lìa, năm uẩn vô tánh cũng không có Bồ tát, nếu nói không có Bồ tát thời ba đời đều không có. Quán các pháp thế gian năm uẩn v.v... và quán đạo pháp sáu Ba la mật v.v... ấy gọi là Bồ tát. Vì pháp ấy không nên Bồ tát cũng không. Trong đây Phật tử nói nhân duyên về các pháp không không khác Bồ tát, Bồ tát không khác các pháp không. Bồ tát không và ba đời không không hai không khác, từ pháp sáu Ba la mật cho đến Trí nhất thiết chủng, tu theo pháp ấy nên gọi là Bồ tát. Vì các pháp ấy không, nên Bồ tát cũng không. Pháp không này Thanh văn, Bích chi Phật chứng nhập không ấy gọi là Thanh văn, Bích chi Phật, Thanh văn, Bích chi Phật chứng nhập nhân không, Bồ tát cũng như vậy.

**KINH:** Như Xá lợi phất nói, vì sắc vô biên nên biết Bồ tát cũng vô biên; thọ, tưởng, hành, thức vô biên, nên biết Bồ tát cũng vô biên.

Xá lợi phất! Sắc như hư không; thọ, tưởng, hành, thức như hư không, vì sao? Xá lợi phất! Ví như hư không biên tế không thể có được, trung gian không thể có được, không có biên tế, không có trung gian, nên chỉ gọi là hư không. Như vậy, Xá lợi phất! Sắc biên tế không thể có được, trung gian không thể có được, vì sắc ấy không; trong không cũng không có biên tế, cũng không có trung gian; thọ, tưởng, hành, thức biên tế không thể có được, trung gian không thể có được, vì thức ấy không, trong không, không có biên tế, không có trung gian. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phất! Sắc không biên tế nên biết Bồ tát cũng không có biên tế; thọ, tưởng, hành, thức không có biên tế, nên biết Bồ tát cũng không có biên tế, cho đến mười tám pháp không chung như vậy.

Như Xá lợi phất nói: Sắc là Bồ tát, ấy cũng không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ tát cũng không thể có được. Xá lợi phất! Sắc, sắc tướng

không, thọ, tưởng, hành, thức, thức tướng không. Thí ba la mật, Thí ba la mật tướng không, cho đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

Nội không, tướng nội không cũng không, cho đến vô pháp hữu pháp không, tướng vô pháp hữu pháp không cũng không, bốn niệm xứ, tướng bốn niệm xứ không, cho đến mười tám pháp không chung, mười tám pháp không chung tướng không. Như như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, bất khả tư nghì tánh tướng không; môn Tam muội, tướng môn Tam muội không; môn Đà la ni, tướng môn Đà la ni không; nhất thiết trí, tướng nhất thiết trí không; đạo chủng trí, tướng đạo chủng trí không; Trí nhất thiết chủng, tướng Trí nhất thiết chủng không.

Thanh văn thừa, tướng Thanh văn thừa không; Bích chi Phật thừa, tướng Bích chi Phật thừa không; Phật thừa, tướng Phật thừa không; người Thanh văn, tướng người Thanh văn không; Bích chi Phật, tướng Bích chi Phật không; Phật, tướng Phật không. Trong không, sắc không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức không thể có được. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phất! Sắc là Bồ tát cũng không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ tát cũng không thể có được. Như Xá lợi phất nói do nhân duyên gì nơi tất cả chúng, tất cả xứ, tìm Bồ tát không thể có được, thời sẽ dạy Bồ tát nào về Bát nhã ba la mật?

Xá lợi phất! Sắc không thể có được trong sắc, sắc không thể có được trong thọ; thọ không thể có được trong thọ, thọ không thể có được trong sắc; thọ không thể có được trong tưởng, tưởng không thể có được trong tưởng; tưởng không thể có được trong sắc, thọ; tưởng không thể có được trong hành; hành không thể có được trong hành; hành không thể có được trong sắc, thọ, tưởng, hành không thể có được trong thức, thức không thể có được trong thức; thức không thể có được trong sắc, thọ, tưởng, hành.

Xá lợi phất! Mắt không thể có được trong mắt, mắt không thể có được trong tai; tai không thể có được trong tai, tai không thể có được trong mắt; tai không thể có được trong mũi, mũi không thể có được trong mũi, mũi không thể có được trong mắt; tai, mũi không thể có được trong lưỡi; lưỡi không thể có được trong lưỡi, lưỡi không thể có được trong mắt, tai, mũi; lưỡi không thể có được trong thân; thân không thể có được trong thân, thân không thể có được trong mắt, tai, mũi, lưỡi; thân không thể có được trong ý; ý không thể có được trong ý, ý không thể có được trong mắt, tai,

mũi, lưỡi, thân. Sáu nhập, sáu thức, sáu xúc; sáu xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng như vậy.

Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, hết thảy môn Tam muội, hết môn Đà la ni, tánh pháp cho đến Bích chi Phật pháp, Sơ địa cho đến Thập địa, Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật, Bồ tát, Phật cũng như vậy.

Bồ tát không thể có được trong Bồ tát, Bồ tát không thể có được trong Bát nhã ba la mật; Bát nhã ba la mật không thể có được trong Bát nhã ba la mật; Bát nhã ba la mật không thể có được trong Bồ tát. Trong Bát nhã ba la mật; giáo hóa là vô sở hữu không thể có được trong giáo hóa; giáo hóa là vô sở hữu, không thể có được trong giáo hóa, Bồ tát và Bát nhã ba la mật là vô sở hữu, không thể có được.

Như vậy, Xá lợi phất! Hết thảy pháp là vô sở hữu không thể có được. Do nhân duyên ấy nên nơi hết thảy chủng, hết thảy xứ tìm Bồ tát không thể có được, nên dạy Bồ tát nào về Bát nhã ba la mật?

Như Xá lợi phất nói: Do nhân duyên gì nên nói Bồ tát ma ha tát chỉ có giả danh? Xá lợi phất! Sắc là giả danh; thọ, tưởng, hành, thức là giả danh. Tên sắc chẳng phải sắc; tên thọ, tưởng, hành, thức là giả danh. Tên sắc chẳng phải sắc; tên thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thức, vì sao? Vì tên, tướng tên không, nếu không thời chẳng phải Bồ tát. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phất! Bồ tát chỉ có giả danh.

Lại nữa, Xá lợi phất! Thí ba la mật chỉ có danh tự, trong danh tự chẳng phải có Thí ba la mật, trong Thí ba la mật chẳng phải có danh tự. Do nhân duyên ấy nên Bồ tát chỉ có giả danh; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật chỉ có giả danh. Trong danh tự không có Bát nhã ba la mật, trong Bát nhã ba la mật không có danh tự. Do nhân duyên ấy, nên Bồ tát chỉ có giả danh.

Xá lợi phất! Nội không chỉ có danh tự, cho đến vô pháp hữu pháp không chỉ có danh tự; trong danh tự không có nội không, trong nội không không có danh tự, vì sao? Vì danh tự và nội không đều không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phất! Bồ tát chỉ có giả danh.

Xá lợi phát! Bốn niệm xứ chỉ có danh tự, cho đến mười tám pháp không chung chỉ có danh tự, hết thấy môn Tam muội, hết môn Đà la ni, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phát! Tôi nói Bồ tát chỉ có giả danh.

Như Xá lợi phát nói: Do nhân duyên gì nên nói danh tự ngã rất ráo không sinh? Xá lợi phát! Ngã rất ráo không thể có được, làm sao có sinh, cho đến kẻ biết kẻ thấy rất ráo không thể có được, làm sao có sinh? Xá lợi phát! Sắc rất ráo không thể có được, làm sao có sinh, thọ, tưởng, hành, thức rất ráo không thể có được, làm sao có sinh? Mắt rất ráo không thể có được cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ rất ráo không thể có được, làm sao có sinh? Thí ba la mật rất ráo không thể có được, cho đến Bát nhã ba la mật rất ráo không thể có được, làm sao có sinh? Nội không rất ráo không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không, rất ráo không thể có được, làm sao có sinh?

Bốn niệm xứ rất ráo không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung rất ráo không thể có được, làm sao có sinh? Các môn Tam muội, các môn Đà la ni rất ráo không thể có được, làm sao có sinh? Thanh văn cho đến Phật rất ráo không thể có được, làm sao sinh?

Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phát! Tôi nói như danh tự ngã, ngã cũng rất ráo không sinh.

**Luận.** Hỏi: Tâm tâm số pháp vô hình, không thể thấy, nên có thể vô biên, còn sắc có hình, có thể thấy, làm sao vô biên?

**Đáp:** Không chỗ nào không có sắc, không thể trừ lượng nó xa gần nặng nhẹ được. Như Phật dạy: Bốn đại không nơi nào không có, nên gọi là đại, không thể dùng năm thức biết được giới hạn của nó, không thể dùng cân đẩu lượng nó nhiều ít nặng nhẹ được, nên nói sắc là vô biên.

Lại nữa, sắc ấy ở thời quá khứ, lúc sơ thủy không thể có được, trong thời vị lai, không có giới hạn kiếp số nhiều như hằng hà sa, sắc sẽ có cùng tận, nên không có ngàn mé sau. Ngàn mé đầu, ngàn mé sau không có, nên đoạn giữa cũng không có.

Lại nữa, ngàn mé là tướng của sắc. Sắc ấy bị phân biệt phá tan nên ngàn mé không thể có được, vì không có bản tướng.

Lại nữa, pháp vô vi chẳng sinh chẳng diệt, nên vô số vô lượng vô biên, do pháp không quán quán sắc đều không, cùng với hư không và vô vi đồng tướng. Trong vô số vô lượng vô biên cho đến mảy may vi trần cũng không thể có được, huống gì Bồ tát? Thế nên nói năm uẩn vô biên, Bồ tát cũng vô biên. Như sắc vô biên, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy, tùy theo tướng mà phân biệt như trước nói. Năm uẩn ấy vô lượng vô biên vô số, nên không được nói sắc là Bồ tát. Bốn uẩn kia cũng như vậy.

Lại nữa, sắc nếu lìa tâm tâm số pháp thời như cây cỏ ngói đá, làm sao gọi là Bồ tát? Nếu tâm tâm số pháp lìa sắc thời không có chỗ nương dựa, cũng không thể làm được gì, làm sao gọi là Bồ tát?

Lại nữa, sáu Ba la mật, mười tám không, ba mươi bảy phẩm, mười lục, cho đến mười tám pháp không chung, như như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, ba môn giải thoát, môn Đà la ni, các môn Tam muội, Nhất thiết trí (Tát bà nhã), Đạo chủng trí, Trí nhất thiết chủng, ba thừa, người ba thừa, hoặc tu hoặc quán các pháp ấy, gọi là Bồ tát. Các pháp ấy đều vì tự tướng không nên không, đó là Thí ba la mật, Thí ba la mật tướng không cho đến Phật, Phật tướng không.

Hết thầy xứ là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, cho đến Trí nhất thiết chủng.

Hết thầy chủng là mười tám không, ba môn giải thoát, Bát nhã ba la mật, quán hoặc thường hoặc vô thường v.v... vào một môn, hai môn, cho đến vô lượng môn v.v... ấy gọi là hết thầy chủng. Nơi xứ và chủng đó tìm cầu Bồ tát không thể có được.

Lại vì nơi tự pháp không có tự pháp, cũng không có tha pháp, như trong đây nói sắc, không thể có được trong sắc, không thể có được trong thọ; thọ không thể được trong thọ, thọ không thể có được trong sắc, cho đến Bát nhã ba la mật không thể có được trong Bát nhã ba la mật, cho đến giáo hóa không thể có được trong giáo hóa. Chỉ có danh tự, năm uẩn ấy phá hoại tán diệt như hư không không khác. Bồ tát chỉ có danh tự, như người huyễn hóa, trong danh tự giả lại lập danh tự.

Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: Không chỉ Bồ tát là danh tự giả mà năm uẩn cũng đều là danh tự giả, trong danh tự giả, tướng danh tự giả không thể có được, đều nhập vào đệ nhất nghĩa. Nếu Không như vậy, tức chẳng phải Bồ tát.

Lại nữa, sáu Ba la mật cho đến Trí nhất thiết chủng, tu hành pháp ấy nên gọi là Bồ tát. Pháp ấy cũng danh tự giả, Bồ tát cũng danh tự giả, không, không có gì, các pháp ấy, gượng đặt tên, do nhân duyên hòa hợp nên có, cũng không có sự thật đó. Ngã, danh tự rất ráo không sinh, như phần đầu của phần này đã nói. Trong đó Tu bồ đề cũng lấy chúng sinh không và pháp không để phá ngã, nghĩa là ngã rất ráo không thể có được, cho đến kẻ biết kẻ thấy không thể có được, làm sao có sinh? Năm uẩn rất ráo không thể có được, làm sao có năm uẩn sinh? Cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ rất ráo không thể có được, làm sao có sinh? Sáu Ba la mật rất ráo không thể có được, cho đến các môn Đà la ni, môn Tam muội, Thanh văn, Bích chi Phật, Phật rất ráo không thể có được, làm sao có sinh? Nếu pháp trước đã có, vậy sau có thể hỏi nó sinh, pháp thể trước đã không có, làm sao có sinh?

**KINH:** Như Xá lợi phất nói: Như ngã, các pháp cũng như vậy không có tự tánh. Xá lợi phất! Các pháp hòa hợp sinh nên không có tự tánh.

Xá lợi phất! Những gì hòa hợp sinh không có tự tánh?

Xá lợi phất! Sắc hòa hợp sinh, không có tự tánh; thọ, tưởng, hành, thức hòa hợp sinh, không có tự tánh, mắt hòa hợp sinh, không có tự tánh, cho đến ý hòa hợp sinh, không có tự tánh. Sắc cho đến pháp, nhãn giới cho đến pháp giới, địa chủng cho đến thức chủng, nhãn xúc cho đến ý xúc, nhãn và xúc làm nhân duyên sinh, thọ cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ hòa hợp sinh, không có tự tánh.

Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật hòa hợp sinh, không có tự tánh. Bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, hòa hợp sinh, không có tự tánh.

Lại nữa, Xá lợi phất! Hết thấy pháp vô thường cũng chẳng diệt mất.

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Những pháp gì vô thường cũng chẳng diệt mất?

Tu bồ đề đáp: Sắc vô thường cũng chẳng diệt mất; thọ, tưởng, hành, thức vô thường cũng chẳng diệt mất, vì sao? Vì nếu pháp vô thường, tức là tướng động, tức là tướng không. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phất! Hết thấy pháp hữu vi vô thường cũng chẳng diệt mất.

Hoặc pháp hữu lậu, hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp hữu ký, hoặc pháp vô ký, vô thường cũng chẳng diệt mất, vì sao? Vì nếu pháp vô thường, tức là



tướng động, tức là tướng không. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phát! Hết thầy pháp có tạo tác vô thường cũng chẳng diệt mất.

Lại nữa, Xá lợi phát! Hết thầy pháp chẳng phải thường, chẳng phải diệt mất.

Xá lợi phát hỏi: Những pháp gì chẳng phải thường chẳng phải diệt mất?

Tu bồ đề đáp: Sắc chẳng phải thường chẳng phải diệt mất, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường chẳng phải diệt mất, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh ra chẳng phải thường chẳng phải diệt mất, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phát! Các pháp hòa hợp sinh, không có tự tánh.

Như Xá lợi phát nói: Nhân duyên gì nên sắc rốt ráo chẳng sinh? Thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo chẳng sinh?

Tu bồ đề đáp: Sắc chẳng phải pháp tạo tác, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải pháp tạo tác, vì sao? Vì tác giả không thể có được. Xá lợi phát! Mắt chẳng phải pháp tạo tác, vì sao? Vì tác giả không thể có được, cho đến ý cũng như vậy. Ranh giới mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh cũng như vậy.

Lại nữa, Xá lợi phát! Hết thầy các pháp đều chẳng phải khởi lên, chẳng phải tạo tác, vì sao? Vì tác giả không thể có được. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phát! Sắc rốt ráo chẳng sinh; thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo chẳng sinh.

Như Xá lợi phát nói: Do nhân duyên gì nên rốt ráo chẳng sinh ấy chẳng gọi là sắc; rốt ráo chẳng sinh ấy chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức?

Tu bồ đề đáp: Sắc tánh không, không ấy không sinh không diệt, không trụ, không khác; thọ, tưởng, hành, thức tánh không, không ấy không sinh, không diệt, không trụ, không khác. Mắt cho đến hết thầy pháp hữu vi tánh không, không ấy không sinh, không diệt, không trụ, không khác. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phát! Rốt ráo chẳng sinh, không gọi là sắc, rốt ráo chẳng sinh, không gọi là thọ, tưởng, hành, thức.

Như Xá lợi phát nói: Do nhân duyên gì nên pháp rốt ráo chẳng sinh, nên dạy Bát nhã ba la mật ấy ư?

Tu bồ đề đáp: Rốt ráo chẳng sinh tức là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tức là rốt ráo chẳng sinh. Bát nhã ba la mật và rốt ráo chẳng sinh không hai không khác. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phát! Nói rốt ráo chẳng sinh, nên dạy Bát nhã ba la mật.

Như Xá lợi phát nói: Do nhân duyên gì nên là rốt ráo chẳng sinh, thời không có Bồ tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu bồ đề đáp: Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, không thấy rốt ráo chẳng sinh khác với Bát nhã ba la mật, cũng không thấy rốt ráo chẳng sinh khác với Bồ tát, rốt ráo chẳng sinh và Bồ tát không hai không khác.

Không thấy rốt ráo chẳng sinh khác với sắc, vì sao? Vì rốt ráo chẳng sinh và sắc không hai không khác. Không thấy rốt ráo chẳng sinh khác với thọ, tưởng, hành, thức, vì sao? Vì rốt ráo chẳng sinh và thọ, tưởng, hành, thức không hai không khác; cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phát! Là rốt ráo chẳng sinh thời không có Bồ tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như Xá lợi phát nói: Do nhân duyên gì nên Bồ tát nghe nói lời ấy, tâm chẳng chìm đắm, chẳng ưu hối, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, ấy gọi là Bồ tát tu hành Bát nhã ba la mật?

Tu bồ đề đáp: Bồ tát ma ha tát không thấy các pháp có giác, tri, tưởng, chỉ thấy hết thấy các pháp như mộng, như huyễn, như sóng nắng, như ảnh, như biến hóa. Xá lợi phát! Do nhân duyên ấy, nên Bồ tát nghe lời ấy tâm không chìm đắm, không hối, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

**LUẬN:** Luận giả nói: Các pháp không có tự tánh là lấy tánh không phá mỗi mỗi tánh của các pháp. Trong đây Tu bồ đề tự nói: Các pháp hòa hợp sinh, không có tự tánh như hòa hợp pháp năm uẩn và thiện pháp sáu Ba la mật, từ ấy xuất ra danh tự Bồ tát. Bồ tát ấy là pháp do tạo tác, các pháp hòa hợp sinh nên chẳng phải do một pháp tạo thành, vì thế nên nói là giả danh. Các pháp ấy cũng từ bên hòa hợp sinh; thí như có mắt, có sắc, có ánh sáng, có khoảng không, có tâm muốn thấy, đủ các nhân duyên ấy hòa hợp sinh nhãn thức. Trong đây không được nói mắt là cái thấy, hoặc thức là cái thấy, hoặc sắc là cái thấy, hoặc ánh sáng là cái thấy. Nếu mắt, sắc, thức mỗi mỗi không thấy được gì, thì hòa hợp lại cũng không thể có thấy.

Vì vậy cái thấy rất ráo không, như huyễn, như mộng. Hết thấy các pháp cũng như vậy.

Lại nữa, hết thấy các pháp vô thường cũng chẳng mất, vô thường thời phá diên đảo chấp thường, chẳng mất thời phá diên đảo chấp đoạn. Pháp vô thường chẳng mất ấy chính là vào cửa thật tướng. Thế nên Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: Vô thường tức tướng động, tức là tướng không. Hết thấy pháp cũng như vậy.

Lại nữa, hết thấy pháp chẳng phải thường chẳng phải mất, là như nghĩa sau cùng của mười tám không.

Sắc rất ráo chẳng sinh là vì năm uẩn, tác giả, sinh giả, khởi giả không thể có được.

Lại nữa, tướng sinh không thể có được, như trước đã nói trong đoạn phá sinh. Hết thấy pháp cũng như vậy, vì sao? Nếu nói sắc chẳng sinh là chẳng phải sắc, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Trong đây Tu bồ đề nói: Sắc từ nhân duyên sinh, không có tự tánh, thường tướng không. Nếu pháp thường tướng không, pháp ấy không có tướng sinh, không có tướng diệt, không có tướng trụ, tướng dị; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thế nên pháp tướng chẳng sinh, tức là vô vi, chẳng phải tướng hữu vi. Các pháp khác cũng như vậy, rất ráo chẳng sinh, thì sẽ dạy Bát nhã cho ai? Rất ráo chẳng sinh tức là thật tướng các pháp, thật tướng các pháp tức là Bát nhã ba la mật, làm sao lấy Bát nhã ba la mật dạy Bát nhã ba la mật? Nếu lìa rất ráo chẳng sinh mà có Bồ tát thời nên dạy Bát nhã ba la mật, song Bồ tát và Bát nhã ba la mật ấy rất ráo chẳng sinh, không hai không khác, làm sao dạy cái rất ráo chẳng sinh hành đạo được? Trong lần nói ở trên đã kết hợp giải thích. Bồ tát nghe điều ấy mà không thôi nạt, không hỏi, Bồ tát ấy đối với hết thấy pháp không thấy ngã, chúng sinh cho đến kẻ biết kẻ thấy, cũng không có kẻ nói, cũng không có kẻ nghe, không có tà thuyết, không có chánh thuyết, cũng không có kẻ không thuyết. Biết hết thấy pháp do nhân duyên hòa hợp nên sinh, các duyên xa lìa nên diệt, không có cái sinh khởi, không có cái diệt mất, cho nên không sợ, không hãi, không chìm đắm, không ưu hối. Bồ tát biết hết thấy pháp hư dối không thật, không định, hoặc khi chết gấp, hoặc đọa địa ngục A tỳ, tâm còn không động, hưởng gì nghe nói Thanh văn mà sợ hãi, như người trong mộng thấy việc sợ hãi, thức dậy, thời không có tâm sợ, biết việc mộng dối gạt tâm, không có sự thật. Bồ tát cũng như vậy, vào trong tâm mộng của

thế gian thấy có sợ hãi, khi ngộ được thật tướng các pháp, thời không có sợ, biết các pháp chỉ là hư dối, không có chơn thật.

Lại nữa, thí như sự huyền, người trí tuy thấy, tâm không mê hoặc, biết đó là pháp hư dối. Bồ tát cũng như vậy, biết hết thấy pháp như huyền, hay đối tâm người, trong đó không có gì thật, vì vậy nên chẳng sợ hãi. Như sóng nắng, như ảnh, như hóa cũng như vậy.

**KINH:** Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, quán các pháp như vậy, khi ấy Bồ tát chẳng thọ sắc, chẳng chỉ thị sắc, chẳng trụ sắc, chẳng đắm sắc (Kinh Đại Bát nhã ghi: Không thọ, không thủ, không trụ, không trước – ND), chẳng nói đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng lãnh thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là thọ, tưởng, hành, thức.

Đối với mắt chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng chẳng lãnh thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là ý.

Thí ba la mật chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là Thí ba la mật; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật, chẳng thọ, chẳng thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là Bát nhã ba la mật.

Nội không chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là nội không; cho đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy.

Lại nữa, Bạch đức Thế tôn! khi Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, đối với bốn niệm xứ chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là mười tám pháp không chung. Hết thấy môn Tam muội, hết thấy môn Đà la ni, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là Trí nhất thiết chủng.

Lại nữa, Bạch đức Thế Tôn! Khi Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, chẳng thấy sắc cho đến chẳng thấy Trí nhất thiết chủng, vì sao? Vì sắc chẳng sinh là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sinh là chẳng phải thức. Mắt chẳng sinh là chẳng phải mắt; tai, mũi, lưỡi, thân, ý chẳng sinh là chẳng phải ý. Thí ba la mật chẳng sinh là chẳng phải Thí ba

la mật, cho đến Bát nhã ba la mật chẳng sinh là chẳng phải Bát nhã ba la mật, vì có sao? Vì sắc và chẳng sinh không hai không khác, cho đến Bát nhã ba la mật và chẳng sinh không hai không khác.

Nội không chẳng sinh là chẳng phải nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng sinh là chẳng phải vô pháp hữu pháp không, vì sao? Vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không và chẳng sinh không hai không khác.

Bạch đức Thế tôn! Bốn niệm xứ chẳng sinh là chẳng phải bốn niệm xứ, vì sao? Vì bốn niệm xứ và chẳng sinh không hai không khác, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Pháp chẳng sinh ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy nên bốn niệm xứ và chẳng sinh không hai không khác; cho đến mười tám pháp không chung chẳng sinh là chẳng phải mười tám pháp không chung, vì sao? Vì mười tám pháp không chung và chẳng sinh không hai không khác, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Pháp chẳng sinh ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy, nên mười tám pháp không chung chẳng sinh chẳng phải mười tám pháp không chung.

Bạch đức Thế Tôn! Như như chẳng sinh là chẳng phải như như, cho đến tánh bất khả tư nghì chẳng sinh là chẳng phải tánh bất khả tư nghì.

Bạch đức Thế Tôn! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng sinh, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng chẳng sinh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng, vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy cho đến Trí nhất thiết chủng và chẳng sinh không hai không khác, vì sao? Bạch đức Thế tôn! Pháp chẳng sinh ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy nên cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sinh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng.

Bạch đức Thế Tôn! Sắc chẳng có tướng diệt là chẳng phải sắc, vì sao? Vì sắc và tướng chẳng diệt không hai không khác, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì pháp chẳng diệt ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy, nên sắc chẳng có tướng diệt là chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức tướng chẳng diệt là chẳng phải thức, vì sao? Vì thức và tướng chẳng diệt không hai không khác, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Pháp chẳng diệt ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy, nên thức chẳng có tướng diệt là chẳng phải thức.

Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy. Bạch đức thế Tôn! Vì vậy nên sắc nhập pháp số không hai; thọ, tưởng, hành, thức nhập pháp số không hai, cho đến Trí nhất thiết chủng nhập pháp số không hai.

**LUẬN:** Luận giả nói: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bồ tát quán các pháp như vậy, đối với năm uẩn có năm hạnh chánh quán; nghĩa là chẳng thọ, vì nơi năm uẩn có lửa vô thường đốt cháy tâm.

Chẳng chỉ thị tức là chẳng chấp thủ tướng, chẳng phải chỉ quán cái lỗi vô thường v.v... còn quán năm uẩn ấy không, không chấp thủ tướng.

Chẳng trụ là không nương tựa năm uẩn, vì sợ giặc phiền não kéo đến, không dám trụ lâu; ví như chỗ làng trống, chỗ giặc ở, người trí không nên ở lâu.

Chẳng đắm là năm uẩn nếu có một tội còn không nên đắm, huống gì thân có nhiều tội như đói, khát, lạnh, nóng, già, bệnh, chết v.v...; tâm thì có ưu sầu, sợ hãi, ganh ghét, sân hận v.v... đời sau đọa vào ba đường ác. Hết thấy đều vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng được tự tại, có vô lượng vô biên tội lỗi như vậy, làm sao đắm trước được!

Không nói là sắc, vì không lấy tà kiến nói sắc hoặc thường hoặc vô thường, không nói năm uẩn có tướng nhất định như vậy, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy, vì sao? Vì đối với sắc tu hành năm thứ chánh hành, năm uẩn ấy đều không có tướng sinh, đều một tướng, một tướng thời là vô tướng. Nếu vô tướng thời chẳng phải có năm uẩn, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Nếu hết thấy pháp tướng chẳng sinh cùng Bát nhã ba la mật không hai không khác, có được tâm vô sinh ấy tức là Bát nhã ba la mật, được Bát nhã ba la mật tức là biết các pháp chẳng sinh chẳng diệt. Vì thế nên Bát nhã ba la mật tức là chẳng sinh, không hai không khác.

Lại nữa, Tu bồ đề tự nói nhân duyên rằng pháp vô sinh ấy chẳng phải tướng một, chẳng phải tướng hai, chẳng phải tướng ba, chẳng phải tướng khác, vì sao? Vì các pháp vô sinh là một tướng, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Như vô sinh, vô diệt cũng như vậy.

**Hỏi:** Vì sao cuối cùng nói đến sắc cho đến Trí nhất thiết chủng nhập vào pháp số không hai?

**Đáp:** Bồ tát nếu chưa phá sắc thời sinh kiết sử tham ái đắm theo sắc ấy; phá sắc rồi thời sinh tà kiến đắm vào sắc không ấy. Nay dùng trí tuệ quán không, để quán sắc... đều không, không có hai tướng. Các pháp ấy hư vọng không thật, nhiếp vào nội nhập và ngoại nhập gọi là hai; sắc cho đến Trí nhất thiết chủng, là hai nên gọi không hai.

Nay Tu bồ đề thương xót chúng sinh nên nói các pháp ấy không hai, nhập vào số pháp không hai.

(Hết cuốn 52 theo bản Hán)

--o0o --

## Cuốn 53

### GIẢI THÍCH: PHẨM VÔ SANH TAM QUÁN THỨ 26

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Vô Sanh)

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Viễn Ly thứ 24)

**KINH:** Bấy giờ Tuệ mạng Xá lợi phát nói với Tu bồ đề rằng: Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật quán các pháp. Thế nào là Bồ tát? Thế nào là Bát nhã ba la mật? Thế nào là quán?

Tu bồ đề nói với xá lợi phát: Ông hỏi thế nào là Bồ tát? Người phát đại tâm vì Vô thượng chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là Bồ tát. Cũng biết hết thấy pháp, hết thấy chủng tướng, cũng không đấm trước theo đó; biết sắc tướng không đấm trước, cho đến biết mười tám pháp không chung cũng không đấm trước.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Thế nào là hết thấy pháp tướng?

Tu bồ đề đáp: Nếu có danh tự nhân duyên hòa hợp biết các pháp là sắc, là hương, vị, xúc, pháp, là trong, ngoài, là pháp hữu vi, là pháp vô vi; lấy tướng danh tự, ngữ ngôn ấy biết các pháp ấy gọi là biết tướng các pháp.

Như Xá lợi phát hỏi: Thế nào là Bát nhã ba la mật? Xa lìa nên gọi là Bát nhã ba la mật. Xa lìa pháp gì? Xa lìa năm uẩn, mười tám giới, mười hai nhập; xa lìa Thí ba la mật cho đến Thiên ba la mật; xa lìa nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Vì vậy xa lìa nên gọi là Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, xa lìa bốn niệm xứ, cho đến xa lìa mười tám pháp không chung; xa lìa Nhất thiết trí. Do nhân duyên ấy nên xa lìa gọi là Bát nhã ba la mật.

Như Xá lợi phát hỏi: Thế nào là quán? Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật quán sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác, chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, hết thấy



môn Tam muội, hết thầy môn Đà la ni cho đến Trí nhất thiết chủng, quán chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác, chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa. Xá lợi phát! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật quán các pháp.

LUẬN: Hỏi: Nghĩa Bồ tát, nghĩa Bát nhã ba la mật, nghĩa các quán, trên kia đã hỏi, nay cứ sao còn hỏi?

Đáp: Trước đã đáp ví dụ cây lớn, không thể chặt một lát đứt được, việc ấy khó, nên lại hỏi tiếp.

Lại nữa, Bát nhã ba la mật có vô lượng nghĩa, như trong phẩm Đàm Vô Kiệt nói: Bát nhã ba la mật như nước biển lớn vô lượng, như núi Tu di đủ thứ nghiêm sức, thế nên hỏi. Lại, lời hỏi ấy tuy đồng mà đáp nghĩa có nhiều sai khác.

Lại nữa, chư Phật vì dứt tâm ái trước pháp (pháp ái) nên không lập kinh sách, cũng không trang sức ngôn ngữ, chỉ vì tế độ chúng sinh, tùy theo người đáng độ mà nói; như ao nước lớn tốt trong mát, vô lượng chúng sanh trước sau đi đến uống no rồi đi, người nghe pháp cũng như vậy. Phật trước tiên nói Bồ tát, Bát nhã và quán, người đến trước được giải ngộ rồi đi, người đến sau chưa nghe, thế nên lại hỏi tiếp.

Bồ đề có ba là A la hán Bồ đề, Bích chi Phật Bồ đề và Phật Bồ đề. Không học mà trí tuệ thanh tịnh không như nên gọi là Bồ đề. Bồ tát tuy có trí tuệ lớn mà phiền não và tập khí chưa hết, nên không gọi là Bồ đề. Trong đây chỉ nói một thứ đó là Phật Bồ đề.

Tát đỏa, Trung Hoa dịch là Chúng sanh; chúng sanh ấy vì đạo Vô thượng mà phát tâm tu hành.

Lại nữa, Tát đỏa gọi là Đại tâm; người ấy phát đại tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chưa được, vì vậy nên gọi là Bồ đề Tát đỏa. Phật đã chứng được Bồ đề ấy, không gọi là Bồ đề Tát đỏa, vì đại tâm đã đầy đủ. Các nghĩa khác về Bồ tát như trước đã nói rộng.

Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: Người ấy vì Phật đạo nên tu hành; biết tướng hết thầy các pháp, cũng chẳng đấm trước. Tướng các

pháp là cánh cửa để có thể biết các pháp là sắc, là tiếng v.v... Lược nói nghĩa Bồ tát là trước tiên biết mỗi mỗi tướng của các pháp, như đất tướng cứng, vậy sau mới biết tướng rất ráo không; đối với hai thứ trí tuệ ấy cũng không đấm trước, chỉ muốn độ chúng sanh. Bồ tát được trí tuệ như vậy, xa lìa hết thảy pháp tướng riêng, như đối với sắc lìa sắc, lìa sắc tức là tự tánh không. Xa lìa là tên khác của không.

Bồ tát được Bát nhã ba la mật, tâm xa lìa hết thảy pháp, vì có sao? Vì thấy tội lỗi của hết thảy pháp.

A la mật, Trung Hoa dịch là xa lìa. Ba la mật, Trung Hoa dịch là đáo bỉ ngạn. Hai âm ấy gần nhau, nghĩa hợp nhau, cho nên lấy A la mật giải thích Ba la mật.

Xa lìa những pháp gì? Xa lìa năm uẩn, mười tám giới, mười hai nhập, cho đến Nhất thiết trí. Vì xa lìa các pháp ấy nên gọi là Bát nhã ba la mật. Như Thiền ba la mật hay điều phục tâm người thì Bát nhã ba la mật hay dạy người xa lìa các pháp.

Quán là không quán các pháp thường vô thường, như trước đã nói.

**KINH:** Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Nhân duyên gì sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh là chẳng phải thức, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng?

Tu bồ đề đáp: Sắc, sắc tướng không, trong sắc không không có sắc không có sanh. Vì nhân duyên ấy nên sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức, thức tướng không, trong thức không không có thức, không có sanh; vì nhân duyên ấy nên thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh là chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức.

Xá lợi phát! Thí ba la mật, Thí ba la mật tướng không, trong Thí ba la mật không, không có Thí ba la mật, không có sanh; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tướng không, trong Bát nhã ba la mật không không có Bát nhã ba la mật, không có sanh. Do nhân duyên ấy nên, Xá lợi phát! Bát nhã ba la mật chẳng sanh là chẳng phải Bát nhã ba la mật; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết cũng như vậy. Do nhân duyên ấy nên nội không chẳng

sanh là chẳng phải nội không, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Vì nhân duyên gì ông nói sắc chẳng hai là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng hai là chẳng phải thức, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng hai là chẳng phải Trí nhất thiết chủng?

Tu bồ đề đáp rằng: Sở hữu sắc, sở hữu chẳng hai; sở hữu thọ, tưởng, hành, thức, sở hữu chẳng hai. Tất cả pháp ấy đều chẳng hợp, chẳng tán, không sắc, không hình, không đối, một tướng đó là vô tướng. Mất cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Do nhân duyên ấy nên, Xá lợi phát! Sắc chẳng hai là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng hai là chẳng phải thức, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng hai, là chẳng phải Trí nhất thiết chủng.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Do nhân duyên gì nên nói sắc ấy vào pháp số không hai; thọ, tưởng, hành, thức vào pháp số không hai, cho đến Trí nhất thiết chủng vào pháp số không hai?

Tu bồ đề đáp: Sắc chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác sắc, sắc tức là vô sanh, vô sanh tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác thức; thức tức là vô sanh, vô sanh tức là thức. Do nhân duyên ấy nên, Xá lợi phát! Sắc vào pháp số không hai; thọ, tưởng, hành, thức vào pháp số không hai, cho đến Trí nhất thiết chủng, cũng như vậy.

LUẬN. Hỏi: Cuối phẩm trên, nên hỏi nghĩa chẳng sanh, có sao trong đây mới hỏi?

Đáp: Ba đại pháp dễ hiểu, vì lợi ích nhiều chúng sanh, nên trước hỏi: Vì nhân duyên gì sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng? Tu bồ đề đáp: Sắc là không, trong sắc không có tướng sắc. Hành giả dùng trí tuệ vô sanh ấy làm cho sắc vô sanh. Nếu hiểu được vô sanh ấy, tâm liền nghĩ rằng nay chính là được thật tướng của sắc, thế nên nói sắc vô sanh là chẳng phải sắc, sắc tánh thường tự vô sanh, chẳng phải nay dùng sức trí tuệ khiến nó vô sanh. Như có người phá sắc làm cho không, vẫn còn có ý tưởng về tướng bản sắc. Thí như phá nhà xí để làm nhà ở, nay tuy không còn nhà xí, mà vẫn có cảm tưởng bất tịnh; nếu biết được nhà xí vốn không, huyễn hóa làm ra, thời không có cảm tưởng nhà xí. Hành giả cũng như vậy, nếu

biết được sắc từ xưa lại đây ban đầu tự đã vô sanh, thời không còn tướng về sắc. Thế nên nói sắc vô sanh là chẳng phải sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Ông trước tự nói vô sanh tức là không hai, sao nay còn hỏi nữa?

Đáp: Nghĩa tuy một mà cửa đi vào quán có khác. Trên kia nói là phá trong nhân trước có quả, nếu không có quả là pháp sanh ấy có một có khác v.v... Sanh ấy hoặc ban đầu sanh, hoặc sau sanh; phá sanh như vậy v.v... gọi là vô sanh. Nay đây phá hai pháp mắt và sắc, có và không v.v... ấy gọi là không hai. Hành giả hoặc trước vào cửa quán vô sanh, sau vào cửa quán không hai; hoặc trước vào cửa quán không hai, sau vào cửa quán vô sanh. Nghĩa tuy một mà hành giả quán khác nhau. Phá sắc hai, cho nên nói là không hai; phá sắc sanh cho nên nói là vô sanh. Trên kia nói nhân duyên của vô sanh, đó là tự tướng không; đây nói nhân duyên của không hai, đó là chẳng hợp, chẳng tán, nhất tướng đó là vô tướng. Nghĩa tuy đồng một không, mà trên kia là tự tướng không, còn ở đây là tán không.

Sắc vào pháp số không hai là hành giả quán sắc tướng chẳng sanh chẳng diệt, khi ấy phân biệt sắc, nay biến làm vô sanh, thế nên nói sắc vô sanh tức là không hai, vì có sao? Vì sắc phá tán tức là vô sanh. Như ở trước khi phân biệt các pháp, lia sắc không còn có sanh được, còn ở đây sắc phá tán tức là vô sanh, không được còn có vô sanh nào khác. Vì vậy nên sắc tức là vào số không hai. Ấy là hai vị A la hán Xá lợi phất và Tu bồ đề ở trước Phật luận nghị với nhau xong.

Tu bồ đề bạch Phật mà còn nói lại nghĩa ấy, là muốn được Phật chứng tri vậy.

**KINH:** Bấy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, quán các pháp như vậy, khi ấy thấy sắc vô sanh, rất ráo thanh tịnh; thấy thọ, tướng, hành, thức vô sanh, rất ráo thanh tịnh; thấy ngã vô sanh cho đến kẻ biết kẻ thấy vô sanh, rất ráo thanh tịnh; thấy Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật vô sanh, rất ráo thanh tịnh; thấy nội không vô sanh cho đến vô pháp hữu pháp không vô sanh, rất ráo thanh tịnh; thấy bốn niệm xứ vô sanh cho đến mười tám pháp không chung vô sanh, rất ráo thanh tịnh; thấy hết thảy Tam muội, hết thảy Đà ra ni vô sanh, rất ráo thanh tịnh; cho đến thấy Trí nhất thiết chủng vô sanh, rất ráo thanh tịnh; thấy phàm phu, pháp phàm phu vô sanh, rất

ráo thanh tịnh; thấy Tu đà hoàn, pháp Tu đà hoàn, Tư đà hàm, pháp Tư đà hàm, A na hàm, pháp A na hàm, A la hán, pháp A la hán, Bích chi Phật, pháp Bích chi Phật, Bồ tát, pháp Bồ tát, Phật, pháp Phật vô sanh, rốt ráo thanh tịnh.

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Như tôi nghe nghĩa của Tu bồ đề nói sắc là chẳng sanh; thọ, tưởng, hành, thức là chẳng sanh cho đến Phật, pháp Phật là chẳng sanh. Nếu như vậy thời nay không thể được Tu đà hoàn, quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, quả Tư đà hàm, A na hàm, quả A na hàm, A la hán, quả A la hán, Bích chi Phật, đạo Bích chi Phật, không thể được Trí nhất thiết chủng của Bồ tát ma ha tát, cũng không có sáu đường sai khác, cũng không được năm thứ Bồ đề của Bồ tát ma ha tát. Này Tu bồ đề! Nếu hết thấy pháp tướng chẳng sanh, thì vì cớ sao Tu đà hoàn vì muốn dứt ba kiết là thân kiến, giới thủ, nghi, nên tu đạo? Tư đà hoàn vì muốn làm mỏng dâm, nộ, si, nên tu đạo? A na hàm vì muốn dứt năm hạ phần kiết là tham, sân, thân kiến, giới thủ, nghi, nên tu đạo? A la hán vì muốn dứt năm thượng phần kiết là sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh nên tu đạo? Bích chi Phật vì muốn pháp Bích chi Phật nên tu đạo? Vì cớ sao Bồ tát ma ha tát làm việc khó làm, chịu các thứ khổ vì chúng sanh? Vì cớ sao Phật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Vì cớ sao Phật Chuyển pháp luân?

Tu bồ đề nói lại Xá lợi phất: Tôi không muốn khiến pháp vô sanh có sở đắc, tôi cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh được có Tu đà hoàn, quả Tu đà hoàn; cho đến không muốn khiến trong pháp vô sanh được có A la hán, quả A la hán; Bích chi Phật, đạo Bích chi Phật; tôi cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh Bồ tát làm việc khó làm, chịu các thứ khổ, vì chúng sanh, Bồ tát cũng không lấy tâm làm việc khó làm để hành đạo, vì sao? Này Xá lợi phất! Vì sanh tâm khó, tâm khổ là không thể làm lợi ích vô lượng vô số chúng sanh.

Này Xá lợi phất! Bồ tát thương xót chúng sanh, đối với chúng sanh tưởng như cha mẹ, anh em; tưởng như con dại và như thân mình. Như vậy mới có thể làm lợi ích vô lượng vô số chúng sanh, vì lấy vô sở đắc làm phương tiện, vì cớ sao? Vì Bồ tát ma ha tát nên sanh tâm như vậy: như ngã tìm khắp hết thấy xứ, hết thấy chũng đều không thể có được; nội ngoại pháp cũng như vậy. Nếu sanh tưởng như vậy, thời không có tâm khó, tâm khổ, vì sao? Vì Bồ tát đối nơi hết thấy xứ, hết thấy chũng, hết thấy pháp đều không thọ.

Xá lợi phất! Tôi cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh có Phật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh có Chuyển pháp luân, cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh có đắc đạo.

LUẬN: Luận giả nói: Quán vô sanh có hai bậc: 1. Quán nhu thuận nhãn. 2. Quán vô sanh nhãn. Trước kia nói vô sanh là quán nhu thuận nhãn, chưa rất ráo thanh tịnh, dần dần tập quán nhu thuận mà được vô sanh nhãn, thời rất ráo thanh tịnh.

Hỏi: Bồ tát chưa dứt hết kiết sử, chưa được Phật đạo, trí tuệ chưa thuần tịnh, làm sao nói rất ráo thanh tịnh?

Đáp: Bồ tát khi được vô sanh nhãn, diệt các phiền não, được Bồ tát đạo, vào Bồ tát vị, tuy còn tập khí phiền não, đến khi ngồi đạo tràng mới hết, không bị chướng ngại nên rất ráo thanh tịnh.

Lại nữa, rất ráo thanh tịnh là đối với nhu thuận đạo rất ráo thanh tịnh, chứ không phải đối với Phật đạo. Vì chúng sanh không, pháp không, nên từ thấy được sắc vô sanh rất ráo thanh tịnh, cho đến thấy được Phật và Phật đạo vô sanh rất ráo thanh tịnh.

Tu bồ đề dùng các nhân duyên nói các pháp tướng, quyết định vô sanh. Nhân việc ấy mà Xá lợi phất nạn hỏi: Trong giới Hiền Thánh, rất nhỏ là Tu đà hoàn và pháp Tu đà hoàn, rất lớn là Phật và Phật pháp. Nếu vô sanh như vậy thời Thánh nhân không có lớn nhỏ, Thánh pháp không có ưu liệt; cũng không có sáu đường sai khác? Đây là lược vấn nạn, tiếp sau hỏi về dứt ba kiết tu đạo là rộng vấn nạn.

Hỏi: Thế nào là năm thứ Bồ đề?

Đáp: Một là nhu thuận, hai là vô sanh nhãn, và ba thứ Bồ đề: Thanh văn, Độc giác, Phật. Đối với ba Bồ đề này, vượt qua hai thứ đầu mà trụ ở Bồ đề thứ ba.

Lại có năm Bồ đề: 1. Gọi là phát tâm Bồ đề, là ở trong vô lượng sanh tử mà phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là Bồ đề. Đây là trong nhân nói quả. 2. Gọi là phục tâm Bồ đề, là bẻ gãy các phiền não, hàng phục tâm mình, và tu hành các Ba la mật. 3. Gọi là minh tâm Bồ đề, là quán các pháp ba đời, gốc ngọn, tướng chung, tướng riêng, phân biệt trừ lượng, rõ được thật tướng các pháp rất ráo thanh tịnh; nghĩa là

tướng Bát nhã ba la mật. 4. Gọi là xuất đạo Bồ đề, là nơi Bát nhã ba la mật, vì được lực phương tiện (tức lấy vô sở đắc làm lực phương tiện) nên cũng không chấp trước Bát nhã ba la mật, diệt hết thấy phiền não, thấy hết thấy chư Phật mười phương, được vô sanh pháp nhẫn, ra khỏi ba cõi, đến Trí nhất thiết chủng. 5. Gọi là Vô thượng Bồ đề, là ngôi đạo tràng, dứt tập khí phiền não, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy là chứng được năm thứ Bồ đề, còn nghĩa các hiền thánh dứt kiết sử, như trước đã nói.

Hỏi: Trong pháp Thanh văn nói rộng nghĩa dứt kiết, có sao không nói hạnh Bích chi Phật, Bồ tát có các hạnh?

Đáp: Pháp Bích chi Phật không khác với Thanh văn, chỉ có phước đức lợi căn, hơi thâm nhập thật tướng các pháp là khác. Còn Bồ tát đạo tuy có các hạnh, nhưng chỉ khổ hạnh khó làm là việc hy hữu, chúng sanh trông thấy hoan hỷ, nói rằng Bồ tát vì chúng ta mà làm hạnh như vậy, còn các hạnh khác tuy thâm diệu, song người phàm không thể biết, hạnh ấy không gây cảm được, nên không nói.

Lại nữa, như ý nạn vấn của Xá lợi phất là nếu các pháp hoàn toàn vô sanh, không tịch, thì hết thấy chúng sanh đều đắm vui, có sao Bồ tát một mình chịu khổ hạnh?

Lại nữa, chư Phật thường vui xa lìa, tịch tịnh, dứt pháp ái, quyết định biết các pháp không chuyển không hoàn, có sao lại chuyển Pháp luân cho chúng sanh?

Tu bồ đề ở trước Phật nói pháp vô sanh, Phật không quở trách bác bẻ, được năng lực khoái thích, vui nói không khó, nên đáp lại Xá lợi phất rằng: Tôi cũng hoàn toàn không muốn khiến nơi pháp vô sanh có sáu hạng Thánh nhân, trừ Bồ tát nên nói sáu và sáu đạo khác nhau, vì có sao? Vì chứng được pháp vô sanh nên gọi là Thánh pháp và Thánh nhân, có sai khác, còn trong pháp vô sanh hoàn toàn không có gì.

Lại nữa, trong pháp vô sanh có hai điều lỗi: Lỗi thô là vì tội sát sanh, trộm cắp v.v... nên có ba đường ác; lỗi vi tế là vì đem tâm chấp trước làm bố thí, trì giới nên có ba đường lành. Hoặc Bồ tát sanh tâm cho là khó là khổ, thời không thể độ hết thấy chúng sanh. Như việc nhỏ của thế gian, tâm khó khăn cho là khổ, việc còn không thành hưởng gì thành Phật đạo. Nhân duyên thành Phật đạo là tâm đại từ đại bi, xem chúng sanh như cha mẹ,

con cái, thân mình, vì có sao? Vì cha mẹ, con cái, thân mình tự nhiên sanh lòng yêu mến, chứ không phải suy tính mà sanh lòng yêu mến. Bồ tát khéo tu tâm đại bi, nên đối với hết thảy chúng sanh cho đến kẻ oán thù cũng đồng một tâm ái niệm. Quả báo của đại bi có được vật dụng lợi ích đều không tiếc, đem hết vật sở hữu trong ngoài thí cho chúng sanh. Ở đây nói lý do không tiếc là trên tất cả chỗ, tất cả chúng, tất cả pháp đều không thể có được. Nếu hành giả mới vào Phật pháp, trước dùng chúng sanh không, biết các pháp vô ngã, nay dùng pháp không, biết các pháp cũng không. Do hai nhân duyên là tâm đại bi và các pháp không, nên có thể không tiếc vật sở hữu trong ngoài, làm lợi ích chúng sanh, mà không khởi ý tưởng khó làm, ý tưởng khổ hạnh, một lòng tinh tấn hoan hỷ. Như người vì tự thân và vì cha mẹ, vợ con, siêng năng tu nghiệp, không cho là khổ; nếu vì người khác mà làm thì không có tâm hoan hỷ. Khổ hạnh, nạn hạnh, như trong phẩm sau Nhân duyên bốn sanh, biến hóa hiện chịu làm thân xúc sanh sẽ nói.

Hết thảy các pháp rốt ráo không, tướng bất khả tư nghì nên hết thảy pháp hoàn về mà không chuyển, nên không gọi là chuyển, chỉ vì phá điên đảo hư vọng nên gọi là Chuyển pháp luân.

**Kinh:** Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Nay tôi muốn khiến do sanh pháp đắc đạo hay do vô sanh pháp đắc đạo?

Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: Tôi không muốn khiến do sanh pháp đắc đạo.

Xá lợi phất nói: Vậy nay Tu bồ đề muốn khiến do vô sanh pháp đắc đạo ư?

Tu bồ đề đáp: Tôi cũng không muốn khiến do vô sanh pháp đắc đạo.

Xá lợi phất nói: Như lời Tu bồ đề nói là không biết không được ư?

Tu bồ đề đáp: Có biết có được chẳng do hai pháp, mà do danh tự thế gian nên có biết có được. Do danh tự thế gian nên có Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật, chư Phật; còn trong thật nghĩa đệ nhất không có biết, không có được, không có Tu đà hoàn cho đến không có chư Phật.

Tu bồ đề! Nếu do danh tự thế gian nên có biết có được, vậy sáu đường sai khác cũng do danh tự thế gian nên có, chẳng phải do đệ nhất thật nghĩa ư?



Tu bồ đề đáp: Như vậy, như vậy! Xá lợi phất! Như danh tự thể gian nên có biết có được, sáu đường sai khác cũng do danh tự thể gian nên có, chẳng phải do đệ nhất thật nghĩa, vì có sao? Xá lợi phất! Vì trong đệ nhất thật nghĩa không nghiệp không báo; không sanh không diệt, không sạch không nhơ.

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Pháp bất sanh hay pháp sanh sanh?

Tu bồ đề đáp: Tôi không muốn khiến pháp bất sanh sanh cũng không muốn khiến pháp sanh sanh.

Xá lợi phất nói: Thế nào là pháp bất sanh, không muốn khiến nó sanh?

Tu bồ đề đáp: Sắc là pháp bất sanh, tự sanh không, không muốn khiến nó sanh; thọ, tưởng, hành, thức là pháp bất sanh, tự tánh không, không muốn khiến nó sanh; cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là pháp bất sanh, tự tánh không, không muốn khiến nó sanh.

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Sanh sanh hay bất sanh sanh?

Tu bồ đề đáp: Chẳng phải sanh sanh cũng chẳng phải bất sanh sanh, vì có sao? Nay Xá lợi phất! Sanh và bất sanh là hai pháp, không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, một tướng đó là vô tướng. Nay Xá lợi phất! Do nhân duyên ấy chẳng phải sanh sanh, cũng chẳng phải bất sanh sanh.

Bấy giờ Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Tu bồ đề ư nói pháp vô sanh và tướng vô sanh.

Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: Tôi ư nói pháp vô sanh cũng ư nói tướng vô sanh, vì sao? Vì các pháp vô sanh và tướng vô sanh, ư nói và ngôn ngữ, hết thầy pháp ấy đều chẳng hợp chẳng tán, không sắc không hình, không đối, một tướng đó là vô tướng.

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Ông ư nói pháp vô sanh cũng ư nói tướng vô sanh, ngữ ngôn ư nói ấy cũng bất sanh?

Tu bồ đề? Nay Xá lợi phất! Vì sắc chẳng sanh; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh; mắt chẳng sanh cho đến ý chẳng sanh; địa chủng chẳng sanh cho đến thức chủng chẳng sanh; thân hành chẳng sanh, khẩu hành chẳng sanh, ý hành chẳng sanh; Thí ba la mật chẳng sanh cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh.

Này Xá lợi phát! Do nhân duyên ấy, tôi ưa nói pháp vô sanh cũng ưa nói tướng vô sanh và ngôn ngữ ưa nói ấy cũng bất sanh.

LUẬN: Luận giả nói: Bây giờ, Xá lợi phát biết Tu bồ đề ưa nói không khó nhưng hỏi rằng: Nếu tướng hết thấy pháp bất sanh, vậy tướng ấy làm sao chúng được? Dùng pháp sanh chúng được hay dùng pháp bất sanh chúng được? Nếu dùng pháp sanh chúng được, thời pháp sanh là hư dối, ông đã dùng các lý do để phá. Lại không thể lấy pháp sanh thoát được pháp sanh? Nếu dùng vô sanh mà chúng được, thời vô sanh chưa có tướng pháp, không thể dùng để chúng, làm sao chúng được? Tu bồ đề không thọ nhận cả hai pháp vì đều có lỗi, như trước nói.

Xá lợi phát suy nghĩ rằng: Trong Kinh Phật dạy hai pháp thu nhiếp hết thấy pháp, hoặc hữu vi hoặc vô vi; sanh là hữu vi, vô sanh là vô vi. Nay Tu bồ đề xa lìa hai pháp ấy, làm sao nói đến việc đắc đạo? Suy nghĩ như vậy rồi hỏi Tu bồ đề: Không có việc đắc đạo ư? Tu bồ đề là đại A la hán, thực hành tam muội Vô tránh bậc nhất, chỉ vì Bồ tát nên thuyết pháp vô sanh ấy, sao ông khởi tà kiến nói không người đắc đạo? Thế nên nói có biết có được, biết và được tức là tên khác của chữ được đạo quả. Tu bồ đề sợ trái với lời nói ở trước nên nói không do hai pháp, mà chỉ vì thế tục nên nói có Tu đà hoàn cho đến Phật, vì sao? Vì hết thấy các pháp thật không có tướng ngã, nay dùng ngã mà phân biệt từ Tu đà hoàn cho đến Phật, ấy là theo pháp thế tục.

Lại nữa, vì chưa được pháp không, nên nói ấy là thiện, ấy là bất thiện, ấy là hữu vi, ấy là vô vi v.v... Còn trong đệ nhất nghĩa không có chúng sanh nên không có Tu đà hoàn cho đến Phật; vì pháp không, nên không có quả Tu đà hoàn cho đến Phật đạo. Thánh nhân, Thánh pháp còn hư dối không có định thật, hưởng gì nghiệp và quả báo người phạm sáu nẻo.

Hỏi: Tu bồ đề đã dùng mỗi mỗi nhân duyên quyết định nói về pháp bất sanh sao nay Xá lợi phát còn hỏi pháp bất sanh hay pháp sanh sanh?

Đáp: Tu bồ đề trên kia nói nhân duyên đắc đạo, nên Xá lợi phát nhận được ý Tu bồ đề tuy nói pháp vô sanh phá hết thấy pháp, là vì nhân duyên nên nói mà tâm không chấp trước pháp vô danh, thế nên lại hỏi.

Lại vì pháp ấy thậm thâm, muốn khiến người nghe hiểu được rõ ràng, nên lại hỏi.

Ở trên hỏi pháp tu hành đắc đạo, nay hỏi hết thấy pháp làm sao sanh. Dùng tuệ nhãn biết hết thấy pháp đều chẳng sanh, nhưng hiện thấy các pháp sanh, nên lại hỏi làm sao sanh.

Tu bồ đề đáp: Cả hai việc đều chẳng phải. Nếu sanh sanh, pháp sanh đã sanh, không cần phải sanh nữa, nếu chẳng sanh sanh, pháp sanh chưa có nên không cần sanh. Nếu bảo khi sanh, một nửa sanh, một nửa không sanh, ấy cũng chẳng sanh. Nếu là nửa phần sanh thời đã sanh rồi, nếu là nửa phần chưa sanh thời không sanh. Ấy là Tu bồ đề không dùng mắt thịt thấy, vì không thông đạt nên cả hai pháp đều không chấp thủ, chỉ nói sanh ấy như huyễn như mộng, từ hư dối pháp sanh, nên lìa, nên không thủ tướng.

Xá lợi phát hỏi: Những pháp gì cả hai đều không chấp thủ? Tu bồ đề dùng theo thế để nên nói sắc cho đến Trí nhất thiết chủng rốt ráo chẳng sanh, tướng “Không” tự nhiên, không muốn khiến trong thật tướng có sanh, nếu về thế để hư dối có thể có sanh, sanh như huyễn hóa.

Trong đây nói nhân duyên của chẳng sanh là chẳng hợp, chẳng tán.

Có người nói: Sanh với pháp giống nhau, sanh là thường, còn pháp được sanh là vô thường, thế nên lại hỏi. Người đáp lại cho sanh và pháp chẳng khác, nếu nói pháp sanh là đã nói tướng sanh, sanh chẳng sanh, như trên nói.

Xá lợi phát nghe Tu bồ đề nói, biết tâm Tu bồ đề ưa vui pháp vô sanh, nên nói với Tu bồ đề rằng: Ông thật ưa vui nói pháp vô sanh. Tu bồ đề liền nhận câu hỏi ấy, tâm cũng không thẹn, vì sao? Vì luận nghị ấy không thể phá, không có tội lỗi. Sao biết? Tu bồ đề tự nói không có pháp có thể hợp, không có pháp có thể tán, không sắc, không hình, không đối, một tướng đó là vô tướng, tướng không còn không chấp thủ, hướng gì các tướng.

Xá lợi phát lại khen ngợi: Ông ưa nói pháp vô sanh và ngôn ngữ đều vô sanh, ấy thật thanh tịnh. Nếu chính đương vui nói và ngữ ngôn chẳng phải vô sanh, chỉ nói ngoại vật vô sanh, thời chẳng phải thanh tịnh.

Tu bồ đề liền lại thọ nhận lời khen ngợi ấy, đáp lại Xá lợi phát rằng: Chẳng phải chỉ vui nói và ngữ ngôn là vô sanh, mà sắc cho đến Trí nhất thiết chủng, cũng đều là vô sanh.

**KINH:** Bấy giờ, Xá lợi phát nói với Tu bồ đề rằng: Tu bồ đề xứng đáng ở trên hết những người thuyết pháp, vì sao? Vì Tu bồ đề tùy chỗ hỏi đều đáp được cả.

Tu bồ đề đáp: Vì các pháp không có chỗ nương.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Làm sao các pháp không có chỗ nương?

Tu bồ đề đáp: Sắc tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa; thọ, tưởng, hành, thức thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa; sắc tánh thường không, cho đến pháp tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa. Thí Ba la mật tánh thường không, cho đến Bát nhã ba la mật tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa. Nội không tánh thường không, cho đến vô pháp hữu pháp không tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa.

Xá lợi phát! Bốn niệm xứ tánh thường không, cho đến Trí nhất thiết chủng tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa.

Do nhân duyên ấy, Xá lợi phát! Hết thấy các pháp không chỗ nương, vì tánh thường không. Như vậy, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, nên thanh tịnh sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến nên thanh tịnh Trí nhất thiết chủng.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát làm sao khi tu sáu Ba la mật thanh tịnh Bồ tát đạo?

Tu bồ đề đáp: Có Thí ba la mật thế gian, có Thí ba la mật xuất thế gian; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật có thế gian, có xuất thế gian.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Thế nào là Thí ba la mật thế gian, thế nào là Thí ba la mật xuất thế gian?

Tu bồ đề đáp: Nếu Bồ tát ma ha tát làm thí chủ hay cúng thí cho Sa môn, Bà la môn, người nghèo cùng, kẻ ăn xin, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần áo cho áo, đồ nằm, giường nệm, phòng nhà, hương hoa, anh

lạc, thuốc thang, các thứ cần dùng để nuôi sống; hoặc vợ con, quốc thổ, đầu mắt, tay chân, chi tiết, vật trong ngoài đều lấy cấp thí, khi thí nghĩ rằng: Ta cho kia nhận, ta không xan tham, ta là thí chủ, ta có thể bỏ hết thầy vật, ta theo lời Phật dạy bố thí, ta tu Thí ba la mật. Làm việc bố thí như vậy rồi, dùng pháp có được cho hết thầy chúng sanh chung hưởng, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩ rằng: Nhân sự bố thí này mà khiến cho chúng sanh được cái vui đời này, sau sẽ khiến được vào Niết bàn.

Người ấy bố thí như vậy có ba điều chướng ngại: Là tướng ta, tướng người khác, tướng bố thí. Chấp trước ba tướng ấy mà bố thí, ấy gọi là Thí ba la mật thế gian. Vì nhân duyên gì nên gọi là thế gian? Vì không động, không xuất đối với thế gian nên gọi là Thí ba la mật thế gian.

Thế nào gọi là Thí ba la mật xuất thế gian? Đó là ba phần được thanh tịnh. Thế nào là ba? Là Bồ tát ma ha tát khi bố thí, ta không thể có được, không thấy người thọ nhận và vật bố thí không thể có được, cũng không trông quả báo. Ấy gọi là Bồ tát Thí ba la mật ba phần thanh tịnh.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi bố thí cho tất cả chúng sanh, tướng chúng sanh cũng không thể có được, lấy sự bố thí ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến không thấy tướng pháp vi tế. Xá lợi phất! Ấy gọi là Thí ba la mật xuất thế gian. Vì sao gọi là xuất thế gian? hay động hay xuất đối với thế gian nên gọi là Thí ba la mật xuất thế gian.

Giới ba la mật có chỗ nương là Giới ba la mật thế gian, không chỗ nương là Giới ba la mật xuất thế gian. Các nghĩa khác cũng nói như Thí ba la mật.

Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật có chỗ nương gọi là thế gian, không có chỗ nương gọi là xuất thế gian. Các nghĩa khác cũng nói như Thí ba la mật.

Như vậy, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu hành sáu Ba la mật, tịnh Bồ tát đạo.

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Làm sao Bồ tát ma ha tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu bồ đề đáp: Tu bốn niệm xứ là Bồ tát ma ha tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến tu tám Thánh đạo phần, cửa không giải thoát, cửa vô tướng giải thoát, cửa vô tác giải thoát; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, hết thấy môn Tam muội, hết thấy môn Đà la ni, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi.

Xá lợi phát! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN. Hỏi: Năm trăm A la hán Phật đều thọ ký cho là đệ nhất, như Xá lợi phát trí tuệ đệ nhất, Mục kiên liên thần túc đệ nhất, Ma ha Ca diếp tu hạnh đầu đà đệ nhất, Tu bồ đề được Vô tránh Tam muội đệ nhất, Ma ha Ca chiên diên phân biệt Tu đa la đệ nhất, Phú lâu na đệ nhất trong hàng thuyết pháp, nay có sao Xá lợi phát lại khen ngợi Tu bồ đề xứng đáng đệ nhất trong hàng thuyết pháp?

Đáp: Phật dùng Phật nhãn quán hết thấy chúng sanh lợi căn, độn căn, trừ lượng hết thấy pháp tổng tướng, biệt tướng, tùy chỗ đắc pháp của họ mà mỗi mỗi đều thọ ký đệ nhất, không lầm. Phú lâu na ở giữa bốn chúng dùng mười hai bộ Kinh, theo mỗi mỗi pháp môn, mỗi mỗi nhân duyên, thí dụ mà nói, có thể làm lợi ích chúng sanh đệ nhất. Tu bồ đề

thường tu Vô tránh Tam muội, cùng với Bồ tát đồng việc, không khéo vui nói một pháp môn không tướng, hơn Phú lâu na; thí như người thợ có nhiều sở năng, sở năng nhiều nên

tinh xảo cùng khắp, còn như có người có khả năng chuyên một việc, thời ắt cùng tốt cái đẹp của nó. Phú lâu na tuy đa năng song không bằng Tu bồ đề thường ưa hành không tướng, nên hay khéo nói không. Thế nên Xá lợi phát nghe Tu bồ đề khéo nói nghĩa không, liền khen ngợi rằng: Ông đáng là đệ nhất trong hạng người thuyết pháp. Xá lợi phát thấy Tu bồ đề tùy chỗ hỏi đều đáp được, như gió đi giữa không, không gì ngăn ngại.

Khi ấy Tu bồ đề không nhún nhường, không thọ nhận, vì an lập bằng phẳng, chắc chắn là tướng người tốt. Tướng người tốt là tự khen, không tự chê, cũng không khen không chê người khác. Nếu tự khen mình, thì chẳng phải là tướng đại nhân, không được người khen mới tự khen; nếu tự chê, ấy là người nịnh hót; nếu chê người khác, ấy là người dèm pha phá hại; nếu khen người khác, ấy là người dua nịnh. Tu bồ đề nói pháp vô

sanh nên Xá lợi phát tuy khen mà không phải nịnh hót. Tu bồ đề cho Xá lợi phát khen thật nên không nhún nhường. Lại vì dứt pháp ái nên tâm không cao, cũng không ái trước, chỉ đáp về nhân duyên của sự không ngại không chướng, tức là hết thấy pháp không có chỗ nương tựa, không có chỗ nương tựa nên không ngại không chướng. Nghĩa không có chỗ nương tựa như trước đã nói.

Trong đây Tu bồ đề tự nói vì nội pháp không nên sắc không nương tựa trong; vì ngoại pháp không nên sắc không nương tựa ngoài; vì trung gian không có nên sắc không nương tựa trung gian. Như sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Bồ tát biết tất cả ba cõi vô thường, không nên không nương tựa trong đó; khi ấy phiền não dứt, tịnh được Bồ tát đạo. Thế nên Tu bồ đề nói, Bồ tát tu hành sáu Ba la mật, nên tịnh sắc cho đến tịnh Trí nhất thiết chủng.

Hỏi: Tịnh sắc cho đến tịnh Trí nhất thiết chủng tức là tịnh Bồ tát đạo, có gì còn hỏi?

Đáp: Bồ tát hay làm cho rất ráo không, ấy gọi là thanh tịnh. Việc ấy thâm diệu, không thể tức khắc liền được, thế nên Xá lợi phát hỏi: Hàng Bồ tát tân học làm sao tu đạo phương tiện ban đầu đó?

Tu bồ đề đáp: Nếu Bồ tát tu được hai thứ Ba la mật, thời sáu Ba la mật là bắt đầu mở Bồ tát đạo, dùng vô sở đắc không mà tu ba mươi bảy phẩm là mở Phật đạo. Tịnh gọi là mở, như trừ khử chông gai trên đường đi, gọi là mở đường.

Những gì là hai thứ Ba la mật? 1. Thế gian, 2. Xuất thế gian. Thế gian là Tu bồ đề tự nói nghĩa rằng: Cần ăn cho ăn v.v... như đã nói ở đầu phẩm. Nếu lúc bố thí mà có chỗ nương tựa, thời như người già bệnh nương tựa sức người khác mới có thể đi đứng được. Người bố thí xa lìa trí tuệ thật, tâm lực mỏng ít cho nên nương tựa.

Nương tựa là thân ta, tài vật, người nhận, tâm chấp trước thủ tướng pháp ấy, sanh các phiền não kiêu mạn v.v... ấy gọi là thế gian, không động không xuất.

Động là nhu thuận nhẫn.

Xuất là vô sanh nhẫn.

Trong pháp Thanh văn, động là bậc hữu học, xuất là bậc vô học. Các nghĩa của năm Ba la mật kia cũng như vậy. Ấy gọi là bắt đầu mở Bồ tát đạo.

Hỏi: Bồ tát đạo đức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cứ sao còn hỏi?

Đáp: Lúc làm Bồ tát phải có đạo. Phật đã đến chỗ không cần đạo, đạo ấy vì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là Bồ đề đạo. Bồ tát tu hành đạo ấy nên gọi là Bồ tát đạo. Trong đây Phật dạy đạo xa là Bồ tát đạo, sáu Ba la mật; đạo gần là Bồ đề đạo, ba mươi bảy phẩm. Trong sáu Ba la mật, bố thí, trì giới là tạp nên xa; ba mươi bảy phẩm chỉ có Thiền định, trí tuệ nên gần. Sáu Ba la mật có thể gian, xuất thế gian xen lẫn nên xa; ba mươi bảy phẩm, ba giải thoát môn v.v... cho đến đại từ đại bi, rốt ráo thanh tịnh nên gần.

Lại nữa, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đạo là từ địa vị mới phát tâm cho đến địa vị Kim cang Tam muội, trung gian đó vì tu hạnh Bồ đề, Bồ tát đều gọi là Bồ đề đạo.

**KINH:** Bấy giờ, Xá lợi phát tán thán Tu bồ đề rằng: Lành thay, Lành thay! Thế nào là lực Ba la mật?

Tu bồ đề đáp: Là lực Bát nhã ba la mật, vì cứ sao? Vì Bát nhã ba la mật hay xuất sanh hết thầy pháp lành, hoặc pháp Thanh văn, pháp Bích chi Phật, pháp Bồ tát, pháp Phật.

Xá lợi phát! Bát nhã ba la mật hay nhiếp hết thầy pháp lành; hoặc pháp Thanh văn, pháp Bích chi Phật, pháp Bồ tát, pháp Phật.

Xá lợi phát! Chư Phật quá khứ thực hành Bát nhã ba la mật mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chư Phật vị lai cũng thực hành Bát nhã ba la mật mà sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá lợi phát! Chư Phật trong mười phương thế giới hiện tại cũng thực hành Bát nhã ba la mật mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá lợi phát! Nếu Bồ tát ma ha tát khi nghe nói Bát nhã ba la mật, không nghi không vấn nạn, nên biết Bồ tát ma ha tát ấy thực hành đạo Bồ tát.



Bồ tát đạo là cứu độ hết thảy chúng sanh nên tâm không xa bỏ hết thảy chúng sanh, vì không có sở đắc. Bồ tát thường nên không xa lìa niệm ấy, tức là niệm đại bi.

Xá lợi phát lại hỏi: Muốn khiến Bồ tát ma ha tát thường không xa lìa niệm ấy, tức là niệm đại bi. Nếu Bồ tát ma ha tát không xa lìa niệm đại bi, khiến hết thảy chúng sanh đều sẽ làm Bồ tát, vì sao? Tu bồ đề! Vì hết thảy chúng sanh cũng không xa lìa các niệm?

Tu bồ đề đáp: Lành thay, lành thay! Xá lợi phát! Ông muốn vắn nạn tôi mà trở thành nghĩa của tôi, vì sao? Vì chúng sanh không có nên niệm cũng không có, chúng sanh tánh không có nên niệm cũng là tánh không có; chúng sanh pháp không có nên niệm cũng là pháp không có; chúng sanh lìa nên niệm cũng lìa; chúng sanh không nên niệm cũng không; chúng sanh không thể biết nên niệm cũng không thể biết.

Xá lợi phát! Sắc không có nên niệm cũng không có; sắc tánh không có nên niệm cũng là tánh không có; sắc pháp không có nên niệm cũng là pháp không có; sắc lìa nên niệm cũng lìa; sắc không nên niệm cũng không; sắc không thể biết nên niệm cũng không thể biết; thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Mắt cho đến ý, sắc cho đến pháp, địa chủng cho đến thức chủng, (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Địa giới, thức giới – ND*), Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, hết thảy môn Tam muội, hết thảy môn Đà la ni, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có nên niệm cũng không có, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thể biết nên niệm cũng không thể biết.

Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát tu hành đạo ấy, tôi muốn khiến không xa lìa ấy, tức là niệm đại bi.

Bấy giờ, Phật tán thán Tu bồ đề rằng: Lành thay, lành thay! Bồ tát ma ha tát có nói Bát nhã ba la mật cũng nên nói như vậy. Như ông nói Bát nhã ba la mật đều vâng thừa ý Phật. Bồ tát ma ha tát học Bát nhã ba la mật nên như lời ông nói mà học.

Khi Tu bồ đề nói phẩm Bát nhã ba la mật ấy, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Phương đông vọt lên, phương tây chìm xuống; phương tây vọt lên, phương đông chìm xuống; phương nam vọt lên,

phương bắc chìm xuống, phương bắc vọt lên, phương nam chìm xuống; ở giữa vọt lên, hai bên chìm xuống; hai bên vọt lên, ở giữa chìm xuống.

Bấy giờ Phật mỉm cười.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Vì nhân duyên gì nên Phật mỉm cười?

Phật bảo Tu bồ đề: Như Ta ở thế giới này nói Bát nhã ba la mật, vô lượng A tăng kỳ thế giới chư Phật ở phương đông cũng vì các Bồ tát ma ha tát mà nói Bát nhã ba la mật, chư Phật ở phương nam, tây, bắc, bốn góc và trên dưới cũng nói Bát nhã ba la mật ấy.

Khi nói phẩm Bát nhã ba la mật ấy, mười hai na do tha các trời, người chứng được vô sanh pháp nhẫn. Khi chư Phật mười phương nói Bát nhã ba la mật ấy, vô lượng A tăng kỳ chúng sanh cũng pháp tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Luận giả nói: Xá lợi phát nghĩ rằng: Tu bồ đề phân biệt nói rõ sáu Ba la mật thế gian, xuất thế gian và Bồ đề đạo rất lợi ích cho chúng sanh nên hoan hỷ tán thán: Lành thay, lành thay! Nói lại hai lần là tỏ sự hoan hỷ cùng tột.

Hỏi: Ấy là do lực của Ba la mật nào?

Đáp: Tu bồ đề suy nghĩ rằng: Trong tất cả tâm số pháp, trừ trí tuệ, không có tâm số nào có khả năng phân biệt dứt nghi, mở lối như vậy. Trong các Ba la mật, nếu lìa Bát nhã ba la mật tự mình không thể thành tựu, huống gì có thể phân biệt mở lối? Suy nghĩ như vậy rồi, đáp Xá lợi phát rằng: Đó là lực của Bát nhã ba la mật, như trước đã nói. trong các pháp không có ngã, không có kẻ biết, không có kẻ thấy. Nay đem điều ấy làm chứng biết đó là lực của Bát nhã ba la mật, chẳng phải lực của Phật, chẳng phải lực của Tu bồ đề, vì sao? Tu bồ đề nói lý do vì Bát nhã ba la mật xa lìa hai bên đoạn thường, có, không v.v... hay phát sanh tất cả pháp lành, đó là tướng định, tướng cứng chắc không hoại của pháp ba thừa.

Lại, Bát nhã ba la mật vô lượng vô biên nên có thể nhiếp thụ tất cả pháp lành, như biển lớn hay nạp thụ trăm sông nghìn dòng.

Pháp lành ba thừa là sáu Ba la mật, cho đến mười tám pháp không chung. Mười phương ba đời chư Phật thực hành Bát nhã ba la mật nên đều chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tuy thực hành các Ba la

mật kia, mà Bát nhã ba la mật rất tôn quý, có năng lực thông đạt. Thí như hòa hợp thuốc xổ, vị bã đậu mạnh hơn cả. Bát nhã ba la mật cũng như vậy, tuy hòa hợp với các Ba la mật kia, nhưng phá các phiền não, tà kiến, xả bỏ hý luận thì lực Bát nhã ba la mật hơn cả. Vì vậy, nên nói đều là lực của Bát nhã ba la mật.

Hỏi: Mỗi mỗi tán thán Bát nhã ba la mật là vi diệu thậm thâm, vậy ai hay tu hành, tùy thuận, tương ứng Bát nhã ba la mật?

Đáp: Những Bồ tát trong vô lượng đời chứa nhóm các phước đức, lợi căn, phiền não bị bề mỏng; tuy chưa đến địa vị bất thối, song nghe nói Bát nhã ba la mật liền tin thọ thâm nhập. Người có tướng thông đạt như vậy, thời có thể thực hành đạo Bát nhã ba la mật,

nghĩa là cứu độ hết thảy chúng sanh, khiến xa lìa ưu não thế gian, vì tâm đại bi nên không bỏ hết thảy chúng sanh. Bồ tát thường không nên xa lìa tâm đại bi và niệm rớt ráo không, rớt ráo không, thời phá các phiền não thế gian, thị hiện Niết bàn; mà tâm đại bi dẫn dắt khiến trở lại vào trong thiện pháp, để lợi ích cho chúng sanh.

Bấy giờ Xá lợi phát nạn hỏi Tu bồ đề: Nếu Bồ tát không lìa niệm đại bi và niệm rớt ráo không ấy, thời tất cả chúng sanh đều sẽ làm Bồ tát, vì sao? Vì rớt ráo không, thì vô tướng, không phân biệt, không nên Bồ tát có niệm đại bi, còn chúng sanh không có niệm đại bi. Nếu có thì hết thảy chúng sanh nên chung có, nếu không thì Bồ tát cũng nên không?

Tu bồ đề đáp: Ông muốn nạn hỏi tôi mà trở lại giúp thành nghĩa của tôi, vì sao? Vì các pháp tướng rớt ráo không, nên chúng sanh cũng không, chúng sanh không nên niệm rớt ráo không cũng không. Nếu các pháp rớt ráo không, thì đâu có chúng sanh thật không mà nạn hỏi tôi rằng: Chúng sanh không lìa niệm ấy, thời đều sẽ làm Bồ tát! Thế nên nói chúng sanh không có nên niệm rớt ráo không cũng không có. Chúng sanh không có tự tánh, chúng sanh kia, chúng sanh không, chúng sanh không thể biết, niệm rớt ráo không cũng không. Sắc cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy.

Hỏi: Trong đây niệm, là không lìa niệm đại bi, cứ sao nói không lìa niệm rớt ráo?

Đáp: Bồ tát không lìa niệm ấy, tâm không bỏ chúng sanh, vì dùng vô sở đắc làm phương tiện vậy. Vô sở đắc không và rốt ráo không, tên khác mà nghĩa một. Vô sở đắc không; vô sở đắc không ở đầu, rốt ráo không ở sau; vì rốt ráo không là lớn, nên sanh tâm bi cũng lớn. Đại bi, như trong Kinh A Sai Mạc nói có ba thứ bi: Là chúng sanh duyên, pháp duyên và vô duyên. Vô duyên từ bi từ rốt ráo không phát sanh, lấy đó mà giải sự nạn vấn của Xá lợi phất. Phật ấn chứng lời nói ấy nên tán thán lành thay. Nếu muốn giải nói Bát nhã ba la mật, hãy nên như ông nói.

Bấy giờ ở trong chúng, hàng trời, người, Bồ tát nghĩ rằng: Bát nhã ba la mật rất sâu, ba đời chư Phật đều từ trong đó xuất sanh, Tu bồ đề là người Tiểu thừa, tại sao? Phật tán thán, muốn nói Bát nhã ba la mật, hãy nên như ông nói, vì thế nên tiếp đến nói: Tu bồ đề nói đều vâng thừa ý Phật. Giả sử như Di lặc Bồ tát, Phạm thiên vương v.v... không nương theo ý Phật còn không thể hỏi, huống gì Tu bồ đề ở trước Phật mà có thể tự do vui nói. Các Bồ tát muốn học Bát nhã ba la mật cũng nên như ông nói mà học.

Khi nói phẩm ấy, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách là lúc ấy ở trong hội chúng có nhiều Bồ tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều sẽ làm Phật.

Phật là chủ lớn của trời đất, địa thần hoan hỷ chủ ta nay xuất sanh nên khiến quả đất động mạnh.

Lại nữa, người có tâm tin Bát nhã ba la mật thâm sâu, là hy hữu có được, nên người ấy do nhân duyên phước đức mà cảm gió lớn làm rung động nước, nước động nên đất động.

Lại nữa, đại Long vương ở dưới đất muốn đến nghe Bát nhã ba la mật, từ nước đi ra cho nên nước động, nước động nên đất động.

Lại nữa, do thần lực của Phật khiến đất động, vì muốn khiến mọi người tăng lòng tin vui Bát nhã ba la mật khó thấy khó biết. Ngoài ra, nhân duyên làm đất động, như trước đã nói, còn trong đây Phật tự nói nhân duyên là Ta nói Bát nhã ba la mật, mười phương chư Phật cũng nói Bát nhã ba la mật, mười hai na do tha trời người được địa vị bất thối, vào pháp vị, thế nên đất động.

Lại, chúng sanh trong mười phương thế giới, cũng phát tâm Vô thượng đạo, thế nên đất động.

Bấy giờ chư Thiên cũng có rải các thứ hoa sen và các tạp hương, áo trời, lọng trời, ngàn vạn thứ kỹ nhạc trời. Các Long vương từ bốn biển nước lớn vọt lên và các Dạ xoa, La sát v.v... đều sanh tâm từ, chấp tay tán Phật. Lại khi Phật mỉm cười, vô lượng ánh sáng chòm khắp mười phương các thế giới nhiều như hằng hà sa, có bấy nhiêu việc hy hữu. Nói cách cốt yếu thì đất động đều do nói thật tướng các pháp, tức là Bát nhã ba la mật.

(Hết cuốn 53 theo bản Hán)

--o0o--

## Cuốn 54

### GIẢI THÍCH: PHẨM THIÊN VƯƠNG THỨ 27

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Đề Thích thứ 25)

**KINH:** Bảy giờ, ba ngàn đại thiên thế giới các trời Tứ thiên vương cùng với vô số trăm ngàn ức chư thiên đều đến tập hội. Ba ngàn đại thiên thế giới các Thích đề hoàn nhor và các trời Đao lợi, vua trời Tu dạ ma và các trời Dạ ma, vua trời Đâu suất đà và các trời Đâu suất đà, vua trời Tu niết mật đà và các trời Diệu Hóa, vua trời Bà xá bạt đề và các trời Tụ Tại Hành, mỗi mỗi cùng vô số trăm ngàn ức chư thiên đều đến tập hội. Ba ngàn đại thiên thế giới các Phạm vương cho đến các trời Thủ đà hội, mỗi mỗi cùng vô số trăm ngàn ức chư thiên đều đến tập hội. Các trời bốn Thiên vương cho đến các trời Thủ đà hội có ánh sáng nơi thân từ nghiệp báo sinh, đối với ánh sáng thường của Phật trăm phần, ngàn phần, ngàn vạn ức phần không kịp một, cho đến không thể lấy toán số thí dụ so sánh được. Ánh sáng của Thế Tôn tối thắng tối diệu, tối thượng đệ nhất; ánh sáng do nghiệp báo sinh của chư thiên ở bên ánh sáng Phật không thể chiếu không thể hiện, như tim đèn cháy so với vàng Diêm phù đàn.

Bảy giờ Thích đề hoàn nhor (Đề thích – Indra) bạch đại đức Tu bồ đề; Ba ngàn đại thiên thế giới các trời bốn Thiên vương cho đến các trời Thủ đà hội, hết thảy hòa hợp muốn nghe Tu bồ đề nói nghĩa Bát nhã ba la mật. Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát làm sao nên trụ trong Bát nhã ba la mật? Sao gọi là Bồ tát ma ha tát Bát nhã ba la mật? Làm sao Bồ tát ma ha tát nên trụ Bát nhã ba la mật?

Tu Bồ đề nói với trời Thích đề hoàn nhor rằng: Kiền thi ca! Tôi nay sẽ thừa thuận ý Phật, thừa thuận thần lực Phật mà vì các Bồ tát ma ha tát nói Bát nhã ba la mật, như Bồ tát ma ha tát đã nên trụ trong Bát nhã ba la mật (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Như Bồ tát ma ha tát có thể nơi trong đó nên trụ như vậy, nên học như vậy – ND*)

Các Thiên tử! Ai chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay hãy nên phát tâm.

Các Thiên tử! Nếu vào chánh vị Thanh văn, người ấy không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì đã dựng ranh giới cách biệt chướng ngại với sanh tử. Người ấy nếu phát tâm Vô thượng Chánh

đẳng chánh giác, tôi cũng tùy hỷ, vì có sao? Vì thượng nhân còn nên cầu thượng pháp; tôi trọn không dứt công đức của họ.

Kiều thi ca! Sao gọi là Bát nhã ba la mật? Bồ tát ma ha tát tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng mà niệm sắc vô thường, niệm sắc khổ, niệm sắc không, niệm sắc vô ngã, niệm sắc như bệnh, như thư, như ung, như ghẻ, như mũi tên vào thân, thống não, suy hoại, lo sợ bất an, vì không có sở đắc; niệm thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Niệm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; niệm địa chủng, thủy, hỏa, phong, không, thức chủng, quán nó vô thường cho đến lo sợ bất an, vì cũng không có sở đắc.

Quán sắc tịch diệt, lìa, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như, chẳng sạch; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Quán địa chủng cho đến thức chủng tịch diệt, lìa, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, cũng vì không có sở đắc.

Lại nữa, Kiều thi ca! Bồ tát ma ha tát tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng quán vô minh làm duyên các hành, cho đến già chết làm nhân duyên cho nhóm khổ lớn, cũng vì không có sở đắc. Quán vô minh diệt nên các hành diệt, cho đến sinh diệt nên già chết diệt, già chết diệt nên ưu bi sầu não nhóm khổ lớn diệt, vì không có sở đắc.

Lại nữa, Kiều thi ca! Bồ tát ma ha tát tâm tương ứng Trí nhất thiết chủng, tu bốn niệm xứ, vì không có sở đắc, cho đến tu Phật mười lực, mười tám pháp không chung, vì không có sở đắc.

Lại nữa, Kiều thi ca! Bồ tát ma ha tát tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng, tu Thí ba la mật, vì không có sở đắc; tu Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, vì không có sở đắc.

Lại nữa, Kiều thi ca! Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật, quán như vậy: chỉ có các pháp với các pháp làm nhân duyên, thuận nhuần, tăng ích cho nhau, phân biệt so tính trong ấy không có ngã, ngã sở. Bồ tát tâm hồi hướng không ở trong tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không ở trong tâm hồi hướng; tâm hồi hướng không thể có được nơi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thể có được nơi tâm hồi hướng. Bồ tát tuy quán hết thấy pháp cũng không có pháp có thể được. Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Bát nhã ba la mật.

Thích đề hoàn hơn hỏi Tu bồ đề: Tại sao tâm hồi hướng của Bồ tát không ở trong tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Tại sao tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không ở trong tâm hồi hướng? Tại sao tâm hồi hướng không thể có được nơi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Tại sao tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có thể có được nơi tâm hồi hướng.

Tu bồ đề nói với Thích đề hoàn hơn rằng: Kiều thi ca! Tâm hồi hướng, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là chẳng phải tâm, chẳng phải tâm tướng; trong chẳng phải tâm tướng không thể có hồi hướng; chẳng phải tâm tướng ấy thường chẳng phải tâm tướng; tướng không thể nghĩ bàn thường tướng không thể nghĩ bàn, ấy gọi là Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát. *(Kinh Đại Bát nhã ghi: Kiều thi ca! Tâm hồi hướng của các Bồ tát ma ha tát thời chẳng phải tâm, tâm Bồ đề cũng chẳng phải tâm; không thể chẳng phải tâm hồi hướng nơi chẳng phải tâm, tâm cũng không thể hồi hướng nơi chẳng phải tâm, chẳng phải tâm, không thể hồi hướng nơi tâm, tâm cũng không thể hồi hướng nơi tâm, vì sao? Vì chẳng phải tâm tức là không thể nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn tức là chẳng phải tâm. Hai thứ ấy đều không có gì, trong không có gì, không có nghĩa hồi hướng. Kiều thi ca! Tâm không có tự tánh, tâm tánh không có, nên tâm cũng không; tâm và tâm sở đã không có tự tánh, nên tâm cũng không có nghĩa tâm hồi hướng. Kiều thi ca! Nếu quán xét như vậy, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Bát nhã ba la mật – ND)*

Bấy giờ, Phật tán thán Tu bồ đề rằng Lành thay, lành thay! Tu bồ đề! Ông đã vì các Bồ tát ma ha tát nói Bát nhã ba la mật, an ủi tâm các Bồ tát ma ha tát!

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con nên báo ân, không nên không báo ân. Quá khứ các đức Phật và các đệ tử đã vì các Bồ tát nói sáu Ba la mật, chỉ dạy lợi ích vui mừng; Thế Tôn lúc bấy giờ cũng ở trong đó học, đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Con nay cũng vì các Bồ tát nói sáu Ba la mật, chỉ dạy lợi ích vui mừng, nay chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN. Hỏi: Trong phẩm đầu Phật phóng ra ánh sáng thù thắng, chư thiên đã tập hội đông đảo, nơi đây sao còn nói lại?



Đáp: Có người nói đây là hội sau. Có người nói chính là hội trước. Chư thiên cho rằng Tu bồ đề khéo nói Bát nhã ba la mật thâm sâu, nên chư thiên hoan hỷ, vì vậy nên Phật mỉm

cười. Ánh sáng thường càng phát sáng thời ánh sáng chư thiên không còn hiện. Như lúc mặt trời mọc, thì sao, trăng đèn, đuốc không còn chiếu sáng; thí như tim đèn cháy ở bên vàng Diêm phù đàn.

Bốn trời Thiên vương là Thiên vương phương đông tên là Đề đa la tra (Dhritaràstra), Trung Hoa dịch là Trị quốc, hoặc Trì quốc, làm chủ Càn thát bà và Tỳ xá giá; Thiên vương phương nam tên Tỳ lưu ly (Viràdhaka), Trung Hoa dịch là Tăng Trưởng, làm chủ loài Câu bàn trà và Tỳ lệ đa; Thiên vương phương tây tên Tỳ lưu ba xoa (Virùpiska), Trung Hoa dịch là Tạt ngữ hay Quảng mục, là chủ các vua rồng và loài Phú đa na; Thiên vương phương bắc tên Tỳ sa môn (Vaisramana), Trung Hoa dịch là Đa văn (Dhananda), làm chủ loài Dạ xoa và La sát. Thích đề hoàn nơn [Thích là Thích ca (Sakya), Trung Hoa dịch là Năng; Đề là Đề bà (Deva), Trung Hoa dịch là Thiên]; Nhân đề Trung Hoa dịch là Chủ, hợp lại gọi là Thích đề Bà na dân (Indra) Đế thích thiên, ở cõi trời Đao lợi.

Cõi trời Tu dạ ma, Thiên vương tên Dạ ma, Trung Hoa dịch là Diệu thiện.

Cõi trời Sách đầu suất đà, Thiên vương tên Đầu suất đà, Trung Hoa dịch là Diệu túc.

Cõi trời Tu niết mật đà, Thiên vương tên là hóa lạc.

Cõi trời Bà xá bạt đề, Trung Hoa dịch là trời Tha hóa tự tại.

Ở đây có Phạm thiên vương tên Thi khí (Sikhi), Trung Hoa dịch là Lửa.

Từ Phạm thiên cho đến cõi trời Thủ đà bà, Thiên vương tên Thủ đà bà, Trung Hoa dịch là trời Tịnh cư.

Ánh sáng nơi thân do nghiệp báo sinh là ánh sáng của trời cõi Dục giống như ánh sáng của đèn, đuốc, ngọc... do bố thí, trì giới, thiền định thanh tịnh nên thân thường chiếu sáng, không cần mặt trời mặt trăng.

Trời cõi Sắc do hành liã dục, tu tập hỏa Tam muội, nên thân thường chiếu ánh sáng đẹp hơn cả mặt trời mặt trăng và ánh sáng quả báo của trời cõi

Dục. Ánh sáng của trời Ly dục, cốt yếu mà nói là do tâm thanh tịnh mà có được.

Ánh sáng thường của Phật mỗi phía tỏa ra một trượng; ánh sáng của chư thiên rộng lớn tuy vô lượng do tuần mà ở bên hòa quang của Phật thì bị che lấp không hiện.

Thích đề hoàn hơn thấy thần lực hòa quang của Phật, nghĩ rằng: Hòa quang của Phật hay che lấp ánh sáng của chư thiên, ánh sáng trí tuệ của Phật cũng phá ngu tối của ta!

Lại vì Phật sai Tu bồ đề nói Bát nhã, cho nên nói: Hết thầy chư thiên đều tập hội đông đủ, muốn nghe Tu bồ đề nói nghĩa Bát nhã. Nay chư thiên đại phước đức đều tập họp, muốn nghe nghĩa Bát nhã.

Sao gọi là Bát nhã ba la mật? Đây là hỏi về thể Bát nhã.

Làm sao tu hành? Đây là hỏi bắt đầu vào phương tiện tu hành.

Thể nào là trú? Đây là hỏi về thâm nhập rốt ráo an trú.

Tu bồ đề nhận lời hỏi ấy, đáp rằng: Nếu người đói khát, cấp cho đủ ăn uống, thời họ cảm ơn rất sâu, Bồ tát cũng như vậy, vì người phát tâm cầu Phật đạo, mà nói Bát nhã thời được lợi ích lớn, nên cảm ơn cũng sâu, vì thế nên nói Bát nhã. Nếu người chưa phát tâm thời sẽ phát, người đã vào Thánh đạo thời không thể đảm nhận, vì lậu hoặc hết, không còn tái sinh nên nói không thể đảm nhận.

Hỏi: Nếu người ấy không thể đảm nhận, cứ sao nói người ấy nếu phát tâm thời ta cũng tùy hỷ, không làm chướng ngại công đức kia, thượng hơn nên tiếp cầu thượng pháp?

Đáp: Tu bồ đề tuy là Tiểu thừa, nhưng thường tập hành không, nên không chấp đắm đạo Thanh văn. Vì vậy nên giả thiết nói: Nếu phát tâm thì có lỗi gì? Trong đây Tu bồ đề tự nói hai nhân duyên: Một là không làm chướng ngại tâm phước đức kia. Hai là thượng nhân nên tiếp cầu thượng pháp. Vì vậy nên thượng nhân cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không lỗi gì, nếu thượng nhân mà cầu tiểu pháp mới đáng hổ thẹn. Vì nửa chừng gặp các việc bên cạnh nên lại nêu hỏi.

Thể nào là Bát nhã ba la mật? Đó là tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc vô thường, khổ, không, vô ngã, như trước nói.

Quán năm uẩn hay sinh các phiền não, nên nói như bệnh. Có người nghe nói năm uẩn như bệnh, cho là còn nhẹ, nên nói nó như ung thư. Có người lại cho ung thư tuy khó trị có khi có thể chữa lành, nên lại nói nó như mũi tên bịt sắt đâm vào thân, không thể rút ra được. Có người lại cho mũi tên bịt sắt đâm vào thân chìm sâu khó nhổ ra, nhưng thuốc hay diệu thuật còn có thể nhổ ra được, nên lại nói nó thường thống não, như người gặp vận suy, thường có điều chẳng lành. Năm uẩn cũng như vậy, nếu người theo đuổi nó thường không an ổn. Vì có suy nên thường ôm lòng lo sợ. Ở chung với năm uẩn như ở chung với hổ lang, Sư tử, thường ôm lòng lo sợ. Năm uẩn có lỗi là vô thường hư dối nên thường chẳng an ổn.

Hỏi: Năm uẩn chỉ có mười lăm điều ác như vậy, hay còn việc khác nữa?

Đáp: Nói lược thời có mười lăm, nói rộng thời có vô lượng vô biên, như trong kinh Tạp A Hàm nói năm uẩn có trăm thứ tội lỗi.

Hỏi: Sao thường nói nó vô thường, khổ, không, vô ngã, hoặc có khi nói tám việc, như bệnh, như ung, như thư v.v... còn bảy việc kia ít nơi nói?

Đáp: Người có thượng, trung, hạ. Vì người lợi căn nên nói bốn việc, nghe liền ngộ Khổ đế. Người trung căn nghe nói bốn việc thời không thể sinh tâm nhàm chán, nếu nghe nói như bệnh, như ung v.v... tám việc, thời sinh tâm nhàm chán. Người độn căn nghe nói tám việc còn không sinh tâm nhàm chán, nên lại vì họ nói bảy việc thống não v.v... sau họ mới nhàm chán. Người lợi căn dễ độ nên thường phần nhiều nói bốn việc vô thường, khổ, không, vô ngã; người độn căn có khi có thể độ nên ít khi nói các việc khác. Tám việc trên phần nhiều bậc Thánh thực hành, còn bảy việc kia thì phàm phu và Thánh nhân chung tu. Bốn việc đầu nhiếp vào trong mười sáu Thánh hạnh, nên trong kinh Bát nhã thường nói.

Lại, nói Bát nhã là vì hàng Bồ tát lợi căn, nên phần nhiều nói Thánh hạnh. Nay hỏi thế nào? Vì đó là pháp tu hành đầu tiên, nên trong đây đều nói. Ngoài ra mười hai nhập cho đến sáu chủng là địa chủng, thủy chủng, v.v... cũng nên quở trách như vậy.

Mười tám giới v.v... cũng nên nói đủ, vì người đọc hay quên mất, vì sao? Vì mười tám giới là tên khác của năm uẩn, không thể không nói. Nếu hành giả quán năm uẩn tịch diệt viễn ly, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, đây chỉ vì Bát nhã ba la mật, nên không nói chung với mười lăm việc trên, vì mười lăm việc ấy cả ba thừa chung có.

Trí lực của hàng thanh văn mỏng cho nên sơ thì không thể quán năm uẩn hoặc viễn ly. hoặc tịch tịnh mà chỉ có thể quán vô thường, khổ v.v...; khi vào Diệt đế mới có thể quán tịch diệt. Bồ tát vì lợi căn nên ban đầu quán năm uẩn thì liền ngộ được tướng tịch diệt.

Dùng vô sở đắc là thường dùng trí tuệ vô sở đắc không mà quán các pháp tướng.

Lại nữa, Thích đề hoàn hơn hỏi tướng Bát nhã ba la mật chứ không hỏi tai họa nhằm chán của năm uẩn, nên chỉ nói tướng Bát nhã.

Tướng Bát nhã là không lìa năm uẩn có Niết bàn; không lìa Niết bàn có năm uẩn; thật tướng năm uẩn tức là Niết bàn, vì vậy người độn căn khi mới phát tâm, trước tiên quán vô thường, vậy sau mới quán năm uẩn tịch diệt v.v... Quán mười hai nhân duyên cũng như vậy.

Lại nữa, tu bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần là pháp chung, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, vì là không có sở đắc, nên gọi là tướng Bát nhã ba la mật. Sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung thì chỉ là pháp Đại thừa.

Hỏi: Nếu nói tướng Bát nhã ba la mật tu hành, có gì trung gian còn nói đến các pháp, các pháp ấy lại làm nhân duyên thắm nhuần tăng ích?

Đáp: Tu Bồ đề trên kia trước nói lỗi vô thường của các pháp; vậy sau mới nói các pháp là viễn ly. tịch diệt, không, không có sở đắc; vậy sau mới nói các pháp tuy không mà từ nhân duyên hòa hợp nên có.

Tiếp theo nói bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, tu hành vào Phật đạo. Người nghe nghĩ rằng: Trên nói viễn ly tịch diệt không, nên biết chẳng phải thường; nói mười hai nhân duyên, nên biết chẳng phải diệt. Nhưng không có kẻ biết, không có kẻ thấy thì ai tu hành các pháp ấy để thành Phật? Thế nên nói: Bồ tát nghĩ rằng: Các pháp không, vô ngã, không có chúng sinh, song từ nhân duyên nên có bốn đại, sáu thức, mười pháp ấy đều có lực năng sinh, năng khởi, năng có chỗ tạo tác. Như đất hay giữ, nước hay làm rã nát, lửa hay tiêu diệt, gió hay xoay chuyển, thức hay phân biệt. Mười pháp ấy có chỗ tạo tác, vì chúng sinh điên đảo nên cho đó là người làm, ta làm. Như da xương hòa hợp lại nên có âm thanh, ngôn ngữ, người mê cho đó là người nói. Như lửa đốt khô rừng tre, phát ra tiếng lớn, trong đó không có người làm.

Lại như người gỗ, người huyễn, người biến hóa tuy có động tác mà không có người làm. Mười pháp này cũng như vậy. Pháp sinh trước pháp sinh sau, nhân duyên hòa hợp, hoặc nhân duyên cộng sinh, hoặc nhân duyên tương ứng, hoặc nhân quả báo, nhân duyên thường tu thường tập làm cho quả báo tăng trưởng. Như mùa xuân trồng cây trái, tùy thời tưới tắm, hoa quả tốt tươi. Lấy trí tuệ phân biệt biết các pháp không có người làm. Bồ tát mới phát tâm hồi hướng, làm nhân duyên với tâm Phật. Mà lúc mới phát tâm hồi hướng, chưa có tâm Phật, trong tâm Phật không có tâm mới hồi hướng, tuy không có mà có thể làm nhân duyên để phát.

Hỏi: Nếu lúc mới phát tâm hồi hướng không có tâm Bồ đề, thời hồi hướng về đâu?

Đáp: Trong thật tướng Bát nhã ba la mật, các pháp chẳng phải tướng thường, chẳng phải tướng vô thường, chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không, nên không nên nạn hỏi rằng: Tâm hồi hướng đã diệt không còn có gì thời làm sao làm nhân cho tâm Bồ đề? Nếu các pháp chẳng sinh chẳng diệt, chẳng phải chẳng sinh, chẳng phải chẳng diệt, làm sao đem sự chẳng sinh chẳng diệt nạn hỏi rằng: Không có tâm Bồ đề thì hồi hướng về đâu?

Lại nữa, Phật tự nói tướng Bồ đề chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, làm sao nạn hỏi rằng: Vị lai không có Bồ đề nên hồi hướng về đâu?

Lại nữa, như trong Phẩm Như nói: Đòi quá khứ không lia đời vị lai, đời vị lai không lia đời quá khứ; đời quá khứ như, đời vị lai như, một như không có hai như, làm sao nói tâm Bồ đề không ở trong tâm hồi hướng? Tâm hồi hướng không ở trong tâm Bồ đề? Nhưng Bồ tát nghe tán thán Phật pháp, liền phát tâm ưa vui, nói rằng ta có công đức gì đều hồi hướng đến Phật đạo. Từ khi mới phát tâm cho đến chứng Phật đạo, tu công đức ấy, không ngừng không nghỉ, dùm như huyễn, như mộng, vô sở đắc nên gọi là Bồ tát Bát nhã ba la mật, hay biết các pháp làm nhân duyên sinh quả báo mà không có tướng nhất định.

Thích đề hoàn nơn nạn hỏi: Vì sao tâm hồi hướng không thể có được ở trong tâm Bồ đề, tâm Bồ đề không thể có được ở trong tâm hồi hướng?

Tu bồ đề không vì nói theo thế đế như huyễn như mộng, chỉ nói theo đệ nhất nghĩa đế: Hai tâm ấy đều không, chẳng phải tâm tướng, vì có sao? Vì

trong các pháp rất ráo không, không có thị tâm phi tâm, thì pháp như vậy làm sao có thể có hồi hướng? Nếu có hai pháp mới có thể có hồi hướng; thí như cưỡi xe đi từ phía tây, phía nam có chỗ dừng nghỉ, nên mới quay xe về hướng đến. Vì xe và chỗ quay hướng đến khác nhau mới có thể hồi hướng, chứ không được chỉ có xe mà nói hồi hướng, vì không khác nhau.

Chẳng phải tâm tướng thường chẳng phải tâm tướng là ý Tu bồ đề muốn nói tâm tướng ấy như như thường trụ, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch. Vì chẳng phải tâm tướng nên chẳng phải tâm, cũng không có chẳng phải tâm ấy, cho nên nói không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn cũng thường không thể nghĩ bàn, không thể trừ lượng tư duy chấp thủ tướng.

Do nhân duyên ấy, nên tâm làm nhân cho Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tương tự quả, không tương tự thời không thể sinh quả được. Nếu sơ tâm bất tịnh, sau không thể phát sinh tịnh tâm, như luyện thiết không thể thành vàng.

Phật vì Tu bồ đề thâm nhập trong nhân duyên Bát nhã ba la mật, ấy là tên gọi Bát nhã ba la mật. Vì thâm nhập được nhân duyên của các pháp, tức lấy làm tên. Vì không sai trái nên ở giữa đại chúng tán thán: Lành thay, lành thay! Ông là người Tiểu thừa mà hay khéo nói Bát nhã ba la mật thâm sâu.

An ủy tâm các Bồ tát là vì lấy Bát nhã ba la mật chỉ bày cho các Bồ tát: Ông chẳng tự cho mình phiền não chưa hết, chưa thành Phật đạo để tự biếng nhác! Các pháp không chướng không ngại, tâm đầu tâm cuối không có khác tướng, chỉ siêng tinh tấn thời thành Phật đạo.

Tôi nên báo ân là Tu bồ đề nghĩ rằng: Ta thực hành thật tướng các pháp, được thoát khỏi khổ già, bệnh, chết, sao ta không nhớ đại ân các pháp ấy? Vì vậy nên thường vui nói.

Lại nữa, Phật có tâm đại bi, vui nói pháp độ chúng sinh, ta nhờ ân Phật nên đắc đạo, ta cũng giúp Phật thuyết pháp độ sinh. Ấy là báo ân.

Lại biết đức Thế Tôn hôm nay nhân nơi chư Phật quá khứ mà được thành Phật đạo, thế nên ta cũng ái kính chư Phật quá khứ, như con ái kính cha, cũng ái trọng tổ phụ, cũng ái kính quá khứ các Bồ tát và đệ tử hay thuyết pháp chỉ dạy, đức Thế Tôn hôm nay cũng như đó mà đắc đạo.

Tu bồ đề có tâm thâm tín Tam Bảo, nên nói tôi biết ơn Thế Tôn và pháp hôm nay, ơn chư Phật và đệ tử quá khứ. Pháp tức là Pháp bảo, Phật hôm nay là Phật quá khứ tức là Phật bảo, các Bồ tát và các đệ tử là Tăng bảo. Sáu Ba la mật như trước đã nói.

Thị là chỉ thị cho người biết việc tốt xấu, lành chẳng lành, nên làm không nên làm; sinh tử là xấu, Niết bàn an ổn là tốt. Phận biệt ba thừa, phân biệt sáu Ba la mật như vậy gọi là chỉ thị.

Giáo là dạy ông bỏ ác làm lành, ấy gọi là giáo.

Lợi là khi chưa được mùi vị của thiện pháp, tâm dễ thôi mất, vì họ thuyết pháp dẫn dắt khiến ra khỏi. Ông chớ tìm quả trong khi tu nhân, ông nay tuy cần khổ, nhưng khi quả báo xuất hiện thời được lợi ích lớn, khiến tâm kia lợi, nên gọi là lợi.

Hỷ là tùy chỗ người ấy tu hành mà tán thán, khiến tâm người kia vui mừng. Nếu người ưa bố thí mà nghe tán thán bố thí thời vui mừng.

Vậy nên lấy bốn việc ấy trang nghiêm việc thuyết pháp.

**KINH:** Bấy giờ Tu bồ đề nói với Thích đề hoàn nhưn rằng: Kiền thi ca, ông hãy lắng nghe! Bồ tát ma ha tát đối với Bát nhã ba la mật như chỗ nên trú, chỗ không nên trú. Kiền thi ca! Sắc, sắc không; thọ, tưởng, hành, thức không; Bồ tát, Bồ tát không. Sắc không ấy với Bồ tát không không hai không khác; thọ, tưởng, hành, thức không với Bồ tát không không hai không khác. Kiền thi ca! Bồ tát ma ha tát trong khi tu Bát nhã ba la mật nên trú như vậy.

Lại nữa, mắt, mắt không, cho đến ý, ý không; Bồ tát, Bồ tát không; mắt không cho đến Bồ tát không không hai không khác. Sáu trần cũng như vậy. Địa chủng (địa giới), địa chủng không, cho đến thức chủng, thức chủng không, Bồ tát, Bồ tát không.

Kiền thi ca! Địa chủng không cho đến thức chủng không với Bồ tát không không hai không khác. Kiền thi ca! Bồ tát ma ha tát trong khi tu Bát nhã ba la mật, nên trú như vậy.

Vô minh, vô minh không cho đến già chết, già chết không; vô minh diệt, vô minh diệt không cho đến già chết diệt, già chết diệt không với Bồ tát không. Kiền thi ca! Vô minh không cho đến già chết không; vô minh diệt

không cho đến già chết diệt không; Bồ tát, Bồ tát không không hai không khác. Kiền thi ca! Bồ tát ma ha tát trong khi tu Bát nhã ba la mật, nên trú như vậy.

Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; tất cả môn Tam muội, tất cả môn Đà la ni, Thanh văn thừa, Bích chi Phật thừa, Phật thừa, Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ tát, Phật cũng như vậy.

Trí nhất thiết chủng, Trí nhất thiết chủng không, Bồ tát, Bồ tát không; Trí nhất thiết chủng không với Bồ tát không không hai không khác. Kiền thi ca! Bồ tát ma ha tát trong khi tu Bát nhã ba la mật, nên trú như vậy.

Bấy giờ Thích đề hoàn hơn hỏi Tu bồ đề rằng: Thế nào là chỗ không nên trú trong khi tu hành Bát nhã ba la mật?

Tu bồ đề đáp: Kiền thi ca! Bồ tát ma ha tát trong khi tu hành Bát nhã ba la mật không nên trú sắc, vì có sở đắc. Không nên trú thọ, tưởng, hành, thức, vì có sở đắc. không nên trú mắt cho đến không nên trú ý, không nên trú sắc cho đến không nên trú pháp; không nên trú nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, vì có sở đắc. Không nên trú nơi địa chủng cho đến thức chủng, vì có sở đắc. Không nên trú nơi Thí ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, vì có sở đắc. Không nên trú nơi quả Tu đà hoàn, vì có sở đắc, cho đến không nên trú nơi quả Tu đà hoàn, vì có sở đắc, cho đến không nên trú nơi quả A la hán, đạo Bích chi Phật, đạo Bồ tát, Phật đạo, không nên trú nơi Trí nhất thiết chủng, vì có sở đắc.

Lại nữa, Kiền thi ca! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, sắc là thường không nên trú, sắc là vô thường không nên trú; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không nên trú sắc hoặc vui, hoặc khổ, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc không, hoặc chẳng không, hoặc tịch diệt, hoặc chẳng tịch diệt, hoặc lìa, hoặc chẳng lìa, vì vô sở đắc. Không nên trú thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Kiền thi ca! Bồ tát ma ha tát không trú quả Tu đà hoàn tướng vô vi, quả Tu đà hàm tướng vô vi, quả A na hàm tướng vô vi, quả A la hán tướng vô vi; không nên trú đạo Bích chi Phật tướng vô vi, Phật đạo tướng vô vi. Không



nên trú phước điền Tu đà hoàn, không nên trú phước điền Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, Phật.

Lại nữa, Kiền thi ca! Bồ tát ma ha tát không nên trú Sơ địa vì có sở đắc, cho đến không nên trú địa thứ mười vì có sở đắc.

Lại nữa, Bồ tát ma ha tát, trú trong sơ phát tâm, nghĩ rằng ta sẽ đầy đủ Thí ba la mật, không nên trú, cho đến ta sẽ đầy đủ Bát nhã ba la mật, không nên trú; đầy đủ sáu Ba la mật sẽ vào Bồ tát vị, không nên trú; vào Bồ tát vị rồi ta sẽ trú địa vị bất thối chuyển, không nên trú; Bồ tát sẽ đầy đủ năm thần thông, không nên trú, vì có sở đắc; Bồ tát trú năm thần thông rồi ta sẽ đạo qua vô lượng A tăng kỳ thế giới, lễ kính, cúng dường chư Phật và nghe pháp; nghe pháp rồi lại vì người khác nói, Bồ tát ma ha tát không nên trú như vậy, vì có sở đắc.

Như thế giới chư Phật nghiêm tịnh, ta cũng sẽ trang nghiêm thế giới, không nên trú, vì có sở đắc; thành tựu chúng sinh khiến vào Phật đạo, không nên trú; đi đến vô lượng A tăng kỳ thế giới chỗ chư Phật, tôn trọng ái kính cúng dường, lấy hương hoa, anh lạc, hương xoa, hương bột, tràng phan, lọng hoa, trăm ngàn ức thứ y báu, cúng dường chư Phật, không nên trú, vì có sở đắc. Ta sẽ khiến vô lượng A tăng kỳ chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ tát không nên trú như vậy. Ta sẽ sinh năm mắt, mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật, không nên trú; ta sẽ sinh tất cả môn Tam muội, không nên trú; tùy ý muốn đạo chơi các Tam muội, không nên trú; ta sẽ sinh tất cả môn Đà la ni, không nên trú; ta sẽ được mười lực của Phật, không nên trú; ta sẽ được bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, không nên trú; ta sẽ đầy đủ đại từ đại bi, không nên trú; ta sẽ đầy đủ 32 tướng, không nên trú; ta sẽ đầy đủ 80 vẻ đẹp tùy hình, không nên trú như vậy, vì có sở đắc.

Đây là người thứ tám, là người hành theo lòng tin, là người hành theo sự hiểu pháp, không nên trú như vậy. Đây là Tu đà hoàn cùng tột bảy đời, đây là Gia gia, đây là Tu đà hoàn mạng chung sạch hết lậu hoặc, đây là Tu đà hoàn trung gian vào Niết bàn, đây là người hướng đến chứng quả Tư đà hàm, đây là người Tư đà hàm nhất lai vào Niết bàn, đây là người hướng đến chứng quả A na hàm, đây là người Tư đà hàm nhất chủng, đây là người A na hàm ở trong kia vào Niết bàn, đây là người hướng đến chứng quả A la hán, đây là người A la hán đời này vào Vô dư Niết bàn,

đây là Bích chi Phật, quá Thanh văn, Bích chi Phật địa, ta sẽ trú Bồ tát địa, đây là đạo chủng trí, không nên trú như vậy, vì có sở đắc.

Biết tất cả chúng, tất cả pháp rồi dứt các phiền não và tập khí, không nên trú như vậy. Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ Chuyển pháp luân, không nên trú; làm Phật sự độ vô lượng A tăng kỳ chúng sinh vào Niết bàn, không nên trú; bốn Như ý túc, không nên trú; trú vào Tam muội ấy sẽ sống lâu hằng hà sa kiếp, không nên trú; ta sẽ được sống lâu vô lượng số kiếp, không nên trú; 32 tướng, mỗi mỗi tướng có 100 phước trang nghiêm, không nên trú; một thế giới của ta như mười phương hằng hà sa thế giới, không nên trú; ba ngàn đại thiên thế giới của ta thuần là Kim cang, không nên trú; khiến cây Bồ đề của ta sẽ xuất ra hương thơm như vậy, không nên trú; chúng sinh người được không còn dâm dục, sân nhuế, ngu si, không có tâm Thanh văn, Bích chi Phật, những người ấy chắc sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không nên trú; nếu chúng sinh người được mùi thơm ấy, thân bệnh, tâm bệnh thầy điều tiêu trừ, không nên trú; sẽ khiến trong thế giới của ta không có danh tự sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không nên trú; sẽ khiến trong thế giới của ta không có danh tự Thí ba la mật cho đến không có danh tự Bát nhã ba la mật, không nên trú; sẽ khiến trong thế giới của ta không có danh tự bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, cũng không có danh tự Tu đà hoàn, cho đến Phật, không có danh tự Phật, không nên trú, vì có sở đắc, vì sao? Vì chư Phật khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hết thấy pháp không có sở đắc.

Như vậy, Kiều thi ca! Bồ tát trong khi tu Bát nhã ba la mật, không nên trú tướng, vì không có sở đắc.

Bấy giờ tâm Xá lợi phát nghĩ rằng: Nay Bồ tát nên làm thế nào trú trong Bát nhã ba la mật?

Tu bồ đề biết tâm Xá lợi phát nghĩ, bèn nói với Xá lợi phát rằng: Ý ông nghĩ sao? Chư Phật trú ở đâu?

Xá lợi phát đáp Tu bồ đề: Chư Phật không có chỗ trú, chư Phật không trú nơi sắc, không trú nơi thọ, tưởng, hành, thức, không trú nơi tánh hữu vi, không trú nơi tánh vô vi, không trú nơi bốn niệm xứ, cho đến không trú nơi mười tám pháp không chung, không trú nơi Trí nhất thiết chủng.

Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát nên trú như vậy trú Bát nhã ba la mật; như chư Phật trú nơi các pháp, chẳng phải trú chẳng phải chẳng trú.

Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát trong khi tu Bát nhã ba la mật, nên học như vậy: Ta sẽ trú không trú pháp tướng.

LUẬN: Luận giả nói: Trú trong Bát nhã ba la mật là năm uẩn, năm uẩn tướng không. Năm uẩn tướng không là vì quán theo mười tám không.

Lại nữa, trong kinh Bát nhã ba la mật nói nghĩa không là năm uẩn tướng không, chỉ vì phạm phu điên đảo nên chấp thủ tướng năm uẩn, năm uẩn hòa hợp lại chấp thủ tướng Bồ tát. Trong Bát nhã ba la mật lấy chúng sinh không, trừ chúng sinh, tức không có tướng Bồ tát; lấy pháp không trừ năm uẩn, thời không có tướng năm uẩn. Hai không không có sai khác nên nói năm uẩn không, với Bồ tát không không hai không khác. Như lửa củi Chiên đàn tắt với lửa phân, cỏ cây tắt, cách tắt không khác nhau. Lấy tướng lửa khi chưa tắt để nói khi tắt, nên có khác nhau, trong khi tắt thời không khác cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Không nên trú là, không nên trú trong năm uẩn.

Hỏi: Nên nói như nghĩa trú, cứ sao nói không trú?

Đáp: Nếu có thể đối với năm uẩn tâm xa lìa không trú, thời ấy là nghĩa trú. Thế nên nói vì có sở đắc, nên không nên trú; cho đến đối với Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Trước nói đối với năm uẩn không nên trú, chẳng biết không nên trú môn gì. Nay nói trong các môn thường, vô thường chẳng nên trú, cho đến xa lìa; không nên trú.

Hỏi: Quả Tu đà hoàn v.v... tướng vô vi, không nên trú, có thứ lớp gì?

Đáp: Bồ tát trước tiên quán các pháp không, không có gì, tâm thối mất, muốn sớm chứng Niết bàn, Niết bàn tức là tướng vô vi. Thế nên nói quả Tu đà hoàn v.v... tướng vô vi, không nên trú. Nếu quả Tu đà hoàn, tướng vô vi thời không có pháp để có thể chấp đắm, vậy thì đắm cái gì, chấp cái gì? Còn nếu là tướng vô vi, tướng hữu vi thời hư dối không thật cũng không nên trú. Thế nên nói quả Tu đà hoàn tướng vô vi không nên trú, cho đến Phật tướng vô vi không nên trú cũng như vậy. Như Bồ tát muốn hành Phật đạo, đầu tiên tu Thí ba la mật, nên cầu phước điền, vì sao? Vì do

công đức phước điền mà sở nguyện được viên mãn, như gieo ruộng tốt thời thu hoạch nhiều; như Phật nói các ruộng khác, quả báo có giới hạn, còn ruộng Thánh hiền vô lượng, quả báo cũng vô lượng. Bồ tát nghe nói ruộng phước Tu đà hoàn có quả báo vô lượng nên muốn làm Tu đà hoàn, thế nên nói ruộng phước Tu đà hoàn, không nên trú, cho đến Bích chi Phật cũng như vậy.

Hỏi: Nhị thừa nhỏ nên vượt qua không trú, còn phước điền của Phật, tại sao trú?

Đáp: Pháp của Bồ tát là phải bình đẳng đối với các pháp, nếu vì Phật là lớn, chúng sinh là nhỏ, thời phá tướng bình đẳng của các pháp.

\*Lại nữa, vì không, nên tất cả chỗ đều không nên trú.

\*Lại nữa, tâm Bồ tát bình đẳng bố thí, nếu phân biệt phước điền, thời phá tâm đại bi, cũng phá sự bố thí với ba phần thanh tịnh.

Trong Sơ địa không nên trú là, nếu không bỏ Sơ địa thời không được Nhị địa. Cầu ích lớn thì nên bỏ lợi nhỏ.

\*Lại nữa, vì tâm chấp trước thủ tướng nên không nên trú, cho đến địa thứ mười cũng như vậy.

Hỏi: Nếu pháp của Bồ tát ma ha tát, từ khi mới phát tâm nên tu hành sáu Ba la mật, tu hành sáu Ba la mật nên vào pháp vị, vào pháp vị nên trú địa vị bất thối chuyển. Trú địa vị bất thối chuyển rồi, nên phát khởi năm thân thông cúng dường mười phương chư Phật, như sau nói rộng, nay vì có sao đều nói không nên trú?

Đáp: Không phá cách trú thanh tịnh, chỉ phá tâm chấp ngã tà kiến thủ tướng mà trú; ví như sửa sang ruộng, chỉ trừ bỏ cỏ rác.

\*Lại nữa, vì dứt pháp ái, nên không nên trú. Không muốn trái với trí tuệ rất rạo không của chư Phật dạy, nên không nên trú. Nếu đem tâm phương tiện không trú trước, thương xót chúng sinh nên tuy trú cũng không lỗi, cho đến đối với 80 tướng tốt tùy hình cũng như vậy.

Người thứ tám là hạng người hành theo lòng tin (tín hành), hạng người hành theo sự hiểu pháp thuộc kiến đế đạo (pháp hành).

Có Tu đà hoàn cùng tột bảy đời; có Tu đà hoàn ngay đời này hết phiền não chứng được A na hàm; có Tu đà hoàn gia gia trải qua ba đời sinh, ba đời sinh rồi vào Niết bàn, có trung gian Tu đà hoàn, trừ sinh đời thứ ba, các người kia trung gian vào Niết bàn.

Trú trong sáu vô ngại đạo, năm giải thoát đạo, đều là Tu đà hoàn hướng.

Tu đà hàm dứt sáu phẩm tư hoặc của cõi Dục, sinh lên trời, từ trời sinh trở lại cõi người rồi vào Niết bàn, gọi là A na hàm.

Dứt phẩm tư hoặc thứ bảy của cõi Dục, gọi là hướng A na hàm, dứt phẩm tư hoặc thứ tám cũng gọi là hướng A na hàm, lại gọi là nhất chủng tử A na hàm, nơi đây chết sinh nơi kia vào Niết bàn. Dứt được hết thầy kiết sử của cõi Dục gọi là A na hàm, nơi đây chết, sinh vào cõi Sắc, Vô sắc mà vào Niết bàn, không còn sinh trở lại nữa. Có A na hàm đời nay vào Niết bàn; có A na hàm ở thân trung ấm vào Niết bàn; có A na hàm ngay khi sinh vào Niết bàn; có A na hàm sau khi sinh khởi tâm tu các hạnh rồi vào Niết bàn; có A na hàm không cần cầu các hạnh mà vào Niết bàn; có A na hàm đi lên cho đến cõi Sắc cứu cánh; có A na hàm sinh cõi Vô sắc mà vào Niết bàn; có A na hàm được thân chứng mà vào Niết bàn. Ấy gọi là A na hàm, cũng gọi là hướng A na hàm.

A la hán có chín hạng, khi hết lậu hoặc, xả báo thân gọi là vào Vô dư Niết bàn. Qua khỏi Thanh văn, Bích chi Phật địa, trú Bồ tát địa, có Đạo chủng trí, Trí nhất thiết chủng, biết hết thầy pháp, dứt hết thầy phiền não và tập khí, thành Phật, Chuyển Pháp luân, đủ 32 tướng, khắp thế giới độ vô lượng chúng sinh, sống lâu vô lượng, đều như trong Luận nghị đã nói trước kia.

Người Thanh văn khéo tu bốn như ý túc, được lực Tam muội ấy, có thể duy trì sống một kiếp, hoặc dưới một kiếp. Bồ tát khéo tu bốn Như ý Tam muội, hoặc muốn sống lâu nhiều kiếp như cát sông Hằng, cũng được như ý.

Ba ngàn đại thiên thế giới thuần Kim cang là các thế giới khác tuy dưới đây có Kim cang, và chỗ Phật đi Phật ngồi có Kim cang, mà chỗ khác đều không có, ấy là Bồ tát nguyện thế giới đều là Kim cang.

Mùi thơm cây Bồ đề độ chúng sinh là như trước Luận nghị nói.

Hỏi: Việc trong đây tuy hy hữu đều có thể tin; còn nói không có danh tự sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có danh tự Thí ba la mật, không có danh tự Phật là điều khó tin?

Đáp: Có thể giới nơi người phước đức trí tuệ sinh ra. Cây cối, hư không, cõi đất, núi sông v.v... thường phát ra âm thanh diễn về thật tướng các pháp, pháp pháp đều là chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch, không, vô tướng, vô tác v.v... Chúng sinh sinh ra liền

nghe âm thanh ấy, tự nhiên chúng được Vô sanh pháp nhẫn. Ở trong thế giới như vậy, không cần có danh tự phân biệt các pháp, rằng ấy là năm uẩn, mười hai nhập v.v... ấy là Thí ba la mật cho đến mười tám pháp không chung, ấy là Tu đà hoàn cho đến chư Phật. Chúng sinh ở thế giới ấy đều có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình trang nghiêm thân, có ánh sáng vô lượng, một chủng đạo, một chủng quả.

Trong ấy không nên trú là, nếu Bồ tát tự nghĩ ta có thể sinh ra thế giới như vậy, thời sinh tâm cao mạn, thế nên không nên thủ tướng mà trú.

Trong đây Tu bồ đề tự nói nhân duyên không trú, chư Phật khi đắc đạo, đối với các pháp không thấy có tướng thật nhất định, sẽ trú chỗ nào?

Nay Xá lợi phát nghĩ rằng: Nếu hoàn toàn không chỗ trú, vậy sẽ trú chỗ nào để thành Phật đạo?

Tu bồ đề biết tâm Xá lợi phát nghĩ, nên nói với Xá lợi phát rằng: Các Bồ tát đều là Phật tử, phép làm con nên như sở hành của cha. Tâm chư Phật không trú hết thảy pháp từ sắc cho đến Trí nhất thiết chủng, thì Bồ tát cũng nên học như vậy, dùng tâm không trú vào đâu cả mà hành Bát nhã ba la mật. Như chư Phật trong tâm không trú vào đâu cả cũng không trú, trong tâm chẳng phải không trú cũng không trú, vì rất ráo thanh tịnh, nên các Bồ tát cũng nên trú theo Phật, vì rất ráo thanh tịnh, các Bồ tát cũng nên học theo Phật.

**KINH:** Bấy giờ trong hội chúng có các Thiên tử nghĩ rằng: Các Dạ xoa nói ra ngôn ngữ tự cú, còn có thể hiểu, mà Tu bồ đề nói ra ngôn ngữ luận nghĩa giải thích Bát nhã ba la mật, hoàn toàn không thể hiểu!

Tu bồ đề biết tâm niệm của các Thiên tử, nói với các Thiên tử rằng: Không thể hiểu không thể biết ư?

Các Thiên tử nói: Thưa Đại đức! Không thể hiểu không thể biết.

Tu bồ đề nói với các Thiên tử rằng: Các ông! Pháp không thể biết, tôi không có luận thuyết, cho đến không nói một chữ, cũng không có người nghe, vì sao? Vì các chữ chẳng phải Bát nhã ba la mật, trong Bát nhã ba la mật không có người nghe. Chư Phật chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không chữ không lời. Các Thiên tử! Như Phật biến hóa làm người, người biến hóa ấy lại hóa ra bốn bộ chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, người biến hóa thuyết pháp ở giữa bốn bộ chúng, ý các ông nghĩ sao? Trong đó có người nói, người nghe, người biết ư?

Các Thiên tử đáp: Thưa không, Đại đức!

Tu bồ đề nói: Hết thầy pháp đều như biến hóa, trong đó không có người nói, không có người nghe, không có người biết.

Các thiên tử! Ví như người trong mộng thấy Phật thuyết pháp, ý các ông nghĩ sao? Trong ấy có người nói, người nghe, người biết chăng?

Các Thiên tử đáp: Thưa không, Đại đức!

Tu bồ đề: Các Thiên tử! Hết thầy pháp đều như mộng, không có nói, không có nghe, không có biết.

Các Thiên tử! Ví như hai người ở trong khe sâu lớn, mỗi người ở mỗi phía, tán thán Phật Pháp Tăng, có hai tiếng vang dội ra, ý các Thiên tử nghĩ sao? Tiếng vang của hai người ấy có triển chuyển hiểu nhau chăng?

Các Thiên tử đáp: Thưa không, Đại đức! Tu bồ đề nói: Các Thiên tử! Hết thầy pháp cũng như vậy, không có nói, không có nghe, không có biết.

Các Thiên tử! Ví như thầy huyền thuật khéo, ở giữa ngã tư đường hóa làm Phật và bốn bộ chúng, thuyết pháp nơi ấy, ý các Thiên tử nghĩ sao? trong ấy có người nói, người nghe, người biết chăng?

Các Thiên tử đáp: Thưa không, Đại đức!

Tu bồ đề nói: Các Thiên tử! Hết thầy các pháp như huyền, không có người nói, không có người nghe, không có người biết.

Bấy giờ tâm các Thiên tử nghĩ rằng: Lời Tu bồ đề nói muốn làm cho dễ hiểu lại càng sâu càng diệu!

Tu bồ đề biết tâm các Thiên tử nghĩ, nói với các Thiên tử rằng: Sắc chẳng phải sâu, chẳng phải diệu; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải sâu, chẳng phải diệu; sắc tánh chẳng phải sâu chẳng phải diệu; thọ, tưởng, hành, thức tánh chẳng phải sâu chẳng phải diệu. Nhãn tánh cho đến ý tánh, sắc tánh cho đến pháp tánh, nhãn giới tánh cho đến ý giới tánh; nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh, cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh; Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, tất cả các môn Tam muội, tất cả các môn Đà la ni, cho đến Trí nhất thiết chủng, tánh Trí nhất thiết chủng chẳng phải sâu chẳng phải diệu.

Các Thiên tử lại nghĩ rằng: Trong sự thuyết pháp này không nói sắc, không nói thọ, tưởng, hành, thức, không nói mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, không nói Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, không nói nội không cho đến vô pháp hữu pháp không (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Vô tánh tự tánh không – ND*), không nói bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, không nói môn Đà la ni, môn Tam muội, cho đến Trí nhất thiết chủng, không nói quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, không nói đạo Bích chi Phật, không nói đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong pháp ấy không nói danh tự ngữ ngôn.

Tu bồ đề biết tâm các Thiên tử nghĩ, nói với các Thiên tử rằng: Như vậy! như vậy! Các Thiên tử! Các pháp như vậy cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật, tướng không thể nói. Trong ấy cũng không có người nói, cũng không có người nghe, cũng không có người biết.

Vì vậy nên, các Thiên tử! Thiện nam tử, thiện nữ nọ nào muốn trú muốn chứng quả Tu đà hoàn, người ấy cũng nhân nơi nhĩ này molói trú chứng được; muốn trú muốn chứng Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, Phật đạo, cũng nhân nơi nhĩ này mới trú chứng được.

Như vậy, các Thiên tử! Bồ tát ma ha tát từ lúc mới phát tâm, trong khi tu Bát nhã ba la mật, nên trú như vậy, vì không nói không nghe vậy.

LUẬN. Hỏi: Lời các Dạ xoa nói tuy u uẩn bất chính, mà sự việc què hèn thiết cận, còn lời nói Bát nhã ba la mật sâu xa, tuy dùng ngôn từ thông



thường mà chỉ thú u thâm huyền viển, việc khác lý trái, sao đem so sánh nhau?

Đáp: Chư thiên thích đem việc người đời không hiểu để ví việc mình chưa ngộ, không nhất thiết phải sự lý đều đồng nhau mới lấy làm ví dụ. Có người nói Thiên đế có 999 cửa, mỗi cửa đều dùng sáu Dạ xoa áo xanh canh giữ. Các Dạ xoa ấy nói năng phù phiếm hư ngụy, tình tứ gian siểm, chư thiên khinh hèn không thèm để ý, cho nên không hiểu nó nói, mà ý so sánh kia có thể không cần ngôn biện để ghi nhận, nên nói còn có thể hiểu biết. Nay nghe nói Bát nhã sâu xa, lời nói như tuồng hiểu được mà chỉ thú u huyền thâm thúy, tìm đến càng sâu, lạc mất càng xa, nên lấy lời nói của Dạ xoa mà so sánh chỗ chẳng biết. Lại lời nói của Dạ xoa tuy khó hiểu, mà mắt thấy tướng, truyền lời nó, đo lường tâm nó thời đều có thể biết được; thí như nguồn sâu nước chảy, có thuyền thì qua được.

Tu bồ đề nói về Bát nhã ba la mật, nghĩa rốt ráo không, không có định tướng, không thể chấp thủ, không thể truyền dịch mà được ngộ; không được nói có, không được nói không có, không được nói vừa có vừa không có, không được nói chẳng phải có chẳng phải không có, chẳng phải chẳng phải có, chẳng phải chẳng phải không có cũng không có, hết thầy chỗ tâm đi dứt, đường ngôn ngữ đoạn, thế nên các Thiên tử kinh ngạc, nghi ngờ, mê muội.

Tu bồ đề đáp: Điều các Thiên tử không hiểu, pháp tự nhiên như vậy. Pháp ấy không chỗ nói, cho đến không nói một chữ, có thể đấm có thể lấy, không chữ không lời, ấy là Phật đạo. Vì sao? Vì danh tự đều không, hư dối không thật, như trong đoạn phá danh tự đã nói. Dùng danh tự thời có ngôn ngữ, nếu không có danh tự thời không có ngôn ngữ.

Các Thiên tử nghĩ rằng: Nếu không nói, nếu không nghe, thì nay hòa hợp tụ hội để làm gì?

Tu bồ đề muốn giải thích nghĩa ấy nên lấy ví dụ để làm rõ.

Các Thiên tử lại nghĩ rằng: Muốn lấy ví dụ để giải ngộ cho chúng tôi, song ví dụ này lại càng thêm thâm diệu. Ví dụ lấy thô dụ tế, lấy việc cố định làm rõ việc bất định, nay ví dụ cũng vi diệu, không có định tướng!

Tu bồ đề biết tâm các Thiên tử, nơi trong Bát nhã mê mờ không thể tự ra khỏi, vì vậy nên nói Bát nhã ba la mật không khác năm uẩn, thật tướng

năm uẩn tức là Bát nhã ba la mật. Nay năm uẩn này chẳng phải thâm chẳng phải diệu, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng phải thâm chẳng phải diệu.

Các Thiên tử bấy giờ rất biết Tu bồ đề miệng tuy nói sắc mà tâm không nói, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy.

Tu bồ đề biết tâm các Thiên tử, nên đáp rằng: Như vậy, như vậy! Chẳng phải riêng tôi như vậy, khi Phật chứng được Bồ đề cũng không nói, trong tướng tịch diệt thật không có người nói, không có người nghe. Thế nên quả Tu đà hoàn cho đến Phật đạo đều nhận nơi pháp vô vi mà có được. Là pháp ấy được hiển ấy thời không có Tu đà hoàn, cho đến Phật đạo cũng như vậy. Bồ tát từ khi mới phát tâm cho đến thành Phật, giữa khoảng trung gian đó, hết thấy pháp không có nói, không có nghe. Vì các quán diệt, vì ngôn ngữ dứt nên không thể nói; không thể nói nên không thể nghe; không thể nghe nên không thể biết; không thể biết nên đối với hết thấy pháp không lãnh thọ, không chấp trước, thời vào Niết bàn.

(Hết cuốn 54 theo bản Hán)

--o0o --

## Cuốn 55

### GIẢI THÍCH PHẨM NHƯ HUYỄN THỨ 28

(Kinh Ma ha Bát nhã ba la mật ghi: Phẩm Huyền Thỉnh)

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Tín Thọ thứ 26)

**KINH:** Bấy giờ các Thiên tử tâm nghĩ rằng: Nên dùng hạng người nào nghe Tu bồ đề nói?

Tu bồ đề biết tâm niệm của các Thiên tử, nói với các Thiên tử rằng: Như người huyền hóa nghe pháp, tôi dùng hạng người như vậy, vì sao? Vì hạng người ấy không nghe, không thính, không biết, không chứng.

Các Thiên tử nói với Tu bồ đề rằng: Chúng sinh ấy như huyền, như hóa, người nghe pháp cũng như huyền như hóa ư?

Như vậy, như vậy! Các Thiên tử! Chúng sinh như huyền nên người nghe pháp cũng như huyền; chúng sinh như hóa nên người nghe pháp cũng như hóa.

Các Thiên tử! Ta như huyền như mộng, chúng sinh cho đến kẻ biết kẻ thấy cũng như huyền như mộng.

Các Thiên tử! Sắc như huyền như mộng; thọ, tưởng, hành, thức như huyền như mộng; mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh như huyền như mộng; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật như huyền như mộng.

Các Thiên tử! Bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung như huyền như mộng; quả Tu đà hoàn như huyền như mộng; quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích chi Phật như huyền như mộng. Các Thiên tử! Phật đạo như huyền như mộng.

Bấy giờ các Thiên tử hỏi Tu bồ đề: Ông nói Phật đạo như huyền như mộng, ông nói Niết bàn cũng như huyền như mộng ư?

Tu bồ đề các Thiên tử: Tôi nói Phật đạo như huyền như mộng, tôi nói Niết bàn cũng như huyền như mộng, nếu có pháp gì hơn Niết bàn, tôi nói cũng như huyền như mộng, vì cớ sao? Các Thiên tử! Vì huyền mộng và Niết bàn không hai không khác.

LUẬN: Trên kia đã nói như huyền như mộng, không có người nói, không có người nghe. Nay sao còn hỏi nên dùng hạng người nào theo ý Tu bồ đề nghe pháp?

Đáp: Các Thiên tử trước kia nói Tu bồ đề thuyết pháp không thể hiểu, trong đây Tu bồ đề nói ví dụ người huyền hóa. Nay các Thiên tử lại nghĩ rằng: Hạng người nào nghe, ứng hợp với lời Tu bồ đề nói mà tin thọ, thực hành theo thì được đạo quả ư?

Tu bồ đề đáp: Người như huyền hóa, nghe thời ứng hợp với pháp của tôi nói.

Hỏi: Người huyền hóa ấy không có tâm tâm số pháp, không thể nghe lãnh thọ, cần gì phải thuyết pháp?

Đáp: Chẳng phải khiến chính người huyền hóa nghe, chỉ muốn khiến hành giả đối với các pháp dụng tâm không vướng mắc; như người huyền hóa, người huyền hóa ấy không nghe cũng không chứng. Chúng sinh như huyền như mộng, nghe pháp cũng như huyền như mộng.

Chúng sinh là người thuyết pháp, người nghe pháp là người lãnh thọ pháp, Tu bồ đề nói không những người nói pháp, người nghe pháp như huyền như mộng, mà ta cho đến kẻ biết kẻ thấy đều như huyền như mộng. Sắc cũng như huyền như mộng, cho đến Niết bàn cũng như huyền như mộng, tức là pháp được nói như huyền như mộng.

Trong tất cả chúng sinh, Phật là đệ nhất, trong tất cả pháp, Niết bàn là đệ nhất, khi nghe nói hai việc ấy đều như huyền như mộng thời tâm kinh ngạc nghi ngờ. Phật và Niết bàn tối thượng diệu làm sao như huyền như mộng, vì vậy nên lại còn hỏi việc kia: Phật và Niết bàn xét đúng như huyền như mộng ư? Tu bồ đề sẽ không nói làm! Chúng tôi sẽ không nghe làm! Vì thế nên lại hỏi cho chắc.

Tu bồ đề nói với các Thiên tử: Tôi nói Phật và Niết bàn chính tự như huyền như mộng, hai pháp tuy diệu, đều từ pháp hư vọng xuất ra cho nên không, vì có sao? Vì từ pháp hư vọng cho nên có Niết bàn, từ phước đức và trí tuệ cho nên có Phật, hai pháp ấy thuộc nhân duyên, không có chân thật nhất định, như đã nói trong nghĩa niệm Phật, niệm Pháp.

Tu bồ đề nghĩ rằng: Như lực Bát nhã ba la mật, thời giả sử có pháp gì hơn Niết bàn còn có thể làm cho như huyền, hướng gì Niết bàn, vì sao? Vì nói

Niết bàn hết thảy ưu sầu khổ não đều rất ráo diệt, vì thế nên không có pháp gì hơn Niết bàn.

Hỏi: Nếu không có pháp hơn Niết bàn, có sao nói nếu có pháp hơn Niết bàn cũng lại như huyễn?

Đáp: Pháp dùng ví dụ hoặc lấy việc có thật, hoặc có khi giả thiết, theo nhân duyên mà nói. Như Phật dạy: Nếu khiến cây cối hiểu lời Ta nói, Ta cũng thọ ký cho được Tu đà hoàn; nhưng cây cối không có thể hiểu được, Phật vì giải ngộ cho ý người nên dẫn dụ như vậy thôi.

Niết bàn là pháp rất ráo vô thượng trên hết thảy pháp; như biển lớn là trên các sông muôn dòng, Tu di là trên các núi, hư không là trên hết thảy pháp. Niết bàn cũng như vậy, không có khổ, già, bệnh, chết, không có các tà kiến, tham, sân, các suy hoại, không có khổ yêu thích bị xa lìa, không có khổ oán thù gặp gỡ, không có khổ cầu mong không được, không có hết thảy vô thường, hư dối, bại hoại, biến di. Nói cốt yếu, Niết bàn là tất cả khổ hết, rốt ráo thường vui, nơi quy về của mười phương chư Phật và chúng đệ tử Bồ tát, an ổn thường vui không có gì hơn, trọn không bị ma vương ma dân phá hại; như trong A tỳ đàm nói: Pháp hữu thượng là pháp hữu vi, hư không, và phi trạch diệt vô vi (phi trí duyên tận); pháp vô thượng là trạch diệt vô vi (trí duyên tận) tức là Niết bàn. Thế nên không có pháp gì hơn Niết bàn.

Tu bồ đề khen lược Bát nhã ba la mật to lớn, nên nói: Nếu có pháp hơn Niết bàn, cũng như huyễn; ví như lấy hoàn sắt lớn cháy nóng bỏ trên lông tay, đốt cháy ngay, không tổn một chút sức nóng, chỉ không còn gì để đốt nữa thôi. Trí tuệ Bát nhã ba la mật phá hết thảy pháp có, cho đến Niết bàn thẳng qua không chướng ngại mà trí lược không giảm, chỉ không còn pháp gì để có thể phá nữa thôi. Thế nên nói nếu có pháp hơn Niết bàn, lược trí tuệ cũng phá được.

**KINH:** Bảy giờ Tuệ mạng Xá lợi phát, Ma ha Mục kiên liên, Ma ha Câu hy la, Ma ha Ca chiên diên, Phú lâu na Di đa la ni tử, Ma ha Ca diếp và vô số ngàn Bồ tát hỏi Tu bồ đề rằng: Bát nhã ba la mật sâu xa khó thấy, khó hiểu, khó biết, tịch tịnh vi diệu như vậy, ai sẽ tin thọ?

Bảy giờ A nan nói với đại đệ tử và các Bồ tát rằng: Bồ tát ma ha tát ở địa vị bất thối chuyển, có thể tin thọ Bát nhã ba la mật sâu xa khó thấy khó

hiểu khó biết, tịch tịnh vi diệu ấy. Hạng người thành tựu chánh kiến, A la hán lậu tận đã mãn sở nguyện, cũng có thể tín thọ Bát nhã đó.

\*Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân thường thấy Phật nơi chỗ Phật cúng dường gieo trồng thiện căn nhiều, thân cận thiện tri thức có lợi căn, hạng người ấy có thể tín thọ, không nói thị pháp phi pháp.

Tu bồ đề nói: Không lấy “không” phân biệt sắc, không lấy sắc phân biệt “không”; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không lấy vô tướng, vô tác phân biệt sắc, không lấy sắc phân biệt vô tướng, vô tác; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. không lấy vô sinh, vô diệt, tịch diệt, viễn ly phân biệt sắc, không lấy sắc phân biệt vô sinh, vô diệt, tịch diệt, viễn ly; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh cũng như vậy. Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, tất cả môn Tam muội, tất cả môn Đà la ni, Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật, Phật, Nhất thiết trí, cũng không lấy “không” phân biệt Nhất thiết trí, không lấy Nhất thiết trí phân biệt không, không lấy không phân biệt Trí nhất thiết chủng, không lấy Trí nhất thiết chủng phân biệt không. Vô tướng, vô tác, vô sinh, vô diệt, tịch diệt, viễn ly cũng như vậy.

Tu bồ đề nói với các Thiên tử: Bát nhã ba la mật thậm thâm ai thọ thì được? Trong Bát nhã ba la mật ấy, không có pháp có thể chỉ, không có pháp có thể nói; nếu không có pháp có thể chỉ, không có pháp có thể nói thì người tín thọ cũng không có thể được.

Bấy giờ, Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Trong Bát nhã ba la mật nói rộng giáo pháp ba thừa và nhiếp thủ pháp Bồ tát từ địa vị Sơ phát tâm cho đến địa thứ mười, Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, Phật mười lực cho đến mười tám pháp không chung là giáo pháp hộ trì Bồ tát. Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật như vậy, thường hóa sinh, không mất thần thông, dạo qua các nước Phật, đầy đủ căn lành, tùy theo ý muốn cúng dường chư Phật, liền được như nguyện, từ chỗ chư Phật nghe thọ pháp giáo, đến khi được Trí nhất thiết chủng chưa bao giờ đoạn tuyệt, chưa có lúc nào lìa Tam muội, sẽ được biện tài nhanh nhẹn, biện tài lanh lợi, biện tài bất tận, biện tài không thể dứt, biện tài tùy ý, biện tài đúng nghĩa, biện tài tất cả thế gian tối thượng.

Tu bồ đề nói: Như vậy, như vậy! Như Xá lợi phát nói: Bát nhã ba la mật nói rộng giáo pháp ba thừa và giáo pháp hộ trì Bồ tát, cho đến Bồ tát ma ha tát được biện tài tối thượng hết thảy thế gian, đều không thể có được.

Ta cho đến kẻ biết, kẻ thấy đều không thể có được; sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật đều không thể có được. Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không cũng không thể có được.

Bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, Phật mười lực cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không thể có được.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Vì nhân duyên gì trong Bát nhã ba la mật nói rộng ba thừa mà không thể có được? Vì nhân duyên gì trong Bát nhã ba la mật hộ trì Bồ tát? Vì nhân duyên gì Bồ tát ma ha tát được biện tài nhanh nhẹn cho đến biện tài tối thượng trong hết thảy thế gian cũng không thể có được?

Tu bồ đề đáp Xá lợi phát: Vì nội không nên trong Bát nhã ba la mật nói rộng ba thừa, không thể có được, vì ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không nên nói rộng ba thừa, không thể có được. Vì nội không nên hộ trì Bồ tát cho đến biện tài tối thượng trên hết thảy thế gian, không thể có được. Vì ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không, nên hộ trì Bồ tát cho đến biện tài tối thượng trên hết thảy thế gian, không thể có được.

LUẬN: Luận giả nói: Lúc ấy các đại đệ tử như Xá lợi phát v.v... nói với Tu bồ đề rằng: Pháp Bát nhã ba la mật ấy sâu xa khó hiểu; vì các pháp không có định tướng nên là sâu xa; vì các tư duy quán hạnh dứt nên là khó thấy; cũng không chấp trước Bát nhã ba la mật nên gọi là khó hiểu khó biết; diệt ba độc và các hý luận nên gọi là tịch diệt; được diệu vị của trí tuệ nên gọi là thường được đầy đủ; không còn cầu gì nữa, hết thảy trí tuệ khác đều thô sáo chẳng vui, nên gọi là vi diệu. Các đại đệ tử nói lời ấy rằng: trí Bát nhã ba la mật sâu xa, trí tuệ người thế gian cạn mỏng, chỉ tham đắm quả báo phước đức mà không ưa tu. Phước đức đắm có thời tình mạnh, phá có thời tâm khiếp. Vốn đã nghe học tập luyện kinh sách tà kiến, dính chặt không bỏ, người như vậy thường ưa cái vui thế gian. Vì vậy nên nói ai hay tín thọ Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy? Nếu không tín thọ thời nói làm gì?

A nan giúp đáp: Có bốn mạng người có thể tín thọ. Thế nên lời Tu bồ đề nói chắc chắn có người tín thọ, chẳng phải nói suông. Bốn mạng người có thể tín thọ là: 1. Vị Bồ tát ma ha tát, ở địa vị bất thối, biết hết thảy pháp

chẳng sinh chẳng diệt, chẳng thủ tướng, không chấp đắm, thời có thể lãnh thọ.

2. Vị A la hán hết lậu hoặc, vì hết lậu hoặc, không chấp đắm, được pháp vô vi tối thượng, sở nguyện đã mãn, không còn cầu gì, thường trú không, vô tướng, vô tác Tam muội, tùy thuận Bát nhã ba la mật, thời có thể tín thọ.

3. Ba hạng học nhân, thành tựu chánh kiến, tuy chưa hết lậu hoặc, vì lực của bốn đức tin Phật, Pháp, Tăng, Giới cũng có thể tín thọ.

4. Có Bồ tát tuy chưa được địa bất thối chuyển, nhưng có phước đức lợi căn, trí tuệ thanh tịnh, thường theo thiện tri thức, người ấy cũng có thể tín thọ.

Tướng mạo của sự tín thọ là không cho rằng pháp ấy chẳng phải Phật, Bồ tát, đại đệ tử nói. Tuy nghe Bát nhã ba la mật nói các pháp đều rất ráo không, cũng không vì đã tín thọ pháp trước mà cho pháp rất ráo không ấy là phi pháp.

Hỏi: Từ trước lại đây, A nan hoàn toàn không luận nói gì, sao nay lại đáp thế cho Tu bồ đề?

Đáp: A nan là vị tướng Chuyển pháp luân thứ ba, hay làm thầy đại chúng, là thị giả hầu cận Thế Tôn, tuy được Sơ quả, vì lậu hoặc chưa hết, nên tuy có trí tuệ đa văn, tự cho mình chưa có thiện xảo đối với trí tuệ không, nếu nói pháp không, mà tự mình chưa chứng nhập, thì đều là nói việc người khác, cho nên không nói. Hoặc khi nói về việc có, thời có thể hỏi có thể đáp được, như trong phẩm sau A nan hỏi Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có sao chỉ tán thán Bát nhã ba la mật, mà không tán thán năm Ba la mật kia. Còn trong phẩm này hỏi ai là người có thể tín thọ Bát nhã ba la mật sâu xa, đây chẳng phải là việc “không” nên A nan liền đáp: Tu bồ đề thường ưa nói việc không, không ưa nói việc có.

Lại vì A nan lúc ấy tâm ưa nói phát sinh, cho nên Phật cho phép đáp. A nan phiền não chưa hết, nên lực trí tuệ chậm, nhưng lực tin tưởng mãnh lợi, cho nên đối với Bát nhã ba la mật thậm thâm có thể như pháp hỏi đáp.

Hỏi: Bát nhã ba la mật không có gì, không có pháp nhất định, làm sao bốn hạng người có thể tín thọ mà chẳng cho là phi pháp?



Đáp: Nay Tu bồ đề trong đây tự nói nhân duyên rằng: Chẳng lấy không phân biệt sắc, sắc tức là không, không tức là sắc, vì vậy nên Bát nhã ba la mật không bị lỗi, không bị phá; nếu không bị phá thì không có tội lỗi, cho nên không cho là phi pháp. Không tức là Bát nhã ba la mật, chẳng lấy trí tuệ không để phá sắc làm cho không, cũng chẳng lấy nhân duyên phá sắc nên có không, vì không tức là sắc, sắc tức là không. Vì Bát nhã ba la mật phá các hý luận, có công đức như vậy, nên không ai tin thọ. Vô tướng, vô tác, vô sinh, vô diệt, tịch diệt, viễn ly cũng như vậy, cho đến Trí nhất thiết chủng đều nên nói rộng.

Hỏi: Các đệ tử hỏi nghĩa ấy, cứ sao Tu bồ đề lại đáp với các Thiên tử?

Đáp: Các đệ tử đã được A la hán, chỉ hỏi điều mình nghi, việc lợi ích ít, còn các Thiên tử phát tâm vì Bồ tát, lợi ích sâu, cho nên nói với các Thiên tử.

\*Lại nữa, tuy nói cho chư thiên tức là đáp lời các đệ tử. Trên kia nói các pháp không, đây nói Bát nhã ba la mật chúng sinh rất ráo không. Vì vậy nên trong Bát nhã ba la mật không có người nói, huống gì có người nghe và tin thọ. Nếu hiểu được các pháp không như vậy, tâm không vướng mắc, thì có thể tin thọ.

Bấy giờ Tu bồ đề nói Bát nhã ba la mật sâu xa, Xá lợi phát tán tán giúp thành việc ấy. Bát nhã ba la mật chẳng phải chỉ vì không nên có thể tin thọ, trong Bát nhã cũng rộng nói ba thừa. Nghĩa ba thừa như trước đã nói.

Nhiếp thủ Bồ tát là vì Bát nhã ba la mật lợi ích các Bồ tát, khiến được tăng trưởng.

\*Lại nữa, nhiếp thủ là trong Bát nhã ấy có mười địa khiến Bồ tát từ một địa đến một địa, cho đến địa thứ mười. Nghĩa mười địa, từ sáu Ba la mật cho đến nghĩa Trí nhất thiết chủng như trước đã nói.

Hóa sinh là nói hành báo của Bát nhã. Hành Bát nhã ba la mật đối với hết thảy pháp không ngại, nên được biện tài nhanh nhẹn. Có người tuy có thể nhanh nhẹn, mà vì độn căn nên không thể thâm nhập, do thâm nhập được nên lợi, ấy là biện tài lạnh lợi. Nói thật tướng các pháp vô biên vô tận, nên gọi là vui nói không tận. Trong Bát nhã không có hý luận, nên không thể vấn nạn làm đoạn tuyệt; ấy gọi là biện tài không thể dứt. Dứt pháp ái nên tùy chúng sinh thích ứng mà nói pháp cho, nên gọi là biện tài tùy ứng. Nói

việc đưa đến Niết bàn lợi ích ấy gọi là biện tài về nghĩa nói việc đệ nhất của hết thủy thể gian, tức là Đại thừa; ấy gọi là biện tài tối thượng thể gian.

Tu bồ đề cho lời hỏi ấy đúng, nói: Như vậy, như vậy!

Xá lợi phát nghĩ rằng: Tu bồ đề thường ưa nói không, có sao nay nhận lời tôi nói rằng trong Bát nhã ba la mật có nói rộng giáo pháp ba thừa, nên phải còn có nhân duyên?

Tu bồ đề đáp: Bát nhã ba la mật tuy có rộng nói pháp ba thừa, mà chẳng phải có định tướng vì đều hòa hợp với mười tám không. Nói nhiếp thủ Bồ tát, bầy thứ biện tài cũng như vậy, vì “trí tuệ không” vậy.

---oOo---

#### GIẢI THÍCH: PHẨM TÁN HOA THỨ 29

**KINH:** Bảy giờ Thích đề hoàn nơn và trời bốn Thiên vương trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến các trời Sắc cứu cánh nghĩ rằng: Tuệ mạng Tu bồ đề muốn tưới mưa pháp, chúng ta nên hóa làm hoa rải trên Phật, Bồ tát ma ha tát, Tỳ kheo Tăng, Tu bồ đề và Bát nhã ba la mật.

Thích đề hoàn nơn và chư thiên trong ba ngàn đại thiên thế giới, hóa làm hoa rải trên Phật, Bồ tát ma ha tát, Tỳ kheo Tăng và Tu bồ đề, cũng cúng dường Bát nhã ba la mật.

Bảy giờ, ba ngàn đại thiên thế giới, hoa đều cùng khắp giữa hư không, hóa thành đài hoa, đoan nghiêm thù diệu. Tâm Tu bồ đề nghĩ rằng: Hoa của các Thiên tử rải đây, trên trời chưa từng thấy loại hoa như vậy, đây là hoa biến hóa, chẳng phải hoa từ cây sinh, hoa các Thiên tử ấy rải, từ cây tâm sinh ra; chẳng phải từ cây sinh ra.

Thích đề hoàn nơn biết tâm Tu bồ đề nghĩ, nói với Tu bồ đề rằng: Đại đức! Hoa ấy là hoa chẳng phải cây sinh ra cũng chẳng phải cây tâm sinh ra.

Tu bồ đề nói với Thích đề hoàn nơn rằng: Kiền thi ca! Ông nói hoa ấy là hoa chẳng phải cây sinh, cũng chẳng phải cây tâm sinh. Kiền thi ca! Hoa ấy nếu là pháp chẳng phải sinh, chẳng gọi là hoa.

Thích đề hoàn nhơn nói với Tu bồ đề rằng: Đại đức, chỉ có hoa ấy chẳng sinh, hay sắc cũng chẳng sinh; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng sinh?

Tu bồ đề đáp: Kiền thi ca! Chẳng phải chỉ hoa ấy chẳng sinh, sắc cũng chẳng sinh; nếu chẳng sinh là chẳng gọi là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi là thức. Sáu nhập, sáu thức, sáu xúc, sáu xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng như vậy. Thí ba la mật chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi là Thí ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi Bát nhã ba la mật. Nội không chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi vô pháp hữu pháp không. Bốn niệm xứ chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi bốn niệm xứ. Mười tám pháp không chung chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi mười tám pháp không chung, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi Trí nhất thiết chủng.

LUẬN: Thích đề hoàn nhơn và chư Thiên, nghe Tu bồ đề nói nghĩa Bát nhã, tất cả pháp đều là pháp đều là thật tướng, không có chỗ phân biệt. Tuy nói không mà đối với các pháp không có phá gì, cũng không mất các hành nghiệp và quả báo. Hàng Thanh văn ở trước Phật nói được pháp thậm thâm ấy, Thích đề hoàn nhơn v.v... đều hoan hỷ nghĩ rằng

Tu bồ đề nói pháp không ngại không chướng. Thí như mưa đúng thời, như có quốc độ, tưới tắm hạt giống và mọi sự cần dùng nước, thường khô vì không đủ nước, nếu đúng thời được mưa xuống khắp, thấm ướt hết thảy, mọi điều như nguyện. Pháp Tiểu thừa cũng như vậy. Lúc đầu mỗi mỗi tán thán bố thí, trì giới, thiền định, quán vô thường v.v... có hạn lượng, sau cuối mới nói Niết bàn. Còn trong đây Tu bồ đề nói rõ từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật đạo, chỉ nói Pháp thật tướng, không phân biệt gì. Thí như mưa lớn thấm ướt khắp Diêm phù đề, không chỗ nào không thấm.

Lại như đất trước tuy có hạt giống lúa, không mưa thời không mọc, hành giả cũng như thế. Tuy có nhân duyên, không gặp được mưa pháp, thời người đã phát tâm lại thối, người chưa phát khựng lại, nếu gặp được mưa pháp, thời người đã phát tâm được tăng trưởng, người chưa phát sẽ phát. Vì vậy nên nói như mưa trận mưa pháp.

\*Lại nữa, thí như gió giữ bụi đất, sức nóng, hơi độc v.v... gặp mưa thời tiêu diệt. Mưa pháp cũng như vậy; đất bụi “ác giác quán” ba độc bất thiện, gió giữ tà kiến, ác trùg tà sư, các ác tri thức ấy gặp được mưa Bát nhã ba la mật thời trừ diệt hết. Người mong trời mưa đúng thời nên cúng dường trời. Trời nghe mưa pháp rất có lợi ích, nên muốn cúng dường pháp, nghĩ rằng: Chúng ta thà biến hóa làm hoa rải trên Phật, Bồ tát, Tỳ kheo tăng và Tu bồ đề, cũng cúng dường Bát nhã ba la mật, vì Tu bồ đề khéo nói Bát nhã ấy. Kính ngài tất trọng gọi là chơn cúng dường. Bát nhã ba la mật ấy phần nhiều nói về các pháp không, lại trên nói muốn được như người biến hóa nghe pháp, theo tướng đó nên lấy hoa biến hóa cúng dường.

\*Lại nữa, chư thiên lúc đương hoan hỷ bèn khởi tâm cúng dường, không để trở lại lấy nhiều, liền hóa làm hoa rải trên Phật, Tu bồ đề, các Bồ tát, Tỳ kheo tăng và Bát nhã ba la mật.

Hoa rải trên Phật là cúng dường Phật bảo, rải trên Bồ tát, Tu bồ đề và Bát nhã ba la mật là cúng dường Pháp bảo, rải trên Tỳ kheo Tăng là cúng dường Tăng bảo. Nghĩ như vậy rồi, tùy ý biến hóa cúng dường Tam Bảo”. Đại phước đức thành tựu nên sở nguyện theo tâm đều được như ý, không cầu nơi khác.

Hỏi: Đài hoa đoan nghiêm là do sức của ai?

Đáp: Đó là sức của chư thiên, chư thiên phước đức tự tại nên có thể làm nhỏ thành lớn. Có người nói đó là thần lực của Phật, Phật do Bát nhã ba la mật này có công đức lớn, trong lúc tạo nhân ít mà quả báo rất lớn, thành tựu Phật đạo, thế nên hiện ra sự lạ ấy, Tu bồ đề liền phân biệt biết ngay chẳng phải là hoa thật.

Thích đề hoàn nơn biết Tu bồ đề đã hiểu hoa biến hóa đó, nên nói với Tu bồ đề rằng: Đại đức! Hoa ấy là hoa chẳng phải sinh; hoa chẳng phải sinh là nói hoa ấy vô sinh, không, không có xuất sinh. Tu bồ đề nói Bát nhã ba la mật các pháp vô sinh không tịch ấy, nên lấy hoa vô sinh để cúng dường.

Cây tâm là chư thiên theo ý nghĩ liền được. Nói cốt yếu, cây trời ứng theo ý muốn nghĩ liền đến, nên nói cây tâm.

Thích đề hoàn hơn nạn hỏi Tu bồ đề nên nói hoa ấy vô sinh, có sao nói hoa ấy không từ cây sinh? Tu bồ đề gạn lại rằng: Nếu không sinh, có sao gọi là hoa? Nơi pháp không sinh, không có phân biệt là hoa hay chẳng phải hoa.

Bấy giờ Thích đề hoàn hơn tâm phục mà hỏi: Chỉ là hoa không sinh, các pháp cũng không sinh ư?

Tu bồ đề đáp: Chẳng phải chỉ là hoa không sinh, mà sắc cũng không sinh, vì có sao? Vì nếu một pháp không, thời hết thấy pháp đều không. Nếu hành giả đối một pháp không, thời hết thấy pháp đều không. Nếu hành giả đối một pháp quyết định biết rõ là không, thời đối hết thấy pháp cũng rõ ràng. Nếu năm uẩn không sinh, thời chẳng phải tướng năm uẩn, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

**KINH:** Bấy giờ Thích đề hoàn hơn nghĩ rằng: Tuệ mạng Tu bồ đề có trí rất sâu, không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp (Kinh Đại Bát nhã ghi: Không trái giả danh – ND).

Phật biết tâm niệm của Thích đề hoàn hơn, nói với Thích đề hoàn hơn rằng: Như vậy, như vậy! Kiêu thi ca! Tu bồ đề có trí rất sâu, không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp.

Thích đề hoàn hơn bạch Phật rằng: Đại đức Tu bồ đề không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp như thế nào?

Phật bảo Thích đề hoàn hơn: Sắc chỉ là giả danh, Tu bồ đề không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp; thọ, tưởng, hành, thức chỉ là giả danh, Tu bồ đề cũng không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp, vì có sao? Vì thật tướng của các pháp không có hoại và chẳng hoại, nên Tu bồ đề nói cũng không có hoại và chẳng hoại; mắt cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh các thọ cũng như vậy. Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy. Quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, đạo Bồ tát, Phật đạo, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật, Phật, chỉ là giả danh. Tu bồ đề không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp, vì sao? Vì thật tướng của các pháp ấy không có hoại và chẳng hoại. Tu bồ đề nói cũng

không có hoại và chẳng hoại. Như vậy, Kiêu thi ca! Tu Bồ đề không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp.

Tu Bồ đề nói với Thích đề hoàn hơn rằng: Như vậy, như vậy! Kiêu thi ca! Như Phật nói các pháp chỉ là giả danh, Bồ tát ma ha tát nên biết như vậy, các học Bát nhã ba la mật như vậy.

Kiêu thi ca! Bồ tát ma ha tát học như vậy là chẳng học sắc, chẳng học thọ, tưởng, hành, thức, vì sao? Vì không thấy sắc là cái sẽ có thể học; không thấy thọ, tưởng, hành, thức là cái sẽ có thể học, Bồ tát ma ha tát học như vậy là không học Thí ba la mật, vì sao? Vì không thấy Thí ba la mật là cái sẽ có thể học; cho đến không học Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì không thấy Bát nhã ba la mật là cái sẽ có thể học. Học như vậy là không học nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không, vì sao? Vì không thấy nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là cái sẽ có thể học. Học như vậy là không học bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, vì sao? Vì không thấy bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung là cái sẽ có thể học. Học như vậy là không học quả Tu đà hoàn cho đến Trí nhất thiết chủng, vì sao? Vì không thấy quả Tu đà hoàn cho đến Trí nhất thiết chủng là cái sẽ có thể học.

Bấy giờ, Thích đề hoàn hơn nói với Tu Bồ đề rằng: Bồ tát ma ha tát vì sao không thấy sắc, cho đến không thấy Trí nhất thiết chủng?

Tu Bồ đề đáp: Sắc, sắc không, cho đến Trí nhất thiết chủng, Trí nhất thiết chủng không. Kiêu thi ca! Sắc không không học sắc không cho đến Trí nhất thiết chủng không không học Trí nhất thiết chủng không. Kiêu thi ca! Nếu không học không như vậy, ấy gọi là học không vì không hai. Bồ tát ma ha tát học sắc không vì không hai cho đến học Trí nhất thiết chủng không vì không hai. Nếu học sắc không vì không hai cho đến học Trí nhất thiết chủng không vì không hai là Bồ tát ma ha tát có thể Thí ba la mật vì không hai, cho đến có thể học Bát nhã ba la mật vì không hai; có thể học bốn niệm xứ vì không hai, cho đến có thể học mười tám pháp không chung vì không hai; có thể học quả Tu đà hoàn vì không hai, cho đến có thể học Trí nhất thiết chủng vì không hai. Bồ tát ấy có thể học vô lượng vô biên vô số Phật pháp, nếu có thể học vô lượng vô biên vô số Phật pháp là Bồ tát không vì sắc tăng mà học, không vì sắc giảm mà học, cho đến không vì Trí nhất thiết chủng tăng mà học, không vì Trí nhất thiết chủng giảm mà học. Nếu không vì sắc tăng học giảm học, cho đến không vì Trí

nhất thiết chủng tăng học, giảm học, Bồ tát ấy, không vì nhiếp thọ sắc nên học, không vì hoại diệt sắc nên học, cũng không vì nhiếp thọ thọ, tưởng, hành, thức nên học, cũng không vì hoại diệt thọ, tưởng, hành, thức nên học, cho đến cũng không vì nhiếp thọ Trí nhất thiết chủng nên học, cũng không vì hoại diệt nên học.

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát học như vậy, không vì nhiếp thọ sắc nên học, không vì nhiếp thọ sắc nên học, không vì hoại diệt sắc nên học, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không vì nhiếp thọ nên học, cũng không vì hoại diệt nên học.

Tu bồ đề nói: Bồ tát ma ha tát nếu học như vậy, không vì nhiếp thọ sắc nên học, không vì hoại diệt sắc nên học, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không vì nhiếp thọ nên học, cũng không vì hoại diệt nên học.

Tu bồ đề! Vì nhân duyên gì Bồ tát ma ha tát không vì nhiếp thọ sắc nên học, không vì hoại diệt sắc nên học, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không vì nhiếp thọ nên học, cũng không vì hoại diệt nên học?

Tu bồ đề nói: Sắc ấy không thể nhiếp thọ, cũng không có người nhiếp thọ sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng không thể nhiếp thọ, cũng không có người nhiếp thọ, vì trong ngoài không.

Như vậy, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát không nhiếp thọ hết thấy pháp nên có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng.

Khi ấy Xá lợi phất nói với Tu bồ đề rằng: Bồ tát ma ha tát học Bát nhã ba la mật như vậy, có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng ư?

Tu bồ đề đáp: Bồ tát ma ha tát học Bát nhã ba la mật như vậy có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng vì không nhiếp thọ tất cả pháp.

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Nếu Bồ tát ma ha tát đối với tất cả pháp không nhiếp thọ, không hoại diệt mà học, thời làm sao có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng?

Tu bồ đề đáp: Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật chẳng thấy sắc sinh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy sắc thọ, chẳng thấy sắc chẳng thọ, chẳng thấy sắc nhơ, chẳng thấy sắc sạch, chẳng thấy sắc tăng, chẳng thấy sắc giảm, vì sao? Xá lợi phất! Vì sắc, sắc tánh không; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thấy sinh, cũng chẳng thấy diệt, cũng chẳng thấy

thọ, cũng chẳng thấy chẳng thọ, cũng chẳng thấy như, cũng chẳng thấy sạch, cũng chẳng thấy tăng, cũng chẳng thấy giảm, vì sao? Vì thức, thức tánh không, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng chẳng thấy sinh, cũng chẳng thấy diệt, cũng chẳng thấy thọ, cũng chẳng thấy chẳng thọ, cũng chẳng thấy như, cũng chẳng thấy sạch, cũng chẳng thấy tăng, cũng chẳng thấy giảm, vì sao? Vì Trí nhất thiết chủng, Trí nhất thiết chủng tánh không.

Như vậy, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát vì tất cả pháp chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng thọ, chẳng bỏ, chẳng như, chẳng sạch, chẳng hợp, chẳng tán, chẳng tăng, chẳng giảm, nên học Bát nhã ba la mật có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng, vì không học không đến vậy.

LUẬN: Thích đề hoàn hơn hoan hỷ nói: Tu bồ đề trí rất sâu, không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp.

Bấy giờ Phật khen Tu bồ đề rằng: Như vậy, như vậy, như lời giải thích nói.

Hỏi: Có sao Phật khen Tu bồ đề?

Đáp: Chỉ dạy người mà không tự cao, còn đệ tử thì thừa thuận giáo pháp của thầy. Có người thầy nói đệ tử không tin thọ, đệ tử nói thầy không nghe; như người phàm phu khi ở giữa chúng nói pháp, tất cả lời nói đều bị phá không tin thọ. Vì Phật không có tâm tôi, ta, nên khen Tu bồ đề: Như vậy, như vậy!

\*Lại nữa, Phật lấy tâm đại bi, muốn khiến chúng sinh tin thọ lời Tu bồ đề nói: nên khen trí Tu bồ đề rất sâu.

Năm uẩn do nhân duyên hòa hợp sinh, không có tánh nhất định, chỉ có giả danh, giả danh thật tướng là năm uẩn như như, pháp tánh, thật tế. Tu bồ đề nói không trái lý ấy, vì sao? Vì Thánh nhân biết danh tự là Tục đế, thật tướng là đệ nhất nghĩa đế. Có sự nói ra là tùy theo người phàm phu, còn trong đệ nhất nghĩa đế không kia đây, cũng không tranh cãi, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy, Chúng sinh không, cho đến kẻ biết kẻ thấy cũng không. Tu đà hoàn chỉ có giả danh, cho đến Phật cũng như vậy.

Bồ tát biết hết thầy pháp giả danh, thời nên học Bát nhã ba la mật. Vì có sao? Vì hết thầy pháp chỉ có giả danh, đều không thuận theo tướng rỗng ráo không của Bát nhã ba la mật.



Học như vậy không học sắc là trong pháp giả danh không có sắc nhất định. Nếu không có sắc thì làm sao học sắc. Vì sao? Vì Bồ tát dùng năm mắt tìm sắc, mà không thấy sắc ấy tướng hoặc ngã hoặc vô ngã, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao chẳng thấy sắc?

Đáp: Trong sắc, sắc tướng không, không thể có được. Không thể thấy tức là tự tướng không, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

\*Lại nữa, không học sắc là sắc ấy không, tức tự không thể học sắc không, vì các pháp duyên biết tướng khác, không duyên biết tướng mình. Thí như người cưỡi ngựa, chẳng phải ngựa cưỡi ngựa.

Hỏi: Nếu không học hết thấy pháp như vậy, làm sao học Nhất thiết trí?

Đáp: Trong đây nói nếu đối với các pháp không mà không chấp trước ấy là chơn thật học sắc không. Nếu lại chấp trước không, ấy là phá các pháp mà không phá không. Nếu người phá sắc mà không chấp trước không, ấy thời sắc và không không hai không khác. Ấy là học được sắc không, vì không thể có được nên chẳng thấy, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Vô lượng vô biên vô số Phật pháp là khen Trí nhất thiết chủng. Trí nhất thiết chủng trên ở trong tâm Bồ tát thời có hạn lượng, ở trong tâm Phật thời không hạn lượng. Vì vậy nên trên tuy nói học Phật pháp, nay lại nói riêng. Nếu học được như vậy, là chánh hành đạo Bồ tát, học sắc không tăng không giảm. Tăng là nếu chỉ thấy bốn đại và bốn đại tạo sắc (sắc, hương, vị, xúc) hòa hợp thành thân, thời không sinh tâm chấp trước, để đối với thân này khởi lên các tướng nam nữ, tốt xấu, dài ngắn v.v... cho nhất định là có thật sinh tâm nhiễm đấm; ấy là tăng. Nếu phá sắc khiến cho không, tâm nhiễm đấm không ấy; ấy là giảm; cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Chẳng thọ chẳng diệt là “không” nên chẳng thọ, nghiệp quả nhân duyên nối nhau nên chẳng diệt. Trong đây Tu bồ đề tự nói nhân duyên: Sắc, thọ là không thể có được nên chẳng thọ, lại vì sắc trong ngoài không nên chẳng thọ; sắc trong ngoài không, không nên chẳng diệt.

Hỏi: Nên lấy mười tám không mà làm các pháp không, sao trong đây chỉ nói nội ngoại không?

Đáp: Sắc thọ là không có, nên nói nội không, sắc không thể thọ nên nói ngoại không. Vì Nội ngoại không thời nhiếp tất cả pháp không, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Nếu Bồ tát học được như vậy thời xuất sinh Trí nhất thiết chủng, vì Trí nhất thiết chủng là tướng không chướng ngại. Nếu Bồ tát quán tất cả pháp như hư không, không chướng ngại, thời ấy là học Trí nhất thiết chủng, vì nhân quả giống nhau.

Xá lợi phát nghĩ rằng: Bồ tát nên phải diệt tất cả phiền não, nên phải lãnh thọ tất cả các pháp, nay học không thọ không diệt thời làm sao xuất sinh Trí nhất thiết chủng? Nghĩ như vậy rồi, hỏi Tu bồ đề, Tu bồ đề đáp: Pháp tướng sinh của tất cả pháp nên chẳng sinh, pháp tướng vô thường của tất cả pháp nên chẳng diệt. Quán các tội lỗi của tất cả pháp nên chẳng thọ, quán các lợi ích của tất cả pháp nên chẳng bỏ. Tất cả pháp tánh thường thanh tịnh nên chẳng nhơ, tất cả pháp hay sinh tâm nhiễm trước nên chẳng sạch, tất cả pháp tuy là có làm không làm, khởi diệt, ra vào, qua lại v.v... mà chẳng nhiều chẳng ít, chẳng tăng chẳng giảm. Ví như biển cả, muôn dòng chảy về mà chẳng tăng, hỏa châu nấu không giảm. Các pháp cũng như vậy, vì pháp tánh thường trú, vì tất cả pháp tự tánh không thể có được.

Học được như vậy thời xuất sinh đạt đến Trí nhất thiết chủng, không thấy tướng học, không thấy tướng xuất, không thấy tướng Bồ tát, không thấy tướng Bát nhã ba la mật. Trong đây nói lược nên chỉ nói không học không xuất.

**KINH:** Bấy giờ, Thích đề hoàn hơn hỏi Xá lợi phát: Bồ tát ma ha tát nên tìm Bát nhã ba la mật ở đâu?

Xá lợi phát đáp: Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát nên tìm ở trong phẩm Tu bồ đề nói.

Thích đề hoàn hơn hỏi Tu bồ đề: Đó là do thần lực của ông sai Xá lợi phát nói Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát nên tìm ở trong phẩm Tu bồ đề ư?

Tu bồ đề đáp Thích đề hoàn hơn: Chẳng phải do thần lực của tôi.

Thích đề hoàn hơn hỏi Tu bồ đề: Ấy là do thần lực của ai?

Tu bồ đề đáp: Là do thần lực của Phật.

Thích đề hoàn nơn nói: Hết thầy pháp đều không có chỗ lãnh thọ, cứ sao nói đó là do thần lực của Phật? Vì lìa tướng không có chỗ lãnh thọ (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Không chỗ nương tựa giữ gìn*) Như Lai không thể có được; lìa như như, Như Lai không thể có được?

Tu bồ đề nói với Thích đề hoàn nơn: Như vậy, như vậy! Kiền thi ca! Lìa tướng không có chỗ lãnh thọ, Như Lai không thể có được; lìa như như, Như Lai cũng không thể có được. Trong tướng không có chỗ lãnh thọ, Như Lai không thể có được; trong như như Như Lai không thể có được; trong sắc như như, Như Lai như như không thể có được, trong Như Lai như như, sắc như như không thể có được; trong tướng sắc pháp, tướng Như Lai pháp không thể có được; trong tướng Như Lai pháp, tướng sắc pháp không thể có được; trong tướng thọ, tướng, hành, thức pháp cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Kiền thi ca! Trong Như Lai, với sắc như như chẳng hợp chẳng tán (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Chẳng phải tương ứng, chẳng phải không tương ứng*); trong thọ, tướng, hành, thức như như chẳng hợp chẳng tán; Như Lai lìa sắc như như, chẳng hợp chẳng tán, lìa thọ, tướng, hành, thức như như chẳng hợp chẳng tán, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Như Lai với tướng sắc pháp chẳng hợp chẳng tán, với tướng thọ, tướng, hành, thức pháp chẳng hợp chẳng tán, Như Lai với tướng lìa sắc pháp, chẳng hợp chẳng tán, với tướng lìa thọ, tướng, hành, thức pháp, chẳng hợp chẳng tán, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Kiền thi ca! Như vậy trong hết thầy pháp chẳng hợp chẳng tán, lìa thần lực Phật, vì dùng phương tiện không nhiếp thọ pháp gì (*vì không y trì – ND*).

Như Kiền thi ca nói, Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát nên tìm ở chỗ nào? Kiền thi ca! Không nên ở trong sắc tìm Bát nhã ba la mật, cũng không nên lìa sắc tìm Bát nhã ba la mật, không nên ở trong thọ, tướng, hành, thức tìm Bát nhã ba la mật, cũng không nên lìa thọ, tướng, hành, thức tìm Bát nhã ba la mật, vì cứ sao? Vì Bát nhã ba la mật với sắc, thọ, tướng, hành, thức, tất cả pháp ấy đều chẳng hợp

chẳng tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng tức là vô tướng, cho đến trong Trí nhất thiết chủng không nên tìm Bát nhã ba la

mật, cũng không nên lìa Trí nhất thiết chủng tìm Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật với Trí nhất thiết chủng, tất cả pháp ấy đều chẳng hợp chẳng tán. Không sắc, không hình, không đối chỉ một tướng tức là vô tướng, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc, cũng chẳng phải lìa sắc; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng phải lìa thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chẳng phải Trí nhất thiết chủng, cũng chẳng phải lìa Trí nhất thiết chủng. Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc như, cũng chẳng phải lìa sắc như, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức như, cũng chẳng phải lìa thọ, tưởng, hành, thức như.

Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải lìa sắc pháp; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức pháp, cũng chẳng phải lìa thọ, tưởng, hành, thức pháp; cho đến chẳng phải Trí nhất thiết chủng như, cũng chẳng phải lìa Trí nhất thiết chủng như.

Bát nhã ba la mật chẳng phải pháp Trí nhất thiết chủng, cũng chẳng phải lìa pháp Trí nhất thiết chủng, vì sao? Kiền thi ca! Vì hết thảy pháp đều không có gì, không thể có được, vì không có gì, không thể có được nên Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc, cũng chẳng phải lìa sắc; chẳng phải sắc như, cũng chẳng phải lìa sắc như; chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải lìa sắc pháp, cho đến chẳng phải Trí nhất thiết chủng, cũng chẳng phải lìa Trí nhất thiết chủng; chẳng phải Trí nhất thiết chủng như, cũng chẳng phải lìa Trí nhất thiết chủng như; chẳng phải pháp Trí nhất thiết chủng, cũng chẳng phải lìa pháp Trí nhất thiết chủng.

LUẬN. Hỏi: Phật, Xá lợi phất, Tu bồ đề, từ trước lại đây đã dùng mỗi mỗi nhân duyên thuyết minh tướng Bát nhã ba la mật, nay có gì Thích đề hoàn hơn hỏi nên tìm Bát nhã ở đâu?

Đáp: Đây không hỏi về thể Bát nhã, chỉ hỏi việc ngôn thuyết danh tự Bát nhã có thể tụng đọc. Thế nên Xá lợi phất nói: Nên nơi phẩm của Tu bồ đề nói mà tìm.

Tu bồ đề ưa nói không, vì thường khéo tu tập không. Xá lợi phất tuy trí tuệ đệ nhất, vì không có tâm tôi, ta, tật đố, lại dứt pháp ái nên nói hãy tìm ở nơi phẩm của Tu bồ đề nói.

Hỏi: Phật nơi nơi nói Bát nhã ba la mật, muốn sánh với điều Tu bồ đề nói gấp trăm ngàn vạn không thể dùng toán số thí dụ sánh được, có sao không nói tìm trong phẩm của Phật nói?

Đáp: Ý của Thích đề hoàn hơn là trừ Phật ra, ai là người khéo nói? Vì vậy Phật suy cử Tu bồ đề.

\*Lại nữa, Phật thường ngày đêm sáu thời, dùng Phật nhãn quán xét chúng sinh, không để cho vì không nghe pháp phải đọa lạc, nên tùy chỗ chúng sinh có thể hiểu, có thể được, có thể tu tập mà nói. Hoặc nói Bát nhã ba la mật vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung v.v... gọi là Bát nhã ba la mật, hoặc phân biệt tướng chung tướng riêng của các pháp, hoặc nói các pháp nhân duyên hòa hợp sinh, không có kẻ làm, kẻ thọ, kẻ biết, kẻ thấy, gọi là Bát nhã ba la mật. Hoặc nói pháp không, hoặc nói rốt ráo không, gọi là Bát nhã ba la mật. Vì vậy nên không bảo nên tìm trong phẩm của Phật dạy.

Lại, tâm niệm Thích đề hoàn hơn, không biết thế nào chắc chắn là tướng Bát nhã nhất định? Vì vậy Xá lợi phất nói Tu bồ đề thường thâm nhập không, lời nói ra đều hướng về không, cái không được nói ấy cũng không, cho nên nói hãy tìm trong phẩm của Tu bồ đề nói. Thích đề hoàn hơn hoan hỷ tán thán Tu bồ đề rằng: Thần lực đại đức rất lớn! Tu bồ đề khiêm nhường nói: Chẳng phải sức tôi, đó là thần lực nhiếp thọ của Phật.

Thích đề hoàn hơn nói: Nếu hết thấy pháp đều không có nhiếp thọ làm sao nói đó là thần lực nhiếp thọ của Phật? Nếu là tướng không nhiếp thọ thì Như Lai không thể có được, là như như thì Như lai không thể có được. Thích đề hoàn hơn nghĩ rằng: Hết thấy không có tướng nhiếp thọ, hết thấy pháp không, không nơi nương tựa, thời làm sao sẽ nói nhất định có Như Lai? Nếu không có Như Lai làm sao có thần lực nhiếp thọ?

Lại, là tướng không nhiếp thọ thì Như Lai cũng không thể có được, nay là như như, Như Lai không thể có được.

Hỏi: Tướng không nhiếp thọ với như như có gì sai khác?

Đáp: Thật tướng các pháp cũng gọi là không nhiếp thọ, cũng gọi là như như. Các pháp không thể dính mắc nên gọi là không nhiếp thọ, các hý luận không thể phá hoại nên gọi là như như. Nay nơi không, Như Lai không thể có được, là không, cũng không thể có được.

Tu bồ đề nhận đúng, nói: Như vậy, như vậy! Nay Tu bồ đề nói rộng việc ấy, nơi tướng không nhiếp thọ, tướng như như, Như Lai không thể có

được; hoặc dùng danh tự Phật, gọi là Như Lai; hoặc dùng danh tự chúng sinh gọi là Như Lai (Tathagata).

Như đời trước đến, đời sau cũng đi như vậy, ấy cũng gọi là Như Lai, cũng gọi là Như Khứ. Như trong mười bốn trí nạn nói: Sau khi chết Như Khứ (Như Lai) là có tồn tại hay không tồn tại? Hay cũng có cũng không tồn tại? Hay cũng chẳng phải có chẳng phải không tồn tại?

Phật gọi là Như Lai, là như Phật Định Quang (Nhiên đặng) hành sáu Ba la mật, được thành Phật đạo. Phật Thích ca vẫn cũng như vậy mà đến, nên gọi là Như Lai.

Như Phật Định Quang có trí biết các pháp như như, từ trong như như mà đến, nên gọi là Như Lai. Phật Thích ca vẫn cũng như vậy mà đến, nên gọi là Như Lai.

Trong hai nghĩa Như Lai trên, đây là nói về Phật Như Lai. Nhân hiểu Phật Như Lai không có gì, hết thấy chúng sinh, hết thấy pháp, đều như vậy, cũng không có gì, không có nghĩa nhiếp thọ và Như Lai. Như trước đã nói, nay sẽ lược nói lại. Tướng không nhiếp thọ, tướng Như Lai đều không, không có gì, không có tướng nhiếp thọ, không có tướng như như, vì không có định tánh nên không có Như Lai.

Có người nói: Có hai cách nói thật tướng các pháp: 1. Tướng các pháp rất ráo không, là thật; 2. Có người nói rất ráo không ấy có thể chỉ có thể nói, nên chẳng phải thật. Như tướng Niết bàn chẳng thể chỉ, chẳng thể nói, ấy gọi là thật. Nơi hai việc ấy, trong rất ráo không, Như Lai không thể có được, trong thật tướng phá rất ráo không, Như Lai cũng không thể có được. Rất ráo không tức là tướng không nhiếp thọ, thật tướng phá rất ráo không tức là như như. Từ đây trở đi, nói rộng hai nghĩa. Nơi năm uẩn cho đến Trí nhất thiết chủng, Như Lai không thể có được, vì Như Lai không thể có được, làm sao sẽ có thần lực Như Lai? Như Lai không thể có được, như trên đã nói. Năm uẩn chẳng phải Như Lai, là năm uẩn chẳng phải Như Lai, năm uẩn không ở trong Như Lai, Như Lai không ở trong năm uẩn, Như Lai cũng chẳng có năm uẩn; tướng năm uẩn sinh diệt vô thường, khổ, không, vô ngã, nên chẳng phải là Như Lai, nếu là Như Lai thời Như Lai cũng phải sinh diệt.

\*Lại nữa, năm uẩn là năm pháp, Như Lai là một, làm sao năm pháp làm một? Nếu năm tức là một, một cũng phải tức là năm? Nếu như vậy, pháp

thế gian, pháp xuất thế gian đều bị rối loạn, hư hoại. Do các nhân duyên như vậy nên năm uẩn chẳng phải Như Lai. Nếu lìa năm uẩn có Như Lai, thời Như Lai phải không có thấy, không có nghe, không có biết, không có hiểu, cũng không có cảm giác khổ vui, vì cớ sao? Vì tri giác là pháp của năm uẩn.

Hỏi: Như Lai dùng mắt, tai, trí tuệ, thấy biết được thì có lỗi gì?

Đáp: Hay thấy là mắt, chẳng phải Như Lai. Nếu Như Lai chẳng phải là tướng hay thấy, dùng mắt mới thấy được, vậy khi chưa tiếp nhận sắc, làm sao biết dùng mắt để thấy? Và như thế thì cũng có thể dùng tai thấy chứ!

Hỏi: Như Lai dùng trí tuệ phân biệt có thể biết, mắt có thể thấy, các căn khác không thể thấy, vì vậy nên dùng mắt mà không dùng các căn khác?

Đáp: Biết cũng có lỗi như mắt, vì biết là việc của năm uẩn, chẳng phải là Như Lai. Nếu dùng cái biết để biết mắt, vậy lại dùng gì để biết cái biết đó?

Hỏi: Như Lai dùng biết để biết mắt, dùng mắt để biết sắc, nếu muốn biết Như Lai thời lấy gì biết được? Nếu lấy Như Lai biết Như Lai, ấy thời vô cùng?

Đáp: Tướng biết ở trong biết. Như Lai nếu biết tức là tướng biết. Nếu là tướng biết thời là vô thường, nếu vô thường thời không có đời sau!

\*Lại nữa, lìa năm uẩn có Như Lai thời Như Lai lý đáng phải là thường; như tướng hư không, không nên biến khác, chịu khổ chịu vui; cũng nên không có trí, không có mở v.v... Có các sai lầm như vậy, phá dị biệt nên năm uẩn chẳng ở trong Như Lai, Như Lai chẳng ở trong năm uẩn, cũng chẳng phải Như Lai có năm uẩn.

Hỏi: Lẽ đáng do nhân duyên năm uẩn nên có Như Lai, nếu không có năm uẩn thời không có Như Lai?

Đáp: Nếu do nhân duyên năm uẩn có Như Lai thời Như Lai không có tự tánh; nếu không có tự tánh thời đâu từ tha tánh sinh được! Trong năm uẩn tìm nơi mỗi uẩn không thể có được Như Lai, vì thế nên không có Như Lai; chỉ do hý luận nên nói Như Lai, vì dứt hý luận nên không có Như Lai. Như Lai là pháp chẳng sinh chẳng diệt, làm sao dùng hý luận mà tìm Như Lai? Nếu dùng hý luận tìm Như Lai thời không thấy Như Lai. Nếu cho hoàn toàn không có Như Lai, thời rơi vào tà kiến. Thế nên nếu dùng hý luận có

hay không có mà tìm Như Lai thời không đúng. Tướng Như Lai tức là tướng tất cả pháp, tướng tất cả pháp tức là Như Lai; tướng Như Lai tức là tướng rỗng ráo không, tướng rỗng ráo không tức là tướng tất cả pháp.

Hỏi: Trong đây có sao chỉ nói hai việc, là nói trong năm uẩn như như không có Như Lai như như, trong Như Lai như như không có năm uẩn như như?

Đáp: Đây là nói lược. Nói hai thời cả năm việc đều thu nhiếp.

Lại nữa, hai mươi ngã kiến (Sắc là ngã, ngã là sắc, sắc lớn ngã nhỏ, ngã ở trong sắc, ngã lớn sắc nhỏ, sắc ở trong ngã; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy – ND), tuy tất cả phạm phu đều có nhưng không thể khởi lên một lần. Nay trong hội này, mê lầm hai việc ấy, nên chỉ nói hai việc, như năm uẩn, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy; tướng pháp năm uẩn cho đến tướng pháp Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Năm uẩn như như tức là pháp tướng.

Hỏi: Nếu như như tức là pháp tướng, có sao nói lặp lại?

Đáp: Hành giả khi biết đến năm uẩn như như, tâm kinh sợ rằng có sao pháp tướng rỗng ráo không, không có gì? Vì thế nên nói pháp tướng năm uẩn tự nó như vậy, như người đụng lửa cháy tay thời không có tâm giận, vì biết tướng lửa tự nó như vậy. Nếu người chấp lửa đốt thời sẽ oán giận, vì nó chấp lửa đốt.

Như Lai nói năm uẩn như như, nói pháp tướng năm uẩn chẳng hợp chẳng tán (chẳng phải tương ứng, chẳng phải không tương ứng) là trừ năm uẩn như như không có Như Lai, thời là một tướng, tức là vô tướng, vì có sao? Vì một pháp thì chẳng hợp chẳng tán; có hai pháp nên mới có hợp có tán; là pháp tướng năm uẩn cũng không có hợp có tán, vì có sao? Vì là pháp tướng năm uẩn, Như Lai không thể có được. Pháp tướng Như Lai như như và pháp tướng năm uẩn như như, không hai không khác. Là năm uẩn như như, năm uẩn pháp tướng, cũng chẳng hợp chẳng tán, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Biết được pháp tướng như như như vậy, chẳng hợp chẳng tán, nên có thần lực ấy.

Nên tìm ở chỗ nào là từ trước lại đây, nhân nơi thần lực của Phật nói tướng Bát nhã, ở đây nói thẳng làm sao tìm Bát nhã. Luận giả nói: Năm



uẩn hư dối vô thường, trước không nay có, có rồi lại không, như huyễn như mộng, Bát nhã ba la mật là trí tuệ của chư Phật, làm sao lại tìm trong năm uẩn? Thí như tìm ngọc báu chắc chắn phải tìm trong biển lớn, núi báu, chớ không thể tìm ở chỗ khe rãnh xú ố. Là năm uẩn thời không sinh không diệt, không làm không khởi lên, không có pháp tướng, trong đó làm sao có thể tìm?

\*Lại nữa, năm uẩn và Bát nhã ba la mật chẳng một chẳng khác, chẳng hợp chẳng tán, không sắc không hình, không đối, một tướng tức là vô tướng.

Hỏi: Bát nhã ba la mật là tâm số pháp trí tuệ (tuệ tâm sở) nên có thể là không sắc, không hình, không đối, còn sắc uẩn trong năm uẩn, làm sao nói là không sắc, không hình, không đối?

Đáp: Thánh nhân dùng tuệ nhãn quán các pháp bình đẳng đều không, một tướng tức là vô tướng, vì vậy nên sắc uẩn không hình, không đối.

Lại nữa, sắc của người phạm phu thấy chẳng phải thật, như trước đã phá.

\*Lại nữa, có nhân duyên, Bát nhã ba la mật thấy năm uẩn không như người phạm phu thấy, vì phá năm uẩn của người phạm phu thấy, tức là Bát nhã ba la mật, nên nói chẳng là. Cho đến Trí nhất chủng cũng như vậy, tướng như như, tướng pháp tướng như trước đã nói.

**KINH:** Thích đề hoàn hơn nói với Tu bồ đề: Ma ha ba la mật ấy là Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát; vô lượng Ba la mật, vô biên Ba la mật là Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát. Các Tu đà hoàn, quả Tu đà hoàn, từ nơi Bát nhã ba la mật ấy học thành, cho đến các A la hán, quả A la hán, các Bích chi Phật, đạo Bích chi Phật, các Bồ tát ma ha tát, đều từ nơi Bát nhã ba la mật ấy học thành. Việc thành tựu chúng sinh tịnh quốc độ Phật, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều từ Bát nhã ba la mật ấy học thành.

Tu bồ đề nói với Thích đề hoàn hơn rằng: Như vậy, như vậy! Kiêu thi ca! Ma ha ba la mật ấy là Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát; vô lượng Ba la mật, vô biên Ba la mật là Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát từ trong ấy học thành, quả Tu đà hoàn, cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, các Bồ tát ma ha tát từ trong Bát nhã ba la mật ấy học thành, việc

thành tựu chúng sinh, tịnh quốc độ Phật, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đã được, nay được, sẽ được.

Kiều thi ca! Sắc lớn nên Bát nhã ba la mật cũng lớn, vì sao? Vì sắc ấy tiền tế (đời trước) không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được. Thọ, tưởng, hành, thức lớn nên Bát nhã ba la mật cũng lớn, vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức, tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Do nhân duyên ấy, Kiêu thi ca! Ma ha ba la mật ấy là Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát.

Kiều thi ca! Sắc vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng, vì sao? Vì sắc lượng không thể có được. Kiêu thi ca! Thí như hư không lượng không thể có được, sắc cũng như vậy, lượng không thể có được. Hư không vô lượng nên sắc vô lượng; sắc vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng; thọ, tưởng, hành, thức cho đến Trí nhất thiết chủng vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng, vì sao? Vì Trí nhất thiết chủng vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng, vì sao? Vì Trí nhất thiết chủng, lượng không thể có được; thí như hư không, lượng không thể có được. Trí nhất thiết chủng cũng như vậy, lượng không thể có được. Hư không vô lượng nên Trí nhất thiết chủng vô lượng, Trí nhất thiết chủng vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng. Do nhân duyên ấy, nên Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát vô lượng.

Kiều thi ca! Sắc vô biên nên Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát vô biên, vì sao? Kiêu thi ca! Vì sắc ấy tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên, vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức tiền tế, hậu tế, trung tế đều không thể có được, cho đến Trí nhất thiết chủng vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên, vì sao? Vì Trí nhất thiết chủng tiền, hậu, trung tế không thể có được. Do nhân duyên ấy, Kiêu thi ca! Bát nhã ba la mật vô biên, sắc vô biên, cho đến Trí nhất thiết chủng vô biên.

\*Lại nữa, Kiêu thi ca! Duyên vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Tu bồ đề! Thế nào là duyên vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên?

Tu bồ đề đáp: Duyên hết thầy pháp vô biên, nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Thế nào là duyên hết thầy pháp vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên?

Tu bồ đề đáp: Duyên pháp tánh vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên.

\*Lại nữa, Kiều thi ca! Duyên như như vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Thích đề hoàn nhơn hỏi: Làm sao duyên như như vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên?

Tu bồ đề đáp: Như như vô biên, nên duyên cũng vô biên, duyên vô biên nên như như cũng vô biên. Do nhân duyên ấy, Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát vô biên.

\*Lại nữa, Kiều thi ca! Chúng sinh vô biên, nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Thích đề hoàn nhơn hỏi Tu bồ đề: Thế nào là chúng sinh vô biên, nên Bát nhã ba la mật vô biên?

Tu bồ đề đáp: Ý ông nghĩ sao? Những pháp gì gọi là chúng sinh?

Thích đề hoàn nhơn đáp: Không có pháp gọi là chúng sinh, giả danh nên gọi là chúng sinh, danh tự ấy vốn không có pháp, cũng không chỗ xu hướng, chỉ gượng làm danh tự.

Kiều thi ca! Ý ông nghĩ sao? Trong Bát nhã ba la mật nói chúng sinh có thật chăng?

Thích đề hoàn nhơn đáp: không.

Kiều thi ca! Nếu Bát nhã ba la mật không nói thật, thì chúng sinh vô biên cũng không thể có được.

Kiều thi ca! Ý ông nghĩ sao? Phật sống hằng hà sa kiếp nói chúng sinh, danh tự chúng sinh, vả lại có thể có pháp chúng sinh có sinh có diệt chăng?

Thích đề hoàn nhơn đáp: Thừa không, vì sao? Vì chúng sinh từ xưa lại đây thường thanh tịnh.

Do nhân duyên ấy, Kiều thi ca! Chúng sinh vô biên, nên biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên.

LUẬN. Hỏi: Thích đề hoàn nơn là người Tu đà hoàn làm sao hỏi được Bát nhã ba la mật sâu xa?

Đáp: Như Tu bồ đề, là vị A la hán hoàn toàn mà vì lợi ích cho Bồ tát, thương xót chúng sinh nên hỏi việc của Bồ tát làm. Thích đề hoàn nơn tuy là người Thanh văn, là thiên chủ của các trời, có trí tuệ lanh lợi, thương xót chúng sinh nên hỏi Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

\*Lại nữa, có người nói: Trong ba ngàn đại thiên thế giới, có trăm ức Thích đề hoàn nơn. Trong kinh Trung A hàm nói Thích đề hoàn nơn là người được quả Tu đà hoàn, khác với Thích đề hoàn nơn ở đây. Thích đề hoàn nơn ở đây là đại Bồ tát, vì thương xót chúng sinh nên ba cách tán thán Bát nhã ba la mật, là Ma ha ba la mật, vô lượng ba la mật, vô biên ba la mật là Bát nhã ba la mật. Vì từ trong Bát nhã ba la mật ấy học thành các Thánh đạo. Tu bồ đề nhận lời tán thán của Thích đề hoàn nơn đúng mà giải rộng lời tán thán đó, bằng cách nói năm uẩn lớn nên Bát nhã ba la mật lớn.

Năm uẩn lớn là tìm ở ba đời (tam tế) đều không thể có được, cũng vì vô lượng vô biên nên gọi là lớn. Phá vô lượng vô biên năm uẩn ấy mà đưa chúng sinh vào Vô dư Niết bàn nên nói Bát nhã ba la mật lớn, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Vô lượng cũng như vậy, chỉ vì dùng hư không để thí dụ là khác. Có pháp tuy lớn mà không hẳn vô lượng, thế nên không được lấy hư không để ví dụ... Như núi Tu di tuy lớn giữa các núi mà có hạn lượng, khoảng 84.000 do tuần.

Vô biên là, vì năm uẩn rộng lớn vô lượng cho nên nói vô biên; cũng vì năm uẩn có biên, thời còn có thì, có thì thời có chung, tức là không nhân không duyên, bị rơi vào các sai lầm chấp đoạn diệt.

\*Lại nữa, năm uẩn tìm ở trong ba đời đều không thể có được, nên nói là vô biên.

Duyên vô biên là tất cả pháp có bốn duyên là nhân duyên, sinh tất cả pháp hữu vi; thứ đệ duyên, là tâm tâm sở pháp quá khứ hiện tại; duyên duyên

tăng thượng duyên là chỉ tất cả pháp. Bốn duyên ấy ở tất cả chỗ, tất cả thời đều có nên nói là duyên vô biên. Duyên vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên.

\*Lại nữa, duyên vô biên là bốn duyên hư dối không thật, rốt ráo không, cho nên vô biên.

\*Lại nữa, duyên như như, pháp tánh, thật tế vô biên, nên Bát nhã ba la mật vô biên. Như như, pháp tánh, thật tế là tướng vô vi tự nhiên nên vô lượng vô biên. Năm uẩn vô biên là do sức tu quán cưỡng làm nó vô biên.

Lại nữa, chúng sinh vô biên là vì chúng sinh nhiều. Vô lượng vô số chúng sinh trong ba đời mười phương, không ai có thể đếm biết được, nên nói vô biên.

\*Lại nữa, trong đây nói chúng sinh không, nên nói là vô biên, chỉ cưỡng đặt tên.

Cũng không chỗ thú hướng là vì chúng sinh có định pháp có thể thú hướng; như lửa định có chỗ thú hướng, còn danh tự chúng sinh không thật có chúng sinh có thể thú hướng.

- Ý ông nghĩ sao? Trong Bát nhã ba la mật, có thể nói thật có chúng sinh chăng?

- Thưa không, bạch Đại đức!

- Nếu chúng sinh thật không có, thời làm sao có biên?

Như chư Phật là bậc đệ nhất trong tất cả người nói thật, sống trong vô lượng hằng hà sa kiếp nói danh tự chúng sinh, mà pháp chúng sinh ấy không vì nói mà có sinh có diệt, hưởng gì các người khác điên đảo hư dối, chỉ nói một lúc? Vì làm phát sinh tâm ta, nên sẽ có chúng sinh thật. Chúng sinh ấy không vì đưa vào Bát nhã ba la mật nên nói không có, mà chính từ xưa lại đây, thường thanh tịnh, không có, hý luận nói có nói không đều dứt. Vì vậy nên nói chúng sinh vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Hỏi: Sao đối với vô biên lại nói rộng, còn lớn và vô lượng thì nói lược?

Đáp: Do nhân duyên chúng sinh mà nói. Kẻ phàm phu khởi các phiền não, đối với năm uẩn sinh các tà kiến khó phá, cho nên nói rộng, nếu phá chấp tướng chúng sinh, thời các tướng khác dễ phá.

(Hết cuốn 55 theo bản Hán)

--o0o --